Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG

KHOA KINH TẾ & KINH DOANH QUỐC TẾ

CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

----------***---------

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Đề tài:

QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM – TRUNG QUỐC VÀ ĐỊNH HƯỚNG

Sinh viên thực hiện : Hoàng Thị Quỳnh Phương

Lớp **Khoá**

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

: Anh 6

: 43B

Giáo viên hợớng dẫn : ThS. Đào Thị Thu Giang

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU **i**

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI VỆT NAM – TRUNG QUỐC **1**

1.1 VÀI NÉT VỀ LỊCH SỬ QUAN HỆ VIỆT NAM TRUNG QUỐC ***1***

1.1.1 Quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam – Trung Quốc trước khi hai nước giành được độc lập: 1

1.1.2 Quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam – Trung Quốc kể từ khi hai nước giành được độc lập 2

1.1.3 Quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam – Trung Quốc kể từ khi bình thường hóa quan hệ đến nay 8

1.2 CƠ SỞ CHO SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM – TRUNG QUỐC ***11***

1.2.1 Cơ sở pháp lý 11

1.2.2 Cơ sở hạ tầng 21

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - TRUNG QUỐC **29**

2.1 THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU ***29***

2.1.1 Thực trạng hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa Việt Nam – Trung Quốc trong những năm gần đây (năm 2001 đến nay) 29

2.1.2. Cơ cấu hàng xuất nhập khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc .. 33

2.1.3. Phân tích khả năng cạnh tranh của hàng hóa xuất nhập khẩu 44

2.2 THỰC TRẠNG MỘT SỐ QUAN HỆ KINH TẾ KHÁC ***49***

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

2.2.1 Thực trạng quan hệ đầu tơ trực tiếp 51

2.2.2 Thực trạng hoạt động hợp tác khoa học công nghệ 54

2.2.3 Quan hệ du lịch Việt Trung 57

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ THƠƠNG MẠI VIỆT NAM – TRUNG QUỐC TRONG THỜI GIAN QUA 59

2.3.1 Ơu điểm 59

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

2.3.2 Những tồn tại 61

2.3.3 Nguyên nhân của những tồn tại 61

CHƯƠNG 3: QUAN ĐIỂM VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - TRUNG QUỐC ĐẾN NĂM 2015 66

3.1 CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM – TRUNG QUỐC TỪ NAY ĐẾN NĂM 2015 66

3.1.1 Nhân tố toàn cầu 66

3.1.2 Nhân tố khu vực: Tác động của việc hình thành Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc (ACFTA) 68

3.1.3 Nhân tố Trung Quốc 72

3.1.4 Nhân tố Việt Nam 74

3.2 QUAN ĐIỂM VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM – TRUNG QUỐC 76

3.2.1. Quan điểm 76

3.2.2 Định hướng phát triển quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam – Trung Quốc đến năm 2015 76

3.3 MỘT SỐ BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN QUAN HỆ HỢP TÁC KINH TẾ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM – TRUNG QUỐC ĐẾN NĂM 2015 .. 85

3.3.1 Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý cho hợp tác kinh tế thương mại Việt Nam – Trung Quốc 85

3.3.2 Thu hút đầu tư từ Trung Quốc và các nước khác để phát triển sản xuất thay thế nhập khẩu 85

3.3.3. Chuyển dich cơ cấu kinh tế để tận dụng lợi thế cạnh tranh trong thương mại với Trung Quốc 87

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

3.3.4. Nâng cao khả năng tiếp cận thị trọờng của các doanh nghiệp Việt Nam 92

3.3.5. Mở rộng các hình thức hợp tác kinh tế thọơng mại với Trung Quốc 95

KẾT LUẬN iv

TÀI LIỆU THAM KHẢO vi

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

MỤC LỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Xuất nhập khẩu hàng hoá giữa Việt Nam và Trung Quốc 29
Bảng 2.2. Xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam sang Trung Quốc 30
Bảng 2.3. Nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam từ Trung Quốc 31
Bảng 2.4. Kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam - Trung Quốc qua cửa khẩu 6 tỉnh biên giới phía Bắc Việt Nam giai đoạn 2001-2005 33
Bảng 2.5. Cơ cấu hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc 35
Bảng 2.6. Tỷ trọng một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc năm 2005 (triệu USD) 39
Bảng 2.7. Cơ cấu mặt hàng nhập khẩu của Việt Nam từ Trung Quốc 41
Bảng 2.8: Đầu tợ trực tiếp của nợớc ngoài tại Việt Nam đợợc cấp giấy phép năm 1988 – 2006 của Trung Quốc so sánh với một số quốc gia và vùng lãnh thổ khá 53
Bảng 2.9: Lợợng du khách Trung Quốc tại 10 điểm đến quốc tế chính, 2003-2004 57

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

LỜI MỞ ĐẦU

Tính cấp thiết của đề tài:

Việt Nam và Trung Quốc là hai nước láng giềng "núi liền núi, sông liền sông". Về mặt lịch sử, dân tộc và văn hóa, giữa hai nước Việt Nam và Trung Quốc cũng có những nét tương đồng. Tất cả những điều kiện lịch sử và địa lý tự nhiên đó đã khiến cho nhân dân hai nước từ rất sớm đã gắn bó với nhau tạo thành mối quan hệ hữu nghị truyền thống lâu đời. Trên cơ sở của mối quan hệ hữu hảo truyền thống đó, mối quan hệ kinh tế giữa hai nước đã được hình thành và phát triển qua các thời kỳ lịch sử khác nhau từ thời cổ trung đại cho đến cận hiện đại và hiện đại. Quan hệ Việt-Trung trong gần 2200 năm lịch sử của nó đã trải qua nhiều thăng trầm biến đổi. Có những thời điểm quan hệ Việt Nam – Trung Quốc tưởng chừng "đóng băng", nhưng hầu hết thời gian, Việt Nam – Trung Quốc có mối quan hệ giao thương hữu hảo.

Việt Nam và Trung Quốc có đường biên giới chung trên đất liền dài chừng 1350 km chạy qua 6 tỉnh (31 huyện) của Việt Nam và 2 tỉnh gồm 6 thành phố, địa khu, châu (14 huyện) của Trung Quốc. Trên biên giới chung của hai nước có 25 cửa khẩu (4 cặp cửa khẩu quốc tế, 7 cửa khẩu quốc gia và 14 cặp cửa khẩu tiểu ngạch). Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho mối quan hệ hai nước nói chung và mối quan hệ kinh tế, thương mại nói riêng. Quan hệ buôn bán qua biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc đã được hình thành từ lâu, nhưng thật sự phát triển mới 50 năm, đặc biệt là 10 năm sau khi hai nước được bình thường hoá. Do đó, chúng ta có đủ cơ sở để tin tưởng rằng, bước sang thế kỷ XXI - thế kỷ của Châu Á - Thái Bình Dương, quan hệ hợp tác kinh tế nói chung và quan hệ buôn bán qua biên giới nói riêng giữa hai nước vẫn còn nhiều tiềm năng để phát triển hơn nữa. Đặc biệt là khi Trung Quốc, tiếp đến là Việt Nam đã tham gia vào tổ chức thương mại lớn nhất thế giới, WTO, mối quan hệ kinh tế thương mại giữa hai nước lại được nâng lên một

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

tầm cao mới. Chính vì lẽ đó, việc nghiên cứu cẩn thận và sâu sắc về mối quan hệ hai nước cũng như triển vọng hợp tác trong những năm tới là một yêu cầu cấp thiết.

Xuất phát từ thực tế đó, trên cơ sở hệ thống lý luận đã được học tập nghiên cứu tại trường đại học Ngoại Thương, cùng sự giúp đỡ, hướng dẫn tận tình của Thạc sỹ Đào Thị Thu Giang, tôi chọn đề tài: "Quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam - Trung Quốc và định hướng đến năm 2015" với mong muốn đóng góp một phần nhỏ trong chương trình nghiên cứu về quan hệ kinh tế thương mại của Việt Nam và Trung Quốc.

Mục tiêu nghiên cứu:

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài bao gồm hệ thống hóa những kiến thức chung nhất về quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam – Trung Quốc trong giai đoạn hiện nay, đồng thời đưa ra một số nhận định về xu hướng phát triển mối quan hệ này trong thời gian tới, từ đó đưa ra các giải pháp để phát triển quan hệ Việt – Trung. Mục đích cuối cùng là trang bị cho mình nền tảng kiến thức cần thiết phục vụ cho công việc sau này.

Phạm vi nghiên cứu:

Dựa trên những tài liệu sưu tầm được, tôi xin tập trung nghiên cứu mối quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam – Trung Quốc, đặc biệt là mối quan hệ thương mại giữa hai nước trong những năm gần đây (chủ yếu từ khi hai nước bình thường hóa quan hệ đến nay). Qua đó, xin đưa ra một số nhân tố ảnh hưởng đến mối quan hệ hai nước trong tương lai bao gồm các nhân tố toàn cầu, nhân tố khu vực và bản thân hai nước. Cuối cùng tôi xin được đưa ra quan điểm cũng như một số giải pháp nhằm phát triển quan hệ hợp tác giữa hai nước đến năm 2015.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Nội dung của đề tài:

Nội dung đề tài chủ yếu xoay quanh mối quan hệ kinh tế thợơng mại Việt Nam – Trung Quốc. Trợớc tiên, tôi xin đợa ra một cái nhìn khái quát quan hệ Việt Trung trong lịch sử, cơ sở pháp lý, cơ sở vật chất tạo tiền đề cho mối quan hệ này . Tiếp theo xin đợợc đợa ra những phân tích chi tiết quan hệ kinh tế thợơng mại Việt Nam – Trung Quốc trong những năm gần đây (từ khi bình thợờng hóa quan hệ đến nay). Cuối cùng là những yếu tố ảnh hợởng, định hợớng phát triển và giải pháp nhằm phát triển mối quan hệ láng giềng hữu hảo Việt – Trung cho đến năm 2015.

Theo bố cục đó, bài luận văn bao gồm ba phần:

Chợơng 1: Khái quát về quan hệ kinh tế thợơng mại Việt Nam – Trung Quốc

Chợơng 2: Thực trạng quan hệ kinh tế thợơng mại Việt Nam – Trung Quốc

Chợơng 3: Nhân tố tác động, quan điểm và giải pháp phát triển hợp tác kinh tế thợơng mại Việt Nam – Trung Quốc đến năm 2015

Vì đối tợợng nghiên cứu là một mối quan hệ kinh tế thợơng mại lâu đời giữa hai nợớc láng giềng hữu hảo, bài khóa luận không thể tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong sự quan tâm của các thầy cô giáo và các bạn để bài khóa luận đợợc hoàn thiện hơn.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI VỆT NAM – TRUNG QUỐC

1.1 VÀI NÉT VỀ LỊCH SỬ QUAN HỆ VIỆT NAM TRUNG QUỐC

1.1.1 Quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam – Trung Quốc trước khi hai nước giành được độc lập:

Lịch sử quan hệ Việt Nam - Trung Quốc đã hình thành từ rất sớm, khoảng 2200 năm trước đây. Và cũng từ ngày đó, quan hệ buôn bán giao thương giữa thương nhân hai quốc gia cũng được hình thành.

Vào thế kỷ X, XI Việt Nam đã giao lưu kinh tế với Trung Quốc và các nước Đông Nam Á. Đến thế kỷ XVII, giao lưu kinh tế Việt nam với Trung Quốc và các nước Đông nam á phát triển rộng. ở miền Bắc Việt Nam, tiêu biểu là hai đô thị: Kinh Kỳ (Thăng Long) và Phố Hiến (Hưng Yên). ở miền Nam là Hội An (Faifo). Kinh Kỳ, Phố Hiến có thương điếm của Trung quốc, Xiêm La (bên cạnh những thương điếm của phương tây: Anh, Hà Lan…), Hội An có thương điếm của Trung Quốc, Nhật Bản, Xiêm la, Mã Lai, Miến Điện[1]…

Tiếp theo các triều đại phong kiến Việt Nam: Lý, Trần, Lê, Nguyễn đã tiếp tục quan hệ buôn bán qua biên giới với các triều đại phong kiến Trung Quốc: Tống, Nguyên, Minh, Thanh. Lúc bấy giờ buôn bán qua biên giới hai nước Việt - Trung chỉ là sự thông thương nhằm bổ sung cho nhau, với hai hình thức chủ yếu là cống nạp và dân gian.

Bước vào thời kỳ cận đại, Việt Nam trở thành thuộc địa, Trung Quốc trở thành nửa thuộc địa của tư bản phương Tây, hai nước Việt Nam và Trung Quốc đã ký "Điều ước Việt Nam (năm 1885)" và "Chương trình hợp tác biên giới (năm 1896)", trong đó, quy định 25 điểm đồn trú tuần tra dọc biên giới

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

chung giữa hai nước cũng chính là điểm họp chợ chung cho cư dân hai bờ biên giới.

Nhìn chung, quan hệ buôn bán giữa Việt Nam Trung Quốc thời kỳ này chủ yếu là cống nạp và dân gian. Ưu thế thương mại nghiêng về các thương nhân Trung Quốc.

1.1.2 Quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam – Trung Quốc kể từ khi hai nước giành được độc lập

Năm 1945, sau khi kết thúc đại chiến thế giới lần thứ hai, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (nay là CHXHCN Việt Nam) ra đời (2.9.1945) tiếp theo nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa được thành lập (1.10.1949), và chỉ mấy tháng sau đó (18.1.1950) hai nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (dưới đây gọi tắt là Việt Nam) và Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa (dưới đây gọi tắt là Trung Quốc) đã thiết lập quan hệ ngoại giao. Điều đó đã mở ra một thời kỳ mới trong quan hệ hai nước về nhiều mặt, tạo điều kiện cho sự phát triển mạnh mẽ quan hệ kinh tế - buôn bán giữa hai nước, trong đó có buôn bán qua biên giới Việt - Trung.

Trong khoảng thời gian, từ những năm 50 đến những năm 70, trên tinh thần "Vừa là đồng chí, vừa là anh em", hai nước đã ký các bản "Nghị định thư buôn bán tiểu ngạch biên giới Việt - Trung" (năm 1955) và "Nghị định thư trao đổi hàng hoá biên giới Việt - Trung (năm 1957)" đã quy định xây dựng 26 điểm giao dịch (19 điểm trên bộ và 7 điểm trên biển) trên biên giới chung của hai nước. Trong khoảng thời gian (1956 - 1969), mức buôn bán qua biên giới giữa Việt Nam với Quảng Tây trị giá 44,94 triệu Nhân dân tệ. Trong khoảng thời gian 1966 - 1976, ở Trung Quốc đang tiến hành cuộc cách mạng văn hóa, hầu như đóng cửa hoàn toàn với thế giới bên ngoài nên đã ảnh

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

hợởng tới buôn bán qua biên giới giữa Trung Quốc với các nợớc láng giềng, trong đó có Việt Nam[1].

Từ khi 2 nợớc giành đợợc độc lập cho đến những năm 80 của thế kỷ 20, quan hệ kinh tế giữa hai nợớc có thể chia ra làm 5 giai đoạn chính sau đây: *Giai đoạn 1950-1954*

Sau chiến thắng biên giới 1950, các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn đợợc giải phóng tạo điều kiện thuận lợi cho giao lợu buôn bán trao đổi hàng hóa của nhân dân hai bên biên giới. Tháng 9/1951, Chính phủ hai nợớc Việt Trung đã ký các hiệp định về mậu dịch, Hiệp định về tiền tệ và hợp đồng xuất nhập khẩu . Đồng thời thành lập các ty quản lý xuất nhập khẩu ở Lạng Sơn, Cao Bằng, và các Đồng quản lý xuất nhập khẩu ở các cửa khẩu biên giới. Một số công ty xuất nhập khẩu ở các tuyến ra đời dợới sự lãnh đạo của bộ công thợơng để làm nhiệm vụ xuất nhập khẩu hàng hóa. Tháng 2/1953 cửa khẩu Lào Cai đợợc mở cửa thông thợơng buôn bán với Hồ Kiều của Trung Quốc. Từ đầu năm 1954 công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta tiến triển mạnh mẽ. Hội nghị thứ 4 bàn về đấu tranh kinh tế với địch họp tại Việt Bắc đã nêu rõ chủ trợơng tích cực đẩy mạnh xuất khẩu để đáp ứng nhu cầu nhập khẩu các loại hàng hóa cần thiết phục vụ sản xuất và chiến đấu. Chính phủ ta đã khuyến khích trao đổi một số mặt hàng nhợ sa nhân, cà phê với Trung Quốc. Để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho buôn bán dân gian qua biên giới, Chính phủ ta đã ban hành nghị định 39/TTg về quản lý mậu dịch tiểu ngạch nhân dân biên giới Việt Trung

Giai đoạn từ 1954-1964

Đây là thời kỳ khôi phục và xây dựng kinh tế ở miền Bắc, ngày 10/2/1955 khánh thành đợờng sắt Hà Nội – Mục Nam Quan, tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển hành khách và hàng hóa từ Thủ đô lên biên giới

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

1 http://www.vietnamchina.gov.vn/cvweb/vcc/info/Article.jsp?a_no=124635&col_no=552 – ngày truy cập 12/4/2008

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

phía Bắc để trao đổi hàng hóa với Trung Quốc và các nước XHCN khác. Ngày 7/7/1955 chính phủ ta đã ký với Trung Quốc nghị định thư về trao đổi hàng hóa giữa các công ty mậu dịch địa phương vùng biên giới và Hiệp định viện trợ.

Xuất phát từ yêu cầu thực tế kỳ họp khóa 8 Quốc hội Việt Nam đã quyết định chia Bộ thương nghiệp thành Bộ nội thương và Bộ ngoại thương. Với sự thay đổi lại tổ chức, công tác xuất nhập khẩu đã trưởng thành thêm một bước, hàng loạt các công ty xuất nhập khẩu biên giới được thành lập với nhiệm vụ trao đổi hàng hóa và nhận hàng viện trợ qua biên giới Việt Trung.

Giai đoạn 1965-1975

Việt Nam tiến hành công cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước thì từ những năm 1966 Trung Quốc bắt đầu tiến hành " Đại cách mạng văn hóa vô sản". Cuộc "cách mạng" này kết thúc vào năm 1976. Mặc dù thời kỳ đó, tình hình xã hội Trung Quốc có nhiều biến động, nhưng quan hệ Việt Trung vẫn phát triển một cách tốt đẹp. Cùng thời kỳ đó Việt Nam tiếp tục tổ chức lại hoạt động ngoại thương của mình, hoàn chỉnh các chính sách, chế độ về mậu dịch đối ngoại đồng thời tăng cường sự hợp tác giúp đỡ của Trung Quốc nhằm khắc phục những khó khăn thời chiến.

Chính phủ phê duyệt cho Bộ ngoại thương được phép cử cán bộ, đoàn đại diện tham dự hội chợ Quảng Châu Trung Quốc để giao dịch với các thương nhân Trung Quốc và thương nhân các nước khác, nghiên cứu các kinh nghiệm làm ăn và chuẩn bị hàng xuất khẩu. Tháng 7/1965 Chính phủ Việt Nam ký với Trung Quốc nghị định thư về chuyển tải hàng xuất khẩu của Việt Nam sang qua các cảng của Trung Quốc. Chính phủ ta đã đề nghị với Trung Quốc cho phép thành lập một số trạm tiếp nhận và điều chỉnh hàng viện trợ của Trung Quốc và hàng xuất khẩu của Việt Nam trên đất Trung Quốc (Mãn Châu Lý, Nam Ninh, Côn Minh, Hoàng Phố, Trạm Giang). Từ

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

năm 1967 đến 1975, Chính phủ ta đã ký với Chính phủ Trung Quốc các Nghị định thơ, Thơ trao đổi về việc Chính phủ Trung Quốc viện trợ không hoàn lại, viện trợ bệnh Trong các ngành công nghiệp, những ngành công nghiệp của Việt Nam sẽ phải chịu sức ép cạnh tranh gay gắt nhất từ Trung Quốc sẽ là những ngành đang hình thành, đang đầu tơ phát triển nhơ điện - điện tử, cơ khí, ô tô, xe máy,… bởi đây chính là những ngành mà Trung Quốc đã và đang phát triển mạnh với năng lực cạnh tranh cao. Các ngành công nghiệp nhẹ nhơ dệt may, giày da, chế biến thực phẩm, cao su, nhựa… Việt Nam sẽ phải cạnh tranh với hàng hoá Trung Quốc, nhơng mức độ ít gay gắt hơn do Việt Nam đã có bơớc tiến nhất định trong việc phát triển các ngành này và Trung Quốc cũng không có ơu thế vơợt trội nhiều so với Việt Nam trong các mặt hàng này và thị hiếu của ngơời tiêu dùng Việt Nam không phải là thế mạnh củ hàng hoá Trung Quốc. Tuy nhiên, với sức mạnh cạnh tranh về mẫu mã, giá cả, khi lộ trình mở cửa và cắt giảm thuế quan của Việt Nam đơợc thực hiện theo các cam kết gia nhập WTO và CAFTA, thì sức ép cạnh tranh từ hàng hoá Trung Quốc trên thị trơờng nội địa Việt Nam sẽ rất gay gắt.

Trong các ngành công nghiệp, những ngành công nghiệp của Việt Nam sẽ phải chịu sức ép cạnh tranh gay gắt nhất từ Trung Quốc sẽ là những ngành đang hình thành, đang đầu tơ phát triển nhơ điện - điện tử, cơ khí, ô tô, xe máy,… bởi đây chính là những ngành mà Trung Quốc đã và đang phát triển mạnh với năng lực cạnh tranh cao. Các ngành công nghiệp nhẹ nhơ dệt may, giày da, chế biến thực phẩm, cao su, nhựa… Việt Nam sẽ phải cạnh tranh với hàng hoá Trung Quốc, nhơng mức độ ít gay gắt hơn do Việt Nam đã có bơớc tiến nhất định trong việc phát triển các ngành này và Trung Quốc cũng không có ơu thế vơợt trội nhiều so với Việt Nam trong các mặt hàng này và thị hiếu của ngơời tiêu dùng Việt Nam không phải là thế mạnh củ hàng hoá Trung Quốc. Tuy nhiên, với sức mạnh cạnh tranh về mẫu mã, giá cả, khi lộ trình mở cửa và cắt giảm thuế quan của Việt Nam đơợc thực hiện theo các cam kết gia

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

nhập WTO và CAFTA, thì sức ép cạnh tranh từ hàng hoá Trung Quốc trên thị trợờng nội địa Việt Nam sẽ rất gay gắt.

Trong các ngành công nghiệp, những ngành công nghiệp của Việt Nam sẽ phải chịu sức ép cạnh tranh gay gắt nhất từ Trung Quốc sẽ là những ngành đang hình thành, đang đầu tợ phát triển nhợ điện - điện tử, cơ khí, ô tô, xe máy,… bởi đây chính là những ngành mà Trung Quốc đã và đang phát triển mạnh với năng lực cạnh tranh cao. Các ngành công nghiệp nhẹ nhợ dệt may, giày da, chế biến thực phẩm, cao su, nhựa… Việt Nam sẽ phải cạnh tranh với hàng hoá Trung Quốc, nhợng mức độ ít gay gắt hơn do Việt Nam đã có bợớc tiến nhất định trong việc phát triển các ngành này và Trung Quốc cũng không có ợu thế vợợt trội nhiều so với Việt Nam trong các mặt hàng này và thị hiếu của ngợời tiêu dùng Việt Nam không phải là thế mạnh củ hàng hoá Trung Quốc. Tuy nhiên, với sức mạnh cạnh tranh về mẫu mã, giá cả, khi lộ trình mở cửa và cắt giảm thuế quan của Việt Nam đợợc thực hiện theo các cam kết gia nhập WTO và CAFTA, thì sức ép cạnh tranh từ hàng hoá Trung Quốc trên thị trợờng nội địa Việt Nam sẽ rất gay gắt.

Trong các ngành công nghiệp, những ngành công nghiệp của Việt Nam sẽ phải chịu sức ép cạnh tranh gay gắt nhất từ Trung Quốc sẽ là những ngành đang hình thành, đang đầu tợ phát triển nhợ điện - điện tử, cơ khí, ô tô, xe máy,… bởi đây chính là những ngành mà Trung Quốc đã và đang phát triển mạnh với năng lực cạnh tranh cao. Các ngành công nghiệp nhẹ nhợ dệt may, giày da, chế biến thực phẩm, cao su, nhựa… Việt Nam sẽ phải cạnh tranh với hàng hoá Trung Quốc, nhợng mức độ ít gay gắt hơn do Việt Nam đã có bợớc tiến nhất định trong việc phát triển các ngành này và Trung Quốc cũng không có ợu thế vợợt trội nhiều so với Việt Nam trong các mặt hàng này và thị hiếu của ngợời tiêu dùng Việt Nam không phải là thế mạnh củ hàng hoá Trung Quốc. Tuy nhiên, với sức mạnh cạnh tranh về mẫu mã, giá cả, khi lộ trình mở cửa và cắt giảm thuế quan của Việt Nam đợợc thực hiện theo các cam kết gia

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

nhập WTO và CAFTA, thì sức ép cạnh tranh từ hàng hoá Trung Quốc trên thị trợờng nội địa Việt Nam sẽ rất gay gắt.

viện, lợơng thực thực phẩm, hàng tiêu dùng, viện trợ kinh tế và quân sự, viện trợ kinh tế và kỹ thuật cho Việt Nam, cung cấp các vật tợ kỹ thuật, thiết bị cho đài phát thanh.

Có thể nói hoạt động xuất nhập khẩu thời kỳ này tập trung vào việc vận chuyển hàng viện trợ từ Trung Quốc và các nợớc anh em phục vụ cho công cuộc kháng chiến chống Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nợớc.

Giai đoạn 1976-1978

Khi hoàn thành nhiệm vụ cao cả là giải phóng miền Nam, thống nhất đất nợớc, Việt Nam đã tiến hành tổng tuyển cử trong cả nợớc bầu ra Quốc hội nợớc Việt Nam thống nhất. Cùng thời gian với cuộc " Đại cách mạng vô sản" kết thúc, Trung Quốc thực sự bợớc vào công cuộc cải cách mở cửa. Trong giai đoạn này Việt Nam và Trung Quốc tiếp tục ký các hiệp định trao đổi hàng hóa . Mặc dù mậu dịch biên giới Việt Trung có những lợi thế không thể so sánh đợợc: Đó là thị trợờng truyền thống lâu đời, vị trí núi liền núi, sông liền sông, hàng hóa hai bên bổ sung cho nhau. Tuy nhiên, từ năm 1978 trở về trợớc, buôn bán qua biên giới Việt Trung còn giới hạn ở mức nhỏ bé không đáng kể, chủ yếu là hoạt động mua bán dân gian tự phát do nhu cầu sinh hoạt thông thợờng điều tiết. Phía Việt Nam xuất sang Trung Quốc một vài mặt hàng hoa quả tợơi, Trung Quốc xuất sang Việt Nam chủ yếu là các mặt hàng công nghiệp nhẹ tiêu dùng nhợ vải vóc, quần áo may sẵn, đồ gia dụng, công cụ sản xuất.

Mậu dịch biên giới hai nợớc Việt Trung chợa thể phát triển vì nền kinh tế hai nợớc chợa phát triển, vùng trao đổi hàng hóa giữa hai bên vẫn chủ yếu là khu vực miền núi, mang nặng tính tự cung tự cấp.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Giai đoạn 1978-1988

Cuối năm 1978, Trung Quốc đoạ ra quốc sách cải cách - mở cửa, nhoạng lúc bấy giờ (1978 - 1988) mới chú trọng mở cửa khu vực ven biển, choạa chú ý đến mở cửa khu vực biên giới. Đồng thời, từ năm 1979 đến hết thập kỷ 80, quan hệ hai noạớc Việt Nam và Trung Quốc boạớc vào thời kỳ không bình thoạờng, biên giới chung giữa hai noạớc chiến troạờng thay cho thị troạờng, những nhân tố đó đã ảnh hoạởng đến sự gián đoạn buôn bán qua biên giới hai noạớc

1.1.3 Quan hệ kinh tế thoạơng mại Việt Nam – Trung Quốc kể từ khi bình thoạờng hóa quan hệ đến nay

Sau một thời gian ngắn tạm thời trong tình trạng căng thẳng không bình thoạờng, quan hệ Việt Nam - Trung Quốc đã đoạợc bình thoạờng hoá trở lại vào đầu tháng 11.1991. Sự kiện này đánh dấu một mốc quan trọng, đồng thời cũng mở ra một giai đoạn mới của quan hệ Việt Nam - Trung Quốc.

Bình thoạờng hoá quan hệ Việt Nam - Trung Quốc đoạợc diễn ra trong bối cảnh quốc tế và tình hình mỗi noạớc đã có những biến đổi hết sức sâu sắc. Về tình hình quốc tế, sau sự kiện Liên Xô và các noạớc xã hội chủ nghĩa Đông Âu tan rã, thế giới boạớc vào một giai đoạn mới, chiến tranh lạnh kết thúc, hoà bình và đối thoại thay thế cho chiến tranh và đối đầu. Hoà bình và phát triển trở thành trào loạu chính của thời đại.

Còn về tình hình mỗi noạớc, Trung Quốc từ năm 1978 và Việt Nam từ năm 1986 đều bắt đầu tiến hành công cuộc cải cách và đổi mới, chuyển đổi mô hình phát triển từ kinh tế kế hoạch truyền thống sang kinh tế thị troạờng. Cả hai noạớc đều cần môi troạờng bên trong ổn định, môi troạờng bên ngoài hoà bình để thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng và phát triển kinh tế. Vì vậy, từ khi bình thoạờng hoá năm 1991 đến nay, quan hệ hai noạớc đã nhanh chóng phát triển trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá v.v…và đã đạt đoạợc những thành tựu quan trọng. Quan hệ Việt Nam Trung Quốc đã có

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

rất nhiều khởi sắc đặc biệt là lĩnh vực kinh tế, mối quan hệ kinh tế thợơng mại giữa hai nợớc đã phát triển nhanh chóng với những nội dung và phợơng thức hợp tác mới mà các giai đoạn trợớc đây chợa từng có:

-Về *thương mại*, từ năm 1991 đến nay, cùng với việc bình thợờng hoá quan hệ về mặt chính trị, quan hệ kinh tế thợơng mại giữa hai nợớc cũng đã đợợc khôi phục và phát triển. Chính phủ hai nợớc đã ký kết hơn 30 hiệp định và văn bản thoả thuận, trong đó có khoảng 20 hiệp định về kinh tế thợơng mại hoặc có liên quan đến kinh tế thợơng mại. Ngoài ra, một số bộ, ngành ở Trung ợơng và chính quyền địa phợơng của hai nợớc cũng đã ký nhiều văn bản hợp tác kinh tế mậu dịch song phợơng.

Trên cơ sở các hiệp định đã đợợc ký kết cùng với sự nỗ lực của cả hai bên, đến nay trên trợờng biên giới đất liền giữa hai nợớc đã có 25 cặp cửa khẩu đợợc khai thông, trong đó có 4 cặp cửa khẩu quốc tế, 7 cửa khẩu quốc gia và 14 cặp cửa khẩu tiểu ngạch. Ngoài ra còn có thêm 59 cặp đợờng mòn biên giới và 13 chợ biên giới đã đợợc hình thành[1].

Những hiệp định và văn bản đợợc ký kết cùng với những cặp cửa khẩu đợợc khai thông đã tạo cơ sở pháp lý và điều kiện thuận lợi cho các ngành, các địa phợơng và các doanh nghiệp hai nợớc phát triển quan hệ kinh tế thợơng mại. Nhờ vậy kim ngạch buôn bán hai chiều giữa hai nợớc tăng trợởng rất nhanh, từ 32 triệu USD năm 1991 lên 2,8 tỷ USD năm 2001, tăng gấp 87 lần. Trong chuyến thăm hữu nghị chính thức Việt Nam cuối tháng 3

.2002 của Tổng Bí thợ Giang Trạch Dân, lãnh đạo hai nợớc đã nhất trí phấn đấu đợa kim ngạch mậu dịch hai nợớc lên 3,5 tỷ USD trong năm 2002 và đạt 5 tỷ USD vào năm 2005[2]. Trung Quốc hiện đã trở thành đối tác thợơng mại lớn thứ 5 của Việt Nam

---

1 http://www.vietnamchina.gov.vn/cvweb/vcc/info/Article.jsp?a_no=112171&col_no=553 – ngày truy cập 5/4/2008

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

2 http://www.laocai.com.vn/bizcenter/0/Quan%20h%E1%BB%87%20Vi%E1%BB%87t%20 Nam%20-%20Trung%20Qu%E1%BB%91c/568/3186 – ngày truy cập 4/4/2008

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Ngoài buôn bán chính ngạch theo tập quán và thông lệ quốc tế, thời gian qua buôn bán tiểu ngạch (mậu dịch biên giới) giữa hai nớớc cũng phát triển rất mạnh. Tỷ lệ giữa buôn bán chính ngạch và buôn bán tiểu ngạch dao động trong khoảng 50 - 60%. Buôn bán qua biên giới đã góp phần làm tăng nguồn thu ngân sách trên địa bàn, giải quyết việc làm và cải thiện đời sống cho cơ dân vùng biên giới.

Cùng với buôn bán chính ngạch và buôn bán tiểu ngạch, trong giao lớu kinh tế thớơng mại giữa hai nớớc còn xuất hiện các hình thức và dịch vụ khác nhớ quá cảnh, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu… Các mặt hàng quá cảnh và tạm nhập khẩu vào Việt Nam, tái xuất khẩu đi Trung Quốc gồm: ô tô, xe máy, hàng điện tử, cao su, nhôm thỏi, sợi tổng hợp, thuốc lá…

-*Về đầu tư*, từ khi hai nớớc bình thớờng hoá quan hệ, cùng với việc phát triển quan hệ thớơng mại, hoạt động đầu tớ trực tiếp của Trung Quốc tại Việt Nam ngày càng nhiều lên. Tính đến nay, Trung Quốc đã đầu tớ vào Việt Nam 107 dự án còn hiệu lực với tổng số vốn đầu tớ theo đăng ký là 214,1 triệu USD, vốn thực hiện là 68,7 triệu USD (không kể đặc khu hành chính Hồng Kông), đứng thứ 22 trong số hơn 60 nớớc và lãnh thổ đầu tớ vào Việt Nam".[1]

Trong thời gian qua, sự hợp tác Việt - Trung trong lĩnh vực kinh tế thớơng mại tuy số lớợng chớa nhiều, quy mô chớa lớn nhớng đã mang những nội dung và phớơng thức hết sức mới thể hiện đúng tinh thần hợp tác bình đẳng, cùng có lợi và bớớc đầu tuân theo các quy luật của kinh tế thị trớờng.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

1http://www.laocai.gov.vn/NHDLTNTQ/content/1010005_049.htm - ngày truy cập 28/3/2008

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

1.2 CƠ SỞ CHO SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM – TRUNG QUỐC

1.2.1 Cơ sở pháp lý

a. Các chính sách thương mại song phương:

Từ khi bình thường hoá quan hệ năm 1991 đến nay, mối quan hệ kinh tế thương mại giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc đã phát triển nhanh chóng với những nội dung và phương thức hợp tác mới:

- Về thương mại, từ năm 1991 đến nay, cùng với việc bình thường hoá quan hệ về mặt chính trị, quan hệ kinh tế thương mại giữa hai nước cũng đã được khôi phục và phát triển. Chính phủ hai nước đã ký kết hơn 30 hiệp định và văn bản thoả thuận, trong đó có 13 hiệp định về kinh tế thương mại hoặc có liên quan đến kinh tế thương mại như: Hiệp định thương mại (1991); Hiệp định tạm thời về giải quyết các công việc trên vùng biên giới hai nước (1991); Hiệp định hợp tác kinh tế kỹ thuật (1992); Hiệp định về khuyến khích và bảo hộ đầu tư (1992); Hiệp định thanh toán và hợp tác giữa ngân hàng hai nước

(1993); Hiệp định về quá cảnh hàng hoá (1994); Hiệp định về thành lập Uỷ ban hợp tác kinh tế thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc (1994); Hiệp định về mua bán ở vùng biên giới hai nước (1998); Hiệp định biên giới trên bộ ngày 30/12/1999; Hiệp định phân định lãnh hải 25/12/2000; Hiệp định giao thông và vận tải đường sắt; Hiệp định giao thông và vận tải đường bộ; Hiệp định vận tải biển; Hiệp định vận tải hàng không dân dụng; Hiệp định hàng hoá quá cảnh; Hiệp định mậu dịch biên giới; Hiệp định hợp tác du lịch

... Các hiệp định này là các cơ sở pháp lý cho hợp tác kinh tế thương mại hai nước... Ngoài ra, một số bộ, ngành ở Trung ương và chính quyền địa phương của hai nước cũng đã ký nhiều văn bản hợp tác kinh tế mậu dịch song phương[1].

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

1http://www.langsonqt.info/?q=node/337 - ngày truy cập 10/4/2008

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Chính phủ Việt Nam đã tiến hành nhiều hoạt động xúc tiến thợơng mại trực tiếp nhợ chủ động đàm phán các hiệp định và thoả thuận kinh tế, thợơng mại đa phợơng và song phợơng; kịp thời đàm phán tháo gỡ những ách tắc và khó khăn về thị trợờng giữa hai nợớc; cải tiến và nâng cao chất lợợng hoạt động của các đại diện thợơng mại ở Nam Ninh và Côn Minh; hỗ trợ các doanh nghiệp đi khảo sát thị trợờng và tham gia các hội chợ thợơng mại đợợc tổ chức ở Vân Nam và Quảng Tây, tổ chức nghiên cứu và khảo sát thị trợờng.

Chính sách quản lý và cơ chế điều hành hiện nay đã phân định rõ giữa xuất nhập khẩu chính ngạch và hoạt động buôn bán qua biên giới với các văn bản pháp quy: Quyết định của Thủ tợớng Chính phủ số 252/2003/QĐ-TTG ngày 24/11/2003 về quản lý buôn bán hàng hoá qua biên giới với các nợớc có chung biên giới; Hiệp định thanh toán và Hợp tác Việt - Trung ký ngày 1610/2003 (sửa đổi Hiệp định Thanh toán và Hợp tác đợợc ký tháng 5/1993) đồng ý lấy đồng NDT hoặc VND hoặc một ngoại tệ mạnh làm phợơng tiện thanh toán cho các giao dịch mua bán ở khu vực biên giới; Quyết định số 689/2004/QĐ-NHNN Ngày 7/6/2004 của Ngân hàng Nhà nợớc Việt Nam, ban hành quy định về quy chế thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hoá và dịch vụ tại các khu vực biên giới và khu kinh tế cửa khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Nghị định của Chính phủ số 99/2004/NĐ-CP ngày 25/2/2004 về việc ban hành danh mục hàng hoá và thuế suất thuế nhập khẩu của Việt Nam cho các năm 2004-2008 để thực hiện Chợơng trình thu hoạch sớm của Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN - Trung Quốc; Thông tợ số 16/2004/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 10/3/2004 hợớng dẫn thực hiện Nghị định số 99/2004/NĐ-CP ngày 25/2/2004 của Chính phủ về ban hành danh mục hàng hoá và thuế suất thuế nhập khẩu của Việt Nam để thực hiện EHP theo Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN - Trung Quốc là cơ sở để thực hiện các cam kết mở cửa thị trợờng theo Hiệp định

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

thợơng mại tự do khu vực ACFTA. Thoả thuận hợp tác kiểm tra kiểm dịch và giám sát vệ sinh thực phẩm thuỷ sản xuất nhập khẩu giữa Bộ Thuỷ sản Việt Nam và Tổng cục giám sát chất lợợng, kiểm nghiệm và kiểm dịch nợớc Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ngày 07/10 /2004 và Nghị định thợ về yêu cầu kiểm dịch gạo Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và Tổng cục giám sát chất lợợng, kiểm nghiệm và kiểm dịch quốc gia nợớc Trung Quốc ngày 07/10/2004 đã có những tác động tích cực trong việc tháo gỡ những khó khăn trong xuất khẩu nông, lâm, thuỷ sản của Việt Nam sang Trung Quốc[1].

Việt Nam và Trung Quốc đã thống nhất ý tợởng xây dựng hai hành lang kinh tế: Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; và Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng cùng với vành đai kinh tế ven biển Vịnh Bắc Bộ, coi đây là quy hoạch chung về hợp tác kinh tế trung và dài hạn của hai nợớc, tạo cơ sở cho hợp tác phát triển kinh tế khu vực biên giới nói riêng và quan hệ thợơng mại hai nợớc nói chung. Các tỉnh biên giới của Việt Nam đã thiết lập đợợc cơ chế hợp tác với hai tỉnh Vân Nam và Quảng Tây từ cấp tỉnh, đến các ngành chức năng, huyện, thành phố có chung biên giới.

b.Chính sách kinh tế thương mại của Việt Nam với Trung Quốc:

Từ khi bình thợờng hóa quan hệ đến nay, Việt Nam rất chú trọng đến việc phát triển quan hệ kinh tế thợơng mại với Trung Quốc. Cụ thể, Việt Nam đã ban hành nhiều nghị định, thông tợ nhằm khuyến khích thợơng nhân hai nợớc tiếp tục phát triển mối quan hệ buôn bán, trao đổi hàng hóa hai chiều.

Ngày 27/3/1992 Hội đồng bộ trợởng ra nghị định số 99/HĐBT ban hành quy chế khu vực biên giới Việt Nam – Trung Quốc . Ngày 18/8/2000, chính phủ Việt Nam ban hành Nghị định số 34/NĐ-CP về quy chế khu vực biên giới đất liền nợớc CHXHCN Việt Nam thay thế cho toàn bộ các quy chế khu vực biên giới đã ban hành trợớc đây.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

[1] Theo bảo cảo của Bộ Cụng thương

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Ngày 27/3/1992, Chỉ thị số 98/CT quy định về mở cửa khẩu trên tuyến biên giới đã khai thông 21 cặp cửa khẩu chính thức của Việt Nam và Trung Quốc. Số lượng các cặp cửa khẩu được mở ra càng nhiều phản ánh mối quan hệ hữu nghị tốt đẹp giữa Việt Nam và Trung Quốc, đồng thời cũng phản ánh nhu cầu trao đổi, lưu thông hàng hóa của nhân dân hai nước ngày càng tăng cao.

Để thúc đẩy sự phát triển của các khu vực cửa khẩu, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định cho phép một số khu vực cửa khẩu được phép áp dụng chính sách ưu tiên đối với khu vực cửa khẩu. Cụ thể là:

Trên cơ sở phát triển của các khu vực cửa khẩu, chính phủ Việt Nam đã cho phép xây dựng 10 khu kinh tế cửa khẩu trải dài từ Bắc đến Nam, trong đó 4 khu kinh tế cửa khẩu với Trung Quốc ở phía Bắc luôn giữ vai trò quan trọng đáng kể so với 3 khu kinh tế cửa khẩu với Lào và 3 khu kinh tế cửa khẩu với Campuchia.

Ngày 19/4/2001 Thủ tướng chính phủ đã ban hành quyết định số 53/2001/QĐ-TTg về chính sách đối với khu kinh tế cửa khẩu biên giới:

- Loại hình kinh doanh trong khu kinh tế cửa khẩu bao gồm: xuất nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, vận chuyển hàng hóa quá cảnh, kho ngoại quan, cửa hàng miễn thuế, hội chợ triển lãm…Cho phép thành lập khu bảo thuế tại các khu kinh tế cửa khẩu

- Vấn đề ưu đãi: Đối với đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực kinh tế cửa khẩu , căn cứ số thực thu ngân sách Nhà nước hàng năm tại khu kinh tế cửa khẩu, Nhà nước đầu tư trở lại để xây dựng cơ sở hạ tầng theo các mức sau đây: Đối với các khu kinh tế cửa khẩu thực hiện thu ngân sách dưới 50 tỷ đồng/năm thì được đầu tư trở lại 100%. Đối với các khu kinh tế cửa khẩu có số thực thu ngân sách từ 50 tỷ đồng trở lên thì được đầu tư trở lại 50 tỷ đồng

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

và 50% số thực thu còn lại. Đối với các khu kinh tế đã thực hiện 5 năm và có con số thực thu ngân sách trên 100 tỷ đồng/năm thì đầu tọ trở lại không quá

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

50% số thực thu. Các khu kinh tế cửa khẩu đợợc vay vốn ợu đãi của Nhà nợớc để phát triển cơ sở hạ tầng.[1]

- Đối với thợơng mại du lịch: Các doanh nghiệp đợợc vay vốn ợu đãi Nhà nợớc để đầu tợ xây dựng các cơ sở kinh doanh trên cửa khẩu. Các hoạt động thợơng mại đợợc hợởng các ợu đãi về buôn bán biên giới theo các quy định hiện hành của Nhà nợớc và các cam kết nợớc ta đã ký kết. Tại khu bảo thuế đợợc áp dụng cơ chế phi thuế quan nhợ đối với kho ngoại quan. Chủ đầu tợ có dự án đầu tợ kinh doanh du lịch đợợc hợởng các ợu đãi của Luật khuyến khích đầu tợ trong nợớc số 03/1998/QH10 ngày 20/5/1998

- Về đất đai: Các nhà đầu tợ trong nợớc và nợớc ngoài đầu tợ vào khu kinh tế cửa khẩu khi thuê đất mặt nợớc ngòai quyền đợợc hợởng các ợu đãi hiện hành còn đợợc giảm 50% giá thuê đất mặt nợớc so với giá thuê đất mặt nợớc đang áp dụng tại khu kinh tế cửa khẩu đó.[2]

- Về thuế: Doanh nghiệp tại các khu kinh tế cửa khẩu đợợc hợởng các ợu đãi về thuế trong trợờng hợp cụ thể theo các quy định hiện hành

- Về ngân hàng: Việc thành lập bàn đổi tiền là thực hiện nghiệp vụ mua bán tiền của nợớc có chung biên giới tại khu kinh tế cửa khẩu theo quyết định số 140/2000/QĐ-TTg ngày 8/12/2000 của thủ tợớng chính phủ ban hành về quy chế quản lý tiền của nợớc có chung biên giới tại khu vực biên giới, Khu kinh tế cửa khẩu Việt Nam và các quy định hiện hành [3]

Tóm lại những năm gần đây, Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều nghị định, quyết định về quy chế, chính sách quản lý biên giới, cửa khẩu và khu kinh tế cửa khẩu. Với các quy chế này, Chính phủ Việt Nam đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tợ trong nợớc và nợớc ngoài đầu tợ vào các khu kinh tế cửa khẩu, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà kinh

---

1 Cơ sở pháp lý quan hệ Việt Trung

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

doanh, các doanh nghiệp, thúc đẩy mạnh mẽ việc giao lưu buôn bán, trao đổi hàng hóa, du lịch khu vực biên giới ngày càng sôi động.

c. Các chính sách thương mại biên mậu của Trung Quốc với Việt Nam

Trung Quốc thực thi chính sách biên mậu với nhiều ưu đãi quan trọng. Thông tư 844 năm 2001 của Bộ Kinh mậu Trung Quốc (nay là Bộ Thương mại) quy định cơ chế điều hành hoạt động thương mại biên mậu như sau:

Đối với thương mại biên mậu do cư dân biên giới thực hiện, việc buôn bán theo hình thức trao đổi hàng hoá giữa cư dân biên giới, mỗi cư dân được nhập khẩu qua chợ biên giới tối đa 3000 nhân dân tệ (khoảng 350 USD) thì được miễn hoàn toàn thuế nhập khẩu và thuế VAT (17%). Đối với doanh nghiệp được phép hoạt động thương mại biên mậu, các doanh nghiệp này chỉ nộp thuế nhập khẩu bằng 50% thuế nhập khẩu thông thường và 50% thuế VAT ở ngay khâu hải quan. Mức chênh lệch do đó khá cao nếu như so với mức thuế trung bình của Trung Quốc là 12% và VAT là 17% thì mức thuế VAT được miễn giảm xấp xỉ 15%. Đối với hình thức mua bán khác thì doanh nghiệp xuất nhập khẩu phải thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý nhập khẩu tức là không được miễn giảm về mức thuế nhập khẩu. Đây là hình thức kinh doanh phổ biến và chiếm tỷ trọng chủ yếu trong thương mại biên mậu.

Điểm đáng chú ý là Trung Quốc quản lý hoạt động thương mại biên mậu và các ưu đãi này cực kỳ chặt chẽ. Các sản phẩm như thuốc lá, rượu, mỹ phẩm và các hàng hoá nhà nước quy định quản lý khác không được hưởng ưu đãi biên mậu. Bộ Công ThươngTrung Quốc sẽ cập nhật Danh mục hàng hoá áp dụng quy chế đặc biệt này theo từng năm. Các sản phẩm này sẽ vẫn được hưởng ưu đãi một cách có giới hạn thông qua cơ chế hạn ngạch phức tạp do Bộ Công ThươngTrung Quốc quyết định và uỷ quyền xuống các địa phương phân bổ một cách chặt chẽ. Tuy vậy, hiếm khi các thông tin như chỉ thị, quyết định có tính "hạn chế"lại được công bố đầy đủ gây rất nhiều khó khăn do các doanh nghiệp có ý định kinh doanh lâu dài trong cơ chế biên mậu. Đây cũng

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

là hạn chế phổ biến trong một chính sách ưu đãi thương mại đơn phương, không ràng buộc.

Trong chính sách biên mậu, Trung Quốc cũng sẵn sàng áp dụng chính sách hoàn thuế VAT linh hoạt cho các mặt hàng xuất khẩu biên mậu ngay cả đối với các lô hàng thanh toán bằng đồng nhân dân tệ (áp dụng cho các doanh nghiệp đăng ký hoạt động kinh doanh tại huyện biên giới mới được hưởng ưu đãi này), đồng thời thành lập hệ thống các cơ quan quản lý biên mậu từ Trung ương đến địa phương và phân cấp quản lý mạnh cho địa phương. Tuỳ từng thời điểm cụ thể, các địa phương có thể áp dụng các ưu đãi khác nhau đối với các cửa khẩu khác nhau.

Một đặc điểm rất đáng xem xét trong chính sách biên mậu Trung Quốc là việc khuyến khích và tài trợ mạnh mẽ cho các hoạt động xúc tiến thương mại như tổ chức hội chợ, triển lãm và các giao lưu giữa địa phương với các nước có đường biên. Thông qua ưu đãi biên mậu, Trung Quốc khuyến khích các địa phương không chỉ nhập khẩu nguyên, nhiên liệu khoáng sản phục vụ sản xuất, công nghiệp hoá mà còn tìm hiểu cơ hội đầu tư và quan trọng là phải xuất khẩu trở lại các sản phẩm chế biến của mình.

Do tính đơn phương trong việc ban hành và thực hiện chính sách, Trung Quốc luôn dành cho doanh nghiệp mình vị trí chủ động trong quan hệ biên mậu với các doanh nghiệp đối tác ở những quốc gia có chung biên giới. Với sự phân cấp mạnh của trung ương, các địa phương đã làm chủ trong việc điều tiết hàng hoá xuất nhập tại các cửa khẩu cả nước về số lượng, chất lượng và đặc biệt là về giá cả. Đây là lợi điểm lớn nhất của chính sách biên mậu của Trung Quốc. Gần như một ngoại lệ của WTO, các quy tắc trong chính sách biên mậu mang tính ưu đãi hoàn toàn do phía Trung Quốc tự quyết định, cả về số lượng, cách thức thực hiện, đối tượng hưởng ưu đãi… Đối với mục tiêu xuất khẩu, mặc dù chính sách biên mậu không trực tiếp tạo nên ưu đãi xuất khẩu nhưng hiệu ứng của chính sách biên mậu là phát triển sản xuất của địa

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

phương, kích thích trao đổi hàng hoá và đặc biệt là tạo các kênh phân phối hàng hoá trở lại các nước xuất khẩu nguyên nhiên liệu, các địa phương của Trung Quốc tiêu thụ được một khối lượng lớn hàng hoá.

Sau khi gia nhập WTO, các chính sách ưu đãi vẫn tồn tại để khai thác thế mạnh của từng vùng biên giới nhưng nhất thiết phải bảo đảm các yêu cầu sau: (1) Phù hợp với ưu đãi tối huệ quốc; (2) Tuân thủ các ràng buộc của các hiệp định song phương; (3) Phù hợp với đặc trưng của các địa phương và trình độ phát triển của các nước. Trung Quốc tăng cường kiểm tra kiểm soát về chất lượng, quy cách phẩm chất hàng hoá, nhất là không mở rộng ưu đãi về thuế quan như các năm trước đây. Trung Quốc đã áp dụng một loạt các biện pháp để quản lý chất lượng rau quả nhập khẩu theo quy định của WTO như: quy định về nhãn mác, bao bì, vệ sinh an toàn thực phẩm, giám định hàng hoá xuất nhập khẩu. Hàng hoa quả xuất khẩu của Việt Nam sang Vân Nam và Quảng Tây phải tuân thủ các quy định này nên đã gặp nhiều khó khăn vì các doanh nghiệp của ta chưa thích ứng ngay được các quy định mới của Trung Quốc.

Năm 2003, Trung Quốc đã thành lập Tổng cục Kiểm nghiệm - Kiểm dịch với chức năng kiểm nghiệm, kiểm dịch, giám định hàng hoá thay thế Bộ Thương mại, Bộ Nông nghiệp và Bộ Khoa học trước kia. Theo đó, các doanh nghiệp nhập khẩu hoa quả tươi phải tới Bắc Kinh xin giấy phép cho từng chuyến hàng với hạn mức là 500 tấn/1 giấy phép, hết hạn ngạch lại đề nghị cấp bổ sung nên gây lãng phí thời gian của các nhà nhập khẩu và ách tắc trong hoạt động xuất khẩu hoa quả tươi của Việt Nam. Tình trạng trên kéo dài cho tới cuối năm 2005, chính phủ Trung Quốc đã cho phép Cục Kiểm nghiệm-Kiểm dịch Huyện cấp. Đối với thuỷ sản nhập khẩu, Trung Quốc đã gửi Công hàm số 888 ngày 30/12/2002 của Tổng cục Kiểm nghiệm - Kiểm dịch và Giám sát Chất lượng Quốc gia nước CHND Trung Hoa cho phía Việt Nam để thông báo việc Trung Quốc có quy định mới đối với vấn đề kiểm nghiệm

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

kiểm dịch hàng thuỷ sản nhập khẩu từ Việt Nam và thực hiện giấy chứng nhận kiểm nghiệm kiểm dịch hàng thuỷ sản nhập khẩu đối với hàng thuỷ sản Việt Nam kể từ ngày 30/6/2003. Hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc hiện không đợợc nợ giấy chứng nhận xuất xứ mẫu E (C/O Form E) nhợ trợớc mà phải đi kèm ngay theo bộ chứng từ xuất hàng. Điều đó cũng gây nhiều khó khăn cho các thợơng nhân trong việc xuất khẩu hàng hoá sang Vân Nam và Quảng Tây.

Từ ngày 1/1/2004, Trung Quốc bỏ ợu đãi biên mậu (giảm 50% thuế nhập khẩu và thuế VAT) đối với tỉnh Quảng Tây, chỉ còn tỉnh Vân Nam đợợc hợởng ợu đãi biên mậu (giảm 50% thuế VAT) đối với nông sản nhập khẩu từ Việt Nam (vẫn đợợc duy trì ở cửa khẩu Lào Cai - Hà Khẩu). Tỉnh Vân Nam đợợc nhập khẩu nguyên liệu (khoáng sản, cao su v.v...) từ Việt Nam đảm bảo đầu vào cho các ngành sản xuất. Do đợợc hoàn thuế 50% VAT nên hút đợợc nhiều nguyên liệu đầu vào đảm bảo cho phát triển sản xuất. Trong khi đó, Quảng Tây không còn đợợc hợởng ợu đãi biên mậu nhợ trợớc nữa (không đợợc hoàn thuế VAT), nên hàng nguyên liệu xuất khẩu của Việt Nam bị hút sang các cửa khẩu của tỉnh Vân Nam. Để đảm bảo nguyên liệu đầu vào cho các ngành sản xuất, chính quyền Quảng Tây đã áp dụng chính sách "Ợu đãi biên mậu nửa vời" trong hoạt động buôn bán qua biên giới đối với Việt Nam.

Mục đích của chính sách "Ợu đãi biên mậu nửa vời"[1] của Chính quyền Quảng Tây là nhằm hút nguyên liệu của Việt Nam (quặng, cao su,...) để đáp ứng nhu cầu nguyên liệu đầu vào cho các ngành sản xuất và kiểm soát lợợng hàng xuất khẩu của Việt Nam vào thị trợờng của mình. Việc dành ợu đãi biên mậu cho hàng xuất khẩu của Việt Nam cũng không có văn bản chính thức, mà Hải quan Quảng Tây chỉ thông báo miệng cho các doanh nghiệp Việt Nam khi các doanh nghiệp làm thủ tục xuất khẩu biên mậu vào Quảng Tây. Khi có nhu cầu nhập khẩu mặt hàng nào thì họ lại cho hợởng ợu đãi VAT mặt hàng đó

1 Theo báo cáo thường niên của Vụ Chõu Á – Thỏi Bỗnh Dương – Bộ Công thương

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

trong một thời gian nhất định để hút đủ lợợng hàng mà họ cần, khi đã nhập đủ lợợng họ lại dừng ợu đãi (Hải quan địa phợơng thông báo bằng miệng cho doanh nghiệp Việt Nam là dừng ợu đãi). Mức ợu đãi phụ thuộc vào khối lợợng hàng họ cần và sự cấp thiết về thời gian.

Tuy nhìn ngắn hạn thì các doanh nghiệp Việt Nam có thể đợợc hợởng lợi từ chính sách "ợu đãi biên mậu nửa vời" của Chính quyền Quảng Tây. Nhợng nếu nhìn dài hạn thì Việt Nam lại rất bất lợi và lợi ích đợợc hợởng nhỏ hơn rất nhiều so với thiệt hại mà Việt Nam phải gánh chịu nếu cứ phụ thuộc vào chính sách của phía Trung Quốc, hoàn toàn bị động trong việc cung ứng hàng hoá, dẫn đến tình trạng doanh nghiệp bị ép giá, thua lỗ, sản xuất mở rộng thiếu quy hoạch lâu dài, không có đầu ra ổn định... Điểm đáng lợu ý là không chỉ có các cợ dân biên giới hợởng lợi từ quy chế biên mậu để đáp ứng nhu cầu trao đổi, kinh doanh mà ngay cả với nhiều cá nhân, tập thể và doanh nghiệp phía sau của Việt Nam (không thuộc khu vực biên giới) cũng tham gia do sức hút của các chính sách ợu đãi biên mậu. Thực tế hầu hết hàng hoá xuất khẩu đều có xuất xứ từ sâu trong lãnh thổ Việt Nam. Nếu so với theo những quy định và tinh thần áp dụng quy chế biên mậu thì rõ ràng là Trung Quốc đang có dấu hiệu vi phạm Điều XXIV của GATT/WTO. Điều đó có nghĩa là bất cứ lúc nào, Trung Quốc có thể sẽ dừng các ợu đãi biên mậu khi các thành viên WTO khiếu nại, đặc biệt là các nợớc có tiềm năng xuất khẩu các sản phẩm tợơng tự nhợ Việt Nam. Trong thảo luận không chính thức giữa ASEAN và Trung Quốc trợớc đây, Thái Lan cũng đã nêu vấn đề Trung Quốc thực thi chính sách VAT có tính phân biệt đối với hàng hoá nhập khẩu từ Thái Lan và các nợớc khác (ám chỉ trợờng hợp Việt Nam). Vì vậy, từ cuối năm 2005, Trung Quốc đã tuyên bố không áp dụng quy chế ợu đãi biên mậu đối với các cửa khẩu giáp biên giới thuộc tỉnh Quảng Tây với Việt Nam. Hiện tại, quy chế biên mậu chỉ còn đợợc áp dụng với Tỉnh Vân Nam. Điều đó càng cho thấy, trong xu thế hội nhập KTQT, Trung Quốc và Việt Nam đều đã sẵn sàng

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

chấp nhận một luật chơi chung trong quan hệ thoịơng mại hơn là tiếp tục một cơ chế giao dịch có tính truyền thống nhoị cơ chế biên mậu. Cùng với sự thu hẹp về không gian áp dụng thoịơng mại biên mậu, một thực tế là thoịơng mại biên mậu song phoịơng đang giảm đi một cách toịơng đối so với quan hệ thoịơng mại thông thoịờng.

d. Đánh giá việc thực hiện các chính sách thương mại:

Trên cơ sở các hiệp định đã đoịợc ký kết cùng với sự nỗ lực của cả hai bên, đến nay trên đoịờng biên giới đất liền giữa hai noịớc đã có 25 cặp cửa khẩu đoịợc khai thông, trong đó có 5 cặp cửa khẩu quốc tế, 7 cửa khẩu quốc gia và 13 cặp cửa khẩu tiểu ngạch. Ngoài ra còn có thêm 59 cặp đoịờng mòn biên giới và 13 chợ biên giới đã đoịợc hình thành. Những hiệp định và văn bản đoịợc ký kết cùng với những cặp cửa khẩu đoịợc khai thông đã tạo cơ sở pháp lý và điều kiện thuận lợi cho các ngành, các địa phoịơng và các doanh nghiệp hai noịớc phát triển quan hệ kinh tế thoịơng mại.

Cơ chế hợp tác giữa chính phủ, các Bộ ngành Trung oịơng và địa phoịơng của hai noịớc cũng đã có tác dụng tích cực trong việc đẩy mạnh quan hệ thoịơng mại giữa hai bên phát triển: cơ chế gặp nhau định kỳ giữa lãnh đạo các tỉnh biên giới của ta với lãnh đạo hai tỉnh Vân Nam và Quảng Tây. Sự quan tâm của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phoịơng, trong đó có các tỉnh, huyện, thị giáp biên... đã tạo hành lang pháp lý thuận tiện, tạo mối quan tâm hợp tác của hai tỉnh Vân Nam và Quảng Tây đối với thị troịờng Việt Nam, giúp doanh nghiệp tháo gỡ những khó khăn trong kinh doanh xuất khẩu sang thị troịờng hai tỉnh này.

Hành lang pháp lý trong công tác xuất nhập khẩu giữa hai bên đang dần đoịợc hoàn thiện. Việc các Bộ Ngành hữu quan của hai bên trong tháng 10/2004 đã ký các thoả thuận quan trọng đối với từng mặt hàng xuất khẩu cụ thể nhoị thoả thuận hợp tác kiểm tra, kiểm dịch và giám sát vệ sinh sản phẩm thực phẩm thuỷ sản xuất nhập khẩu, Nghị định thoị về yêu cầu kiểm dịch thực

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

vật đối với việc xuất khẩu gạo từ Việt Nam sang Trung Quốc là một tín hiệu tốt cho hàng xuất khẩu. Tuy đây là một thử thách đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam vì các doanh nghiệp của Việt Nam sẽ phải tuân thủ theo những quy định mà phía Trung Quốc đề ra, nhơng cũng là một cơ sở pháp lý quan trọng nếu doanh nghiệp xuất khẩu của ta thực hiện tốt các quy định này. Chính phủ Trung Quốc cũng tỏ thái độ tích cực trong việc thúc đẩy quan hệ hợp tác thơơng mại giữa hai bên, góp phần cải thiện cán cân thơơng mại còn chơa cân bằng. Điều này đơợc thể hiện rõ qua động thái là Chính phủ Trung Quốc, đặc biệt là chính quyền các địa phơơng giáp với Việt Nam đã tạo điều kiện thuận lợi hơn cho hàng xuất khẩu của Việt Nam vào Trung Quốc và bày tỏ ý định tăng lơợng nhập khẩu những mặt hàng mà Việt Nam có thể mạnh nhơ dầu thô, than đá, hải sản... Để thúc đẩy quan hệ biên mậu, hàng năm Trung Quốc tổ chức các chơơng trình hội chợ tại các xã, địa phơơng giáp với Việt Nam nhơ Hội chợ thơơng mại Trung - Việt tại Pò Chài, Bằng Tơờng (tháng 9), Hội chợ Thơơng mại Trung - Việt tại Hà Khẩu (tháng 11), Hội chợ Quốc tế Côn Minh (tháng 6), Hội chợ Quốc tế Miền Tây (tháng 5)... Bên cạnh đó, các tỉnh, thành của Trung Quốc gần đây có xu hơớng tổ chức các hội chợ riêng tại Việt Nam để quảng bá các thế mạnh của từng địa phơơng.

Có thể nói thời gian qua, sự hợp tác Việt - Trung trong lĩnh vực kinh tế thơơng mại tuy số lơợng chơa nhiều, quy mô chơa lớn nhơng đã mang những nội dung và phơơng thức hết sức mới thể hiện đúng tinh thần hợp tác bình đẳng, cùng có lợi và bơớc đầu tuân theo các quy luật của kinh tế thị trơờng

1.2.2 Cơ sở hạ tầng

a. Hệ thống giao thông

Với địa thế biên giới Việt - Trung dài 1.353 km từ Đông sang Tây qua 7 tỉnh phía Bắc gồm Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu và Điện Biên, đến năm 2006, biên giới trên bộ giữa Việt Nam và

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Trung Quốc có tất cả 25 cửa khẩu, trong đó có 5 cửa khẩu quốc tế, 7 cửa khẩu chính và 13 cửa khẩu phụ.

Trong các hành lang kinh tế, trục tuyến giao thông là nhân tố quan trọng nhất và việc phát triển hạ tầng giao thông tỷ lệ thuận với tăng trợởng kinh tế. Trên 70% loợng hàng hoá trao đổi trên hành lang kinh tế biên giới bai noợc đoợc vận chuyển bằng đoờng sắt, còn lại là đoờng bộ. Tuyến đoờng thuỷ và đoờng không vẫn chợa đoợc khai phá. Hiện nay, giữa Việt Nam và Trung Quốc có hai tuyến đoờng sắt liên vận quốc tế. Một là tuyến Hà Nội - Đồng Đăng - Đông Hợng - Nam Ninh, và từ Nam Ninh đi các tỉnh liền kề bên trong Trung Quốc nhợ Vân Nam, Quý Châu, Hồ Nam, Quảng Đông. Tuyến đoờng này dài 418 km. Tuyến thứ hai là: Hà Nội - Lào Cai - Hà Khẩu - Côn Minh. Từ Côn Minh nối tiếp đến các tỉnh Tứ Xuyên, Quý Châu, Quảng Tây và khu tự trị Tây Tạng. Tuyến đoờng này dài 761 km. Tuyến đoờng sắt Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng đã đoợc Vân Nam sử dụng để vận chuyển hàng quá cảnh của tỉnh qua cảng Hải Phòng. Khối loợng hàng quá cảnh của Vân Nam qua cảng Hải Phòng đã tăng từ 70.000 tấn năm 2001 lên 185.000 tấn năm 2004. Nhu cầu vận chuyển hàng quá cảnh của Vân Nam qua cảng Hải Phòng Việt Nam tới các noợc ASEAN là rất lớn, nhoợng năng lực vận chuyển của đoạn đoờng sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng còn hạn chế. Một trở ngại lớn là hệ thống đoờng sắt của Việt Nam và Trung Quốc không giống nhau. Phía Việt Nam dùng hệ đoờng ray 1.000 mm, còn hệ đoờng ray của phía Trung Quốc là 1.435 mm. Do vậy hành khách hay hàng hoá từ bên này sang bên kia đều phải chuyển tàu, làm mất nhiều thời gian và công bốc xếp.

Tuyến đoờng từ Côn Minh qua Hà Nội đến Hải Phòng, một tuyến đoờng quan trọng, ngắn nhất nối khu vực miền Tây Trung Quốc ra biển, dài 859 km đoợc hai bên Việt Nam - Trung Quốc quan tâm đầu toợ xây dựng và đã đoợc Ngân hàng thế giới (WB) tài trợ 1 triệu USD từ tháng 4/2003 để phát triển. Theo chợơng trình xây dựng "Hai hành lang và một vành đai kinh tế",

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Bộ Đường sắt Trung Quốc đã cam kết sẽ đầu tư 100 triệu NDT (khoảng 12 triệu USD) để mua 10 đầu máy phục vụ cho việc nâng cấp dịch vụ vận chuyển trên tuyến đường sắt Côn Minh - Hà Nội. Ngoài ra phía Trung Quốc còn đầu tư 40 triệu NDT (khoảng 4,8 triệu USD) để mua 200 toa tàu mới trang bị cho tuyến đường sắt này. Tuy nhiên, tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai đang bị quá tải nghiêm trọng với công suất hoạt động cao gần gấp đôi năng lực cho phép. Tuyến đường này bị ảnh hưởng nhiều bởi địa hình đồi núi và các nguy cơ thiên tai. Thực tế đã cho thấy chỉ trong khoảng 2 ngày ngừng hoạt động tuyến do sạt lở, hàng hoá tại hai cửa khẩu đã bị ứ đọng nghiêm trọng, đồng thời năng lực của kho bãi trung chuyển tại Lào Cai cũng rất kém.

Theo số liệu ước tính của Trung Quốc, nhu cầu vận tải qua tuyến đường sắt này của Trung Quốc sẽ tăng từ 3-4 triệu tấn/năm năm 2005 đến 7-8 triệu tấn/năm năm 2010 và chủ yếu là hàng quá cảnh. Như vậy riêng việc phục vụ cho nhu cầu vận tải của tỉnh Vân Nam đã là một thách thức, trong khi đó đây còn là tuyến vận tải chính các nguyên liệu từ Lào Cai về xuôi như quặng Apatit, than, quặng sắt… phục vụ các nhà máy trong nước với nhu cầu khoảng 2,3 triệu tấn/năm.

Một trong những trọng tâm cải tạo hệ thống giao thông của hành lang kinh tế là xây dựng và kết nối tuyến đường sắt xuyên Á. Hiện phía Trung Quốc đang gấp rút xây dựng truyến đường sắt tiêu chuẩn quốc tế rộng 1,4 m từ Côn Minh đi Hà Khẩu và chuẩn bị hoàn thành năm 2007. Việt Nam cũng có kế hoạch xây mới tuyến đường sắt từ Lào Cai đi Hải Phòng đạt tiêu chuẩn kết nối vào năm 2010.

Hệ thống đường bộ nối giữa hai nước còn chưa phát triển. Đường cao tốc Nam Ninh - Bằng Tường và Nam Ninh - Đông Hưng về cơ bản hoàn thành. Trong khi đó, các tuyến đường bộ chính tới cửa khẩu quốc tế và từ cửa khẩu tới các cảng biển của phía Việt Nam chưa phải là đường cao tốc, tuy đã có những đoạn được nâng cấp và cải tạo, nhưng nhìn chung giao thông vẫn

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

chọa thuận lợi. Tuyến đọờng Hà Nội - Lạng Sơn - Hữu Nghị Quan - Nam Ninh đã có song mới chỉ có hệ thống đọờng ôtô chất lọợng cao nối Hữu nghị Quan với Nam Ninh. Phần lớn hàng xuất khẩu của Quảng Tây sang Lào và Campuchia đều đọợc vận chuyển bằng đọờng bộ qua Việt Nam. Nhọ vậy, hàng năm một khối lọợng hàng đáng kể của Quảng Tây đọợc vận chuyển quá cảnh qua Việt Nam.

Ở biên giới Việt Nam với tỉnh Vân Nam, với trên 1.350 km đọờng biên giới mà chỉ có 7 tuyến đọờng bộ chính và một số đọờng nhánh nhỏ, chọa có đọờng ôtô cao cấp nối hai bên với nhau. Đoạn đọờng từ Hà Nội đến Hải

Phòng đã có đọờng cao cấp, song đoạn Lào Cai - Hà Nội dài 345 km (chạy qua quốc lộ 70 và QL 2) có chất lọợng thấp, đọờng hẹp và cong, bán kính nhỏ, có độ dốc dọc lớn, tải trọng cầu đọờng thấp, sức vận tải thấp. Hiện phía Trung Quốc đã xây dựng tuyến đọờng khá hiện đại từ Côn Minh đến Hà Khẩu (giáp Lào Cai). Mặc dù địa hình không thuận lợi nhọ các tuyến đọờng nối cửa khẩu Lạng Sơn, Móng Cái nhọng tuyến đọờng bộ sẵn có là một lợi thế lớn của Lào Cai. Phía Việt Nam hiện đang tiến hành nâng cấp tuyến quốc lộ 70 Hà Nội - Lào Cai. Hợp tác vận tải đọờng bộ giữa Lào Cai và Hà Khẩu đã có những thuận lợi quan trọng với chính sách cho phép ô tô chở hàng hoá của Việt Nam vào sâu nội địa Trung Quốc tới 250km, thời gian mở cửa khẩu cũng kéo dài tới 10 giờ đêm. Tỉnh Lào Cai tiếp tục kiến nghị Bộ Giao thông-Vận tải Trung Quốc cho phép xe Việt Nam đọợc đi và về trong toàn bộ phạm

vi châu Hồng Hà (cách Lào Cai 300 km) và xe chở mặt hàng tọơi sống đọợc đi thẳng đến thành phố Côn Minh (thủ phủ Vân Nam) cách Lào Cai 460km. Nhọ vậy hàng hoá Việt Nam qua cửa khẩu sẽ không phải chuyển tải, giảm tối đa chi phí.[1]

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Về đoờng thuỷ và hàng không, hiện hai bên đang triển khai nghiên cứu thực hiện dự án cải tạo, khai thác tuyến đoờng thuỷ dọc sông Hồng theo

1http://laocai.gov.vn/home/view.asp?id=101&ID_tin=15159 – ngày truy cập 6/4/2008

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

khuôn khổ Hiệp định Hợp tác tiểu vùng sông Mê Kông. Sông Hồng bắt nguồn từ huyện Nguy Sơn, tỉnh Vân Nam- Trung Quốc, tổng chiều dài là 1.145 km, trong đó đoạn sông ở tỉnh Vân Nam có 695 km. Trong lịch sử, sông Hồng vốn là một đoạờng thuỷ then chốt trong việc đi lại giữa Trung Quốc và Việt Nam, cũng là một đoạờng vận chuyển trên sông trong thoạơng mại giữa Việt Nam và Trung Quốc. Hiện nay, việc khai thác vận chuyển quốc tế trên sông Hồng đã đoạợc xếp vào "choạơng trình khai thác miền Tây" và kế hoạch 5 năm lần thứ 10 của Trung Quốc. Trung Quốc và Việt Nam đã có các cuộc hội thảo và tại đó hai bên đã cùng thống nhất đề xuất cùng tổ chức đoàn liên hợp khảo sát vận chuyển sông Hồng, xem xét tính khả thi của việc thông tàu thuyền ở đoạn sông từ Man Hao đến Yên Bái.

Đoạờng hàng không mới chỉ đoạa vào khai thác tuyến Hà Nội - Côn Minh. Để nâng cao năng lực giao thông nói chung và tiến tới khai thác vận tải đa phoạơng thức trong hành lang kinh tế, Chính phủ đã cho phép tỉnh Lào Cai phối hợp với Tổng cục hàng không Việt Nam nghiên cứu xây dựng sân bay Lào Cai để thành lập tuyến bay Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội vào năm 2012.[1]

Theo dự báo của các chuyên gia kinh tế Viện nghiên cứu kinh tế Đông Nam á của Vân Nam, đến năm 2020 nhu cầu vận chuyển của phía Tây Nam Trung Quốc qua các cảng biển ít nhất khoảng 10-120 triệu tấn/năm, Trung Quốc đang quy hoạch 3 tuyến hành lang vận chuyển hàng hoá: tuyến qua Quảng Tây tới khu vực cụm cảng Phòng Thành (dài 1.800 km); tuyến qua Myanma - Băng Cốc ra vịnh Thái Lan (dài trên 2.000 km) và tuyến qua Lào Cai ra các cảng biển Việt Nam (dài khoảng 900 km).[2]

---

1 http://vietbao.vn/Kinh-te/ADB-phe-duyet-khoan-vay-lich-su-1-1-ty-USD-cho-VN/75171865/176/ - ngày truy cập 7/4/2008

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

[2] "Hợp tỏc kinh tế Việt Nam – Trung Quốc trên vành đai Vịnh Bắc Bộ" - Báo cáo của Bộ Công thương

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

b. Hệ thống khu thương mại biên giới

Tiến độ đầu tợ xây dựng cơ sở hạ tầng các khu kinh tế cửa khẩu chậm do phải điều chỉnh lại quy hoạch, khâu chuẩn bị đầu tợ chợa tốt, giải phóng mặt bằng gặp rất nhiều khó khăn. Cơ sở hạ tầng các khu kinh tế cửa khẩu còn thiếu và yếu, chợa đồng bộ, chợa hấp dẫn các nhà đầu tợ. Thêm vào đó, chính quyền các tỉnh vẫn chợa tạo đợợc sự gắn kết giữa các khu kinh tế cửa khẩu với các doanh nghiệp, các trung tâm kinh tế lớn của đất nợớc và các địa phợơng có thế mạnh ở phía sau để tạo nguồn hàng chủ lực đủ sức cạnh tranh và cuốn hút mạnh. Các khu kinh tế cửa khẩu dọc tuyến biên giới với Trung Quốc hầu nhợ chợa đợợc xây dựng và vận hành hoàn chỉnh, nên không thể đóng vai trò là động lực thúc đẩy thợơng mại giữa Việt Nam với hai tỉnh Vân Nam và Quảng Tây nói riêng, Trung Quốc nói chung.

Từ khi Luật Ngân sách của Việt Nam ra đời đã có sự điều chỉnh về việc sử dụng thuế nhập khẩu. Trợớc đây khi chợa có Luật Ngân sách, toàn bộ thuế nhập khẩu mà hải quan các tỉnh biên giới thu đợợc, các tỉnh đợợc giữ lại để xây dựng khu kinh tế cửa khẩu. Hiện nay, theo Luật Ngân sách, thuế mà hải quan cửa khẩu thu đợợc, các tỉnh phải nộp về Trung ợơng; sau đó Bộ Tài chính cấp lại cho tỉnh một phần để xây dựng khu kinh tế cửa khẩu. Nhợ vậy, nguồn vốn ngân sách để xây dựng khu kinh tế cửa khẩu đã bị thu hẹp, các tỉnh biên giới khó khăn hơn trong việc xây dựng khu kinh tế này. Nhợ chúng ta đã biết, khu kinh tế cửa khẩu đợợc xây dựng và phát triển sẽ là một động lực thúc đẩy quan hệ hợp tác thợơng mại giữa Việt Nam với hai tỉnh Vân Nam và Quảng Tây.

c. Hệ thống vận tải cảng biển

Hệ thống cảng biển Hải Phòng giữ vai trò to lớn đối với hoạt động xuất nhập khẩu của cả vùng Bắc Bộ. Hàng quá cảnh của tỉnh Vân Nam qua tuyến đợờng sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng để đến các nợớc ASEAN đều phải qua cảng Hải Phòng. Hải Phòng có cảng biển lớn nhất ở phía Bắc, gồm 3 khu

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

cảng chính với tổng chiều dài cầu cảng là 2.257m, có hệ thống bến bãi kho tàng rộng lớn phục vụ bốc xếp các chủng loại hàng hoá với năng lực thông qua khoảng 8 triệu tấn/năm và có tuyến đoịờng giao thông thuận tiện. Cảng Hải Phòng cùng với cảng Cái Lân (Quảng Ninh) tạo thành cụm cảng có quy mô ngày càng lớn, góp phần đoịa hàng hoá đi các vùng trên thế giới, cũng nhoị tham gia vận tải quá cảnh cho phía nam Trung Quốc.

Tóm lại cơ sở hạ tầng phát triển sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc phát triển mối quan hệ kinh tế thoịơng mại giữa hai noịớc Việt Nam – Trung Quốc, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao thoịơng giữa các thoịơng nhân trên vùng biên giới.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - TRUNG QUỐC

2.1 THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU

2.1.1 Thực trạng hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa Việt Nam – Trung Quốc trong những năm gần đây (năm 2001 đến nay)

Quan hệ ngoại thương Việt Nam - Trung Quốc trong những năm qua đã có bước phát triển mạnh mẽ với tốc độ tăng trưởng tổng kim ngạch xuất nhập khẩu bình quân 27,4%/năm trong giai đoạn 2001-2006. Từ năm 2004, Trung Quốc đã trở thành đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam. Năm 2006 tổng kim ngạch mậu dịch giữa hai nước đạt 10,420 tỷ USD. Trong đó xuất khẩu đạt 3,030 tỷ USD, nhập khẩu đạt 7,390 tỷ USD; nhập siêu 4,360 tỷ USD. Đến năm 2007, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 15,858 tỷ USD tăng vọt 52,2% so với năm 2007, trong đó xuất khẩu đạt 3,356 tỷ USD (tăng 10,8%), nhập khẩu đạt 12,502 tỷ USD(tăng 69,2%), nhập siêu lên tới 9,145 tỷ USD[1].

Bảng 2.1. Xuất nhập khẩu hàng hoá giữa Việt Nam và Trung Quốc

Đơn vị: triệu USD

	Tổng XNK	% tăng	XK	% tăng	NK	% tăng	XK – NK
2001	3023,6	14,1	1417,4		1606,2		-188,8
2002	3677,1	21,6	1518,3	7,1	2158,8	34,4	-640,5
2003	5021,7	36,6	1883,1	24,0	3138,6	45,4	-1255,5
2004	7192,0	43,2	2735,5	45,3	4456,5	36,8	-1721,0
2005	8739,9	21,5	2961,0	8,2	5778,9	29,7	-2817,9
2006	10420,0	19,2	3030,0	19,2	7390,0	27,9	-4360,0
2007	15858,6	52,2	3356,6	10,8	12502,0	69,2	-9145,4

Nguồn: Niên giám thống kê, Tổng cục Thống kê, Báo cáo số liệu xuất nhập khẩu, Tổng cục Hải quan

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

[1] Theo số liệu trị giá hàng xuất nhập khẩu hàng hóa phân theo khối nước, theo nước và vùng lãnh thổ – Tổng cục thống kê

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Buôn bán với Trung Quốc chiếm khoảng 12% tổng kim ngạch ngoại thợơng của Việt Nam, trong khi Việt Nam chỉ chiếm 0,78% tổng kim ngạch ngoại thợơng của Trung Quốc, Việt Nam là bạn hàng lớn thứ 27 của Trung Quốc.

a. Về xuất khẩu: Xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc giai đoạn 2001-2006 tăng bình quân 35,6%/năm. Năm 2006, đạt hơn 3 tỷ USD, năm 2007 đạt hơn 3,3 tỷ USD, khiến cho Trung Quốc trở thành bạn hàng xuất khẩu lớn thứ ba của Việt Nam, sau Hoa Kỳ và Nhật Bản. Xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc chiếm khoảng 10% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam nhợng chỉ chiếm chợa đầy 0,5% tổng kim ngạch nhập khẩu của Trung Quốc.[1]

Bảng 2.2. Xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam sang Trung Quốc

Đơn vị: triệu USD

	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007
Xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc	1417,4	1518,3	1883,1	2735,5	2961,0	3030,0	3356,6
Tỷ trọng trong tổng KNXK của Việt Nam	9,4	9,1	9,3	10,3	9,1	7.6	6.91
Tỷ trọng trong tổng KNNK của Trung Quốc	0,61	0,54	0,48	0,51	0,47	0.41	0.35

Nguồn: Niên giám thống kê, Tổng cục Thống kê Việt Nam; Key Indicators, ADB, 2006

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

b. Về nhập khẩu: Xuất khẩu của Trung Quốc sang Việt Nam tăng rất nhanh trong những năm qua. Nếu năm 2001 kim ngạch nhập khẩu từ Trung Quốc chỉ mới đạt 1,6 tỷ USD, thì năm 2005 lên đến 5,8 tỷ USD, và năm 2007 lên tới 12,5 tỷ USD, trung bình hàng năm tăng 82%. Trung Quốc đã trở thành nợớc chiếm vị trí thứ nhất trong các quốc gia xuất khẩu vào Việt Nam, chiếm tới 19% thị phần nhập khẩu của Việt Nam và 1,03% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Trung Quốc.[2]

---

[1] Niờn Giỏm thống kờ – Tổng cục thống kờ Việt Nam

[2] Niờn Giỏm thống kờ – Tổng cục thống kờ Việt Nam

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Bảng 2.3. Nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam từ Trung Quốc

Đơn vị: triệu USD

	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007
Nhập khẩu của VN từ TQ	1606,2	2158,8	3138,6	4456,5	5778,9	7390,0	12502,0
Tỷ trọng trong tổng KNNK của VN	9,4	10,9	12,4	13,9	15,6	16,6	19.94
Tỷ trọng trong tổng KNXK của TQ	0,6	0,7	0,7	0,8	0,8	0,8	1.03

Nguồn: Niên giám thống kê, Tổng cục Thống kê Việt Nam; Key Indicators, ADB, 2006

c. Về cán cân thương mại: Từ năm 2001 đến nay tốc độ xuất khẩu của Trung Quốc sang thị trợờng Việt Nam tăng nhanh hơn tốc độ nhập khẩu từ Việt Nam, nên cán cân thợơng mại Việt Nam - Trung Quốc nghiêng dần về phía có lợi cho Trung Quốc. Trung Quốc là một trong những thị trợờng mà Việt Nam bị nhập siêu nhiều nhất sau Đài Loan, Hàn Quốc.

Năm 2001 mức nhập siêu mới chỉ là 189 triệu USD, năm 2002 đã tăng trên 3 lần, lên tới 641 triệu USD; năm 2003 là 1.256 triệu USD; năm 2004 là 1.721 triệu USD; năm 2005 là 2.818 triệu USD và năm 2006 lên tới mức 4360

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

triệu USD Với việc Việt Nam chính thức là thành viên WTO từ năm 2007, với các cam kết giảm thuế các mặt hàng công nghiệp và nông sản, có thể dự báo luồng hàng xuất khẩu của Trung Quốc sang Việt Nam tăng mạnh lờn tới 9145,4 triệu USD[1].

Nếu nhoị thâm hụt thoịơng mại về số loịợng đặt ra những vấn đề về cân đối tài khoản vãng lai giữa hai nền kinh tế thì cơ cấu hàng xuất, nhập khẩu lại cho thấy chất loịợng của trao đổi thoịơng mại giữa hai noịớc ngày càng bất lợi cho phía Việt Nam. Việt Nam chủ yếu xuất khẩu nguyên liệu, sản phẩm thô

[1] Theo bỏo cỏo thường niờn của Bộ công thương

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

có giá trị gia tăng thấp và nhập khẩu những sản phẩm chế tác, có giá trị gia tăng và hàm lợợng công nghệ cao hơn do Trung Quốc sản xuất, trong đó có không ít sản phẩm sử dụng nguyên liệu của Việt Nam nhợ ruột, vỏ xe sử dụng nguyên liệu cao su, xăng dầu đợợc lọc từ dầu thô, điện sử dụng than...

Nguyên nhân sâu xa của tình hình này là do cơ cấu của hai nền kinh tế tợơng tự nhau nhợng Trung Quốc đã tiến xa hơn trong quá trình công nghiệp hoá và năng lực cạnh tranh của Trung Quốc cũng cao hơn Việt Nam.

Tuy nhiên, thực trạng nhập siêu với Trung Quốc cũng có những yếu tố tích cực do hàng hoá nhập khẩu từ Trung Quốc đã đáp ứng đợợc một phần yêu cầu của nền sản xuất và tiêu dùng của Việt Nam nhợ: Việt Nam đã nhập khẩu đợợc một số nguyên liệu, hoá chất, thiết bị máy móc, vận tải… phục vụ cho yêu cầu sản xuất nông nghiệp và công nghiệp mà không phải dùng ngoại tệ mạnh.

d. Về thương mại biên mậu: Ngoài buôn bán chính ngạch theo tập quán và thông lệ quốc tế, thời gian qua buôn bán tiểu ngạch (mậu dịch biên giới) giữa hai nợớc cũng phát triển rất mạnh. Buôn bán qua biên giới đã góp phần làm tăng nguồn thu ngân sách trên địa bàn, giải quyết việc làm và cải thiện đời sống cho cợ dân vùng biên giới. Cùng với buôn bán chính ngạch và buôn bán tiểu ngạch, trong giao lợu kinh tế thợơng mại giữa hai nợớc còn xuất hiện các hình thức và dịch vụ khác nhợ quá cảnh, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu… Biên mậu Việt Nam - Trung Quốc đã trở thành một bộ phận quan trọng không thể tách rời và có đóng góp tích cực trong quan hệ thợơng mại Việt Nam - Trung Quốc.

Hàng hoá trao đổi mậu dịch biên giới có cơ cấu rất đa dạng. Trừ các mặt hàng dầu thô, xăng dầu và thiết bị toàn bộ đợợc nhập khẩu theo đợờng chính ngạch, các mặt hàng xuất khẩu và nhập khẩu còn lại giữa Việt Nam và Trung Quốc cũng chính là các mặt hàng đợợc thực hiện qua đợờng mậu dịch biên giới.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Bảng 2.4. Kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam - Trung Quốc qua cửa khẩu 6 tỉnh biên giới phía Bắc Việt Nam giai đoạn 2001-2005

Đơn vị: Triệu USD

Năm	Quảng Ninh	Lạng Sơn	Cao Bằng	Hà Giang	Lào Cai	Lai Châu
2001	894,20	618,50		46,1	209,90	0,90
2002	486,00	28,66		80,00	254,60	14,87
2003	400,70	270,40		38,10	279,30	38,00
2004	427,83	51,11	229,40	70,00	273,00	36,00
2005	-	59,39	303,00	39,77	242,81	56,30
		62,40	378,50			
		81,12				

Nguồn: Vụ Châu Á - Thái Bình Dương, Bộ Cụng thương

Tuy nhiên, nếu nhoị trong thập niên 90, thoịong mại biên mậu chiếm tới 90%, tức là hầu hết thoịong mại song phoịong chỉ thực hiện qua biên giới thì năm 2005, thoịong mại biên mậu chỉ chiếm khoảng 10-15% kim ngạch xuất nhập khẩu hai chiều. Tuy con số trên không thực sự thể hiện đầy đủ luồng thoịong mại hai chiều, đặc biệt là hàng hoá trốn lậu thuế nhoịng cũng cho thấy một thực tế là thoịong mại biên mậu, bao gồm cả việc xuất nhập khẩu nhờ những oịu đãi thuế biên mậu của Trung Quốc đang ngày một thu hẹp. Sự hình

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

thành của ACFTA với mục tiêu đoịa các loại thuế suất về 0% sẽ còn làm giảm hơn nữa ý nghĩa thực tế của cơ chế oịu đãi thuế quan biên mậu.

2.1.2. Cơ cấu hàng xuất nhập khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc

Cơ cấu hàng hoá xuất khẩu nhập khẩu phát triển theo hoịớng đa dạng hoá mặt hàng và chủng loại, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của hai bên. Việt Nam xuất khẩu sang thị troịờng Trung Quốc khoảng hơn 100 mặt hàng bao gồm: Nguyên, nhiên liệu (dầu thô, cao su tự nhiên, than đá, quặng các loại, tinh dầu các loại…); loịơng thực, nông sản (hạt điều, hạt tiêu, lạc nhân và hoa quả nhiệt đới các loại…); thuỷ sản toịơi sống và đông lạnh (tôm, cá, cua,

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

mực…) và hàng tiêu dùng (hàng thủ công mỹ nghệ, giày dép, đồ gia dụng cao cấp…). Trung Quốc cũng xuất khẩu sang thị trợờng Việt Nam hơn 200 mặt hàng bao gồm: Dây chuyền sản xuất (xi măng lò đứng…); máy móc thiết bị (y tế, vận tải, máy móc nông nghiệp…); nguyên nhiên liệu (xăng dầu, phân bón, xi măng, sắt thép, vật liệu xây dựng…). mặt hàng nông sản (bột mỳ, đợờng, hoa quả ôn đới…) và hàng tiêu dùng (xe máy, quần áo, đồ chơi trẻ em, sản phẩm điện tử…). Nhìn chung, cơ cấu hàng hoá xuất nhập khẩu nhợ trên phản ánh đúng trình độ phát triển hiện nay của nền kinh tế hai nợớc có tính bổ sung cho nhau tợơng đối rõ rệt.

a. *Cơ cấu hàng xuất khẩu*

Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc hơn 100 mặt hàng, gồm 4 nhóm mặt hàng chính nhợ sau:

Hàng nhiên nguyên liệu: dầu thô, cao su, than, quặng kim loại, các loại hạt có dầu, dợợc liệu (cây làm thuốc)...

Hàng nông sản: lợơng thực (gạo, sắn khô), rau - củ - quả (đặc biệt là các loại hoa quả nhiệt đới nhợ: chuối, xoài, chôm chôm, thanh long...), chè, hạt điều.

Hàng thuỷ sản: thuỷ sản tợơi sống, thuỷ sản đông lạnh, một số loại mang tính đặc sản nhợ: rắn, rùa, ba ba... tự nhiên hoặc đợợc nuôi thả.

Hàng tiêu dùng: hàng thủ công mỹ nghệ, giày dép, đồ gỗ cao cấp, bột giặt, bánh kẹo...

Trong những năm gần đây, bên cạnh những mặt hàng xuất khẩu nông, lâm sản và nguyên liệu truyền thống, một số mặt hàng xuất khẩu thuộc nhóm công nghiệp chế biến nhợ dệt may, giày dép, vi tính và linh kiện điện tử, dây điện và cáp điện, sản phẩm gỗ đã bợớc đầu khẳng định đợợc thị phần cũng nhợ sức cạnh tranh ở Trung Quốc tuy kim ngạch xuất khẩu chợa cao, khoảng 10 đến 35 triệu USD, nhợng tốc độ tăng trợởng tợơng đối ổn định.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Bảng 2.5. Cơ cấu hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc

Năm	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007
	Tr.USD	Tr.USD	Tr.USD	Tr.USD	Tr.USD	Tr.USD	Tr.USD
Tổng KNXK	**1417,4**	**1518,3**	**1883,1**	**2735,5**	**2961,0**	**3,030,0**	**3 356**
Hàng thuỷ sản	253,0	173,6	174,0	48,2	62,0	65,0	67,7
Rau củ quả	145,0	77,8	86,6	137,6	34,9	24,6	27,2
Hạt điều	30,3	38,3	53,5	70,2	97,4	94,5	103, 9
Cà phê	2,6	3,9	6,9	5,9	7,6	15,9	25,2
Gạo	0,5	1,7	0,3	19,2	12,0	12,4	15,9
Chè	0,8	0,6	0,8	3,5	6,0	7,6	17,3
Hạt tiêu	6,6	3,3	0,7	0,4	0,0	0,8	2,8
Cao su	51,6	89,8	160	358,0	519,2	851,8	838,8
Dỗu thô	559,0	686,8	863,0	1471	1160,0	399,9	281, 3
Than	17,3	44,3	51,2	134,0	370,2	594,8	650, 6
Sản phẩm gỗ	9,3	13,3	1,3	30,1	60,3	94,1	167, 7
Dệt may	7,8	2,1	7,3	14,0	8,1	29,7	43,6
Giày dép	5,1	7,3	10,9	19,2	28,3	42,0	66,0
Máy vi tính, linh kiện	2,7	3,6	21,1	21,6	74,6	73,8	119,6
Dây điện, cáp điện	0,2	0,6	1,6		7,7	11,6	9,9

Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam

Có thể thấy, nhóm hàng nguyên, nhiên liệu, cao su, dầu mỏ, than đá vẫn chiếm tới trên 60% trong kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam sang Trung Quốc. Tốc độ tăng trợởng kinh tế cao của Trung Quốc trong những năm qua, đặc biệt là sau khi Trung Quốc trở thành thành viên WTO đã khuyến khích nhu cầu nhập khẩu nguyên, nhiên, vật liệu cho phát triển sản xuất. Sau khi gia nhập WTO, do nền kinh tế của Trung Quốc tăng trợởng quá nhanh, "quá nóng", nhu cầu nhập khẩu nhiều mặt hàng nguyên, nhiên, vật liệu từ Việt Nam để phục vụ sản xuất công nghiệp của Trung Quốc có xu hợớng tăng mạnh. Tuy nhiên, các mặt hàng dầu thô, than đá không đợợc coi là thế

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

mạnh dài hạn vì đây là những nguyên liệu chiến lợợc công nghiệp hoá, hiện đại hoá của Việt Nam.

Trong những năm trợớc, dầu thô là mặt hàng xuất khẩu chính ngạch chủ yếu, chiếm tới 50% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc. Tuy nhiên, tỷ trọng của dầu thô trong tổng kim ngạch nhập khẩu trong năm 2007 đã giảm đi trong khi tỷ trọng xuất khẩu than và cao su tăng lên.

Cao su là mặt hàng chiếm tỷ trọng xuất khẩu khá lớn trong kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam với kim ngạch xuất khẩu tăng từ 51 triệu USD năm 2001 lên 852 triệu USD năm 2006, giảm không đáng kể xuống 838 triệu năm 2007. Cao su đợợc coi là mặt hàng Việt Nam có lợi thế tuyệt đối. Để hạn chế nhập khẩu cao su, Trung Quốc đã thí điểm trồng cao su tại đảo Hải Nam và tại tỉnh Vân Nam giáp Lào Cai. Tuy nhiên, do điều kiện khí hậu thổ nhợỡng không hợp với cây cao su nên chi phí trồng cao, năng suất thấp, Nhà nợớc phải hỗ trợ nhiều, vì vậy nhập khẩu vẫn là biện pháp hữu hiệu để đáp ứng nhu cầu trong nợớc, đặc biệt trợớc tình hình hiện nay ngành công nghiệp ôtô của Trung Quốc đang tăng trợởng với tốc độ rất cao trong những năm gần đây.

Kim ngạch xuất khẩu than đá sang Trung Quốc cũng tăng từ 17,3 triệu USD năm 2001 lên 595 triệu USD năm 2006 và tăng lên tới 650 triệu USD vào năm 2007. Tuy Trung Quốc cũng là một nợớc xuất khẩu than lớn trên thế giới nhợng các mỏ than của Trung Quốc đều tập trung tại vùng Đông Bắc, vì vậy, Trung Quốc vẫn có nhu cầu nhập khẩu cao cho các tỉnh phía Nam và Tây nam Trung Quốc.

Trong khi xuất khẩu nhóm nguyên, nhiên, vật liệu có tốc độ tăng trợởng cao thì xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, hải sản có xu hợớng giảm đi. Kim ngạch xuất khẩu thuỷ hải sản đã giảm từ 253 triệu USD năm 2001 xuống chỉ còn 67 triệu USD năm 2007. Kim ngạch xuất khẩu rau củ quả cũng giảm từ 145 triệu USD xuống còn 27 triệu USD trong cùng giai đoạn mặc dù thuỷ hải sản và rau quả vẫn đợợc coi là mặt hàng Việt Nam có lợi thế cạnh tranh.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Mặc dù Trung Quốc là nơớc xuất khẩu thuỷ sản lớn nhơng các tỉnh tây nam Trung Quốc vẫn có nhu cầu nhập khẩu cao nên tình trạng xuất khẩu giảm sút chủ yếu xuất phát từ phía Việt Nam. Bên cạnh việc doanh nghiệp chuyển hơớng xuất khẩu thuỷ sản sang các thị trơờng có sức hút mạnh hơn, giá cao hơn (Hoa Kỳ, EU và Nhật Bản) đã dẫn tới thị trơờng Trung Quốc bị bỏ rơi. Bên cạnh đó, sau khi vào WTO, Trung Quốc đã nâng cao yêu cầu về chất lơợng và ban hành các quy định SPS mới. Nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã không đáp ứng đơợc các yêu cầu này dẫn tới tình trạng xuất khẩu giảm mạnh. Tơơng tự nhơ mặt hàng thuỷ hải sản, các doanh nghiệp xuất khẩu rau quả của Việt Nam đã tỏ ra không thích ứng kịp trơớc những thay đổi trong quy định nhập khẩu của Trung Quốc. Bên cạnh đó, thoả thuận Thái Lan - Trung Quốc về bỏ thuế nhập khẩu đối với 188 sản phẩm rau quả đã khiến cho hàng rau quả của Việt Nam phải cạnh tranh gay gắt hơn với sản phẩm rau quả tơơng tự của Thái Lan. Vì sản phẩm rau quả của Thái Lan đã đơợc miễn thuế nhập khẩu từ 1/10/2003, trong khi hàng rau quả của Việt Nam vẫn phải chịu thuế nhập khẩu vào Trung Quốc theo Chơơng trình thu hoạch sớm (EHP) là: 10% năm 2004; 5% 2005 và chỉ đơợc bỏ vào năm 2006. Thêm vào đó, tuy Chơơng trình Thu hoạch sớm (EHP) đã đơợc thực hiện từ 1/1/2004 nhơng các doanh nghiệp Việt Nam chơa tận dụng đơợc những ơu đãi về thuế quan đối với các mặt hàng nông sản xuất khẩu.

Trong nhóm nông, lâm, thuỷ sản, hạt điều là một trong những mặt hàng xuất khẩu có tốc độ tăng trơởng cao và ổn định với kim ngạch xuất khẩu tăng từ 30 triệu USD năm 2001 lên 95 triệu USD năm 2006, lờn tới 103 triệu USD vào năm 2007. Xuất khẩu cà phê, gạo, chè cũng có xu hơớng tăng tuy kim ngạch xuất khẩu còn thấp.

Một thành công trong cải thiện cơ cấu hàng hoá xuất khẩu sang thị trơờng Trung Quốc là sự tăng trơởng của các mặt hàng công nghiệp chế biến nhơ giày dép, hàng dệt may, thủ công mỹ nghệ, sản phẩm và gần đây là mặt

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

hàng máy vi tính và linh kiện, dây điện và cáp điện… Tuy kim ngạch xuất khẩu còn khá nhỏ bé những tốc độ tăng trưởng ổn định cũng cho thấy Việt Nam có khả năng phát triển xuất khẩu những mặt hàng này sang thị trường Trung Quốc.

Một yếu tố cần lưu ý là thị phần của Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Trung Quốc vẫn rất nhỏ bé, kể cả các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam trong khi dung lượng thị trường và tiềm năng nhập khẩu của thị trường Trung Quốc còn rất lớn. Vì vậy, nếu các doanh nghiệp Việt Nam có thể đáp ứng được các đòi hỏi của thị trường nhập khẩu này, xuất khẩu của Việt Nam có thể có bước tăng trưởng đáng kể.

Do Trung Quốc đã cam kết dành cho ta chế độ đãi ngộ tối huệ quốc như một thành viên của WTO ngay từ khi ký kết Hiệp định khung về Hợp tác kinh tế toàn diện giữa Trung Quốc và các nước ASEAN tháng 12/2002, nên các sản phẩm xuất khẩu tiềm năng của ta như gạo, sản phẩm gỗ, cao su thiên nhiên sẽ có nhiều điều kiện thuận lợi hơn trong xuất khẩu sang Trung Quốc. Theo cam kết gia nhập WTO, Trung Quốc phải tăng hạn ngạch đồng thời hạ thấp thuế suất ngoài hạn ngạch thuế quan đối với gạo, dầu thực vật, dầu cọ, đường. Trung Quốc cũng phải xoá bỏ các hạn chế hiện hành về hạn ngạch, giấy phép nhập khẩu và việc chỉ định đầu mối kinh doanh đối với nhiều hàng hoá, trong đó có cao su thiên nhiên, sản phẩm cao su, gỗ, ván ép, đồng thời phải mở rộng đầu mối nhập khẩu các hàng hoá độc quyền Nhà nước như dầu thô, lương thực.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Bảng 2.6. Tỷ trọng một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc năm 2005 (triệu USD)

Mã HS	Mặt hàng		Tăng trưởng bình quân 2001 – 2005 (%)	Tổng KNNK của TQ	Ttgg b/q 2001 – 2005 (%)
	Tổng kim ng		**30**	**659952,8**	**30**
03	Thuỷ hải sản		27	2879,1	21
07	Rau củ tươi		44	523,6	29
08	Quả tươi		-4	658,7	18
11	Malt, tinh b gluten		49	185,6	26
26	Quặng, xỉ và		77	26032,5	66
27	Dầu thô, nhiên 1663,5 liệu khoáng		28	64089,0	42
40	Cao su và sản 170,4 phẩm cao su		35	5584,9	30
44	Gỗ và sản ph gỗ		78	5712,8	13
64	Giày dép	85 Hàng điện, điện 102,8 tử	80	541,7	15
			79	174835,2	34

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tỷ trọng của Việt Nam (%)	9,66	8,82	3,10	
	21,8		1,26	
0,38	0,47	8,23		
0,91	2,60	0,06		

Nguồn: Trung tâm thương mại thế giới (ITC), tổng hợp từ báo cáo số liệu nhập khẩu của Trung Quốc.

Hiện nay, hàng xuất khẩu của ta sang Trung Quốc gặp phải các rào cản về kỹ thuật và thuế quan chủ yếu là các sản phẩm rau quả, thuỷ sản, gạo do

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

hai bên vẫn chưa có được một hành lang pháp lý đầy đủ. Các mặt hàng xuất khẩu khác trên cơ bản được hưởng mức thuế suất ngang bằng với các nước khác khi xuất khẩu sang Trung Quốc. Trong năm 2004, hai bên đã tiến được một bước quan trọng trong việc hoàn thiện hành lang pháp lý bằng việc ký Thoả thuận về kiểm dịch thuỷ hải sản và Thoả thuận về kiểm dịch gạo xuất khẩu sang Trung Quốc. Các thỏa thuận này một mặt là cơ sở pháp lý cho hàng xuất khẩu của Việt Nam nhưng mặt khác sẽ là rào cản kỹ thuật nếu các doanh nghiệp Việt Nam không đáp ứng được các yêu cầu này.

b. Cơ cấu hàng nhập khẩu

Trung Quốc là thị trường lớn gần nhất, giá cả có sức cạnh tranh so với các nguồn cung cấp khác, nên nhập khẩu hàng hoá từ Trung Quốc đã tăng mạnh trong những năm gần đây. Việt Nam nhập khẩu từ Trung Quốc khoảng 200 mặt hàng, gồm 5 nhóm mặt hàng chính như sau:

- Thiết bị toàn bộ như dây chuyền sản xuất xi măng lò đứng, dây chuyền sản xuất đường mía.

- Máy móc (máy dệt, máy nông nghiệp), phương tiện vận tải, thiết bị y tế, thiết bị đo lường.

- Nguyên, nhiên, vật liệu: xăng dầu, phân bón, xi măng, sắt thép, kính xây dựng, vật liệu xây dựng, sản phẩm hoá chất, nguyên phụ liệu dệt may và da giày.

-Hàng nông sản: hạt giống, hoa quả ôn đới như lê, táo..., dầu thực vật, bột mỳ, đường.

- Hàng tiêu dùng và dược phẩm: xe máy, phụ tùng xe máy, sản phẩm điện, điện tử, đồng hồ, quần áo, đồ chơi trẻ em, thuốc chữa bệnh và nguyên liệu dược phẩm.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Có thể thấy, khác với cơ cấu hàng hoá xuất khẩu, cơ cấu hàng hoá nhập khẩu ít có sự thay đổi trong những năm qua. Các mặt hàng nguyên, nhiên liệu nhoị xăng dầu, hoá chất, sắt thép vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

nhập khẩu, trong đó chiếm tỷ trọng lớn nhất là sắt thép (17,5%); tiếp theo là nhóm máy móc, TBPT (16,2%). Các mặt hàng nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất nhoị nguyên phụ liệu dệt may, giày dép, phân bón, thuốc trừ sâu…vẫn tăng troịởng ổn định. Các mặt hàng toị liệu sản xuất chiếm khoảng 85% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá từ Trung Quốc của Việt Nam.

Bảng 2.7. Cơ cấu mặt hàng nhập khẩu của Việt Nam từ Trung Quốc

Đơn vị: triệu USD

Năm	2001	2002	2003	2004	2005	200
	Trị giá	Trị giá	Trị giá	Trị giá	Trị giá	Trị giá
Tổng KNNK	**1606,2**	**2158,8**	**3138,6**	**4456,5**	**5778,9**	**7390**
~~Thức ăn gia súc~~	7,4		27,9	24,6	24,4	37,6
Nguyên phụ liệu thuốc lá	22,0		34,9	20,8	30,6	19,0
~~Xăng dầu~~	231,7	473,5	720,6	739,8	884,3	555,
~~Hoá chất~~	51,5	95,5	108,1	123,8	169,9	347,
Dược phẩm &nguyên phụ liệu	6,8	7,2	7,9	6,8	39,6	46,9
~~Phân bón~~	62,6	58,0	243,2	392,0	264,3	298,
~~Thuốc trừ sâu~~	19,3	26,8	26,0	62,4	76,1	119,
~~Chất dẻo~~	6,8	10,5	14,8	22,4	35,2	59,7
Cao su & sản phẩm cao su	11,5		21,6	31,4	26,8	39,3

Gỗ, sp gỗ | ~~Xơ,sợi dệt~~ | ~~Vải may mặc~~

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

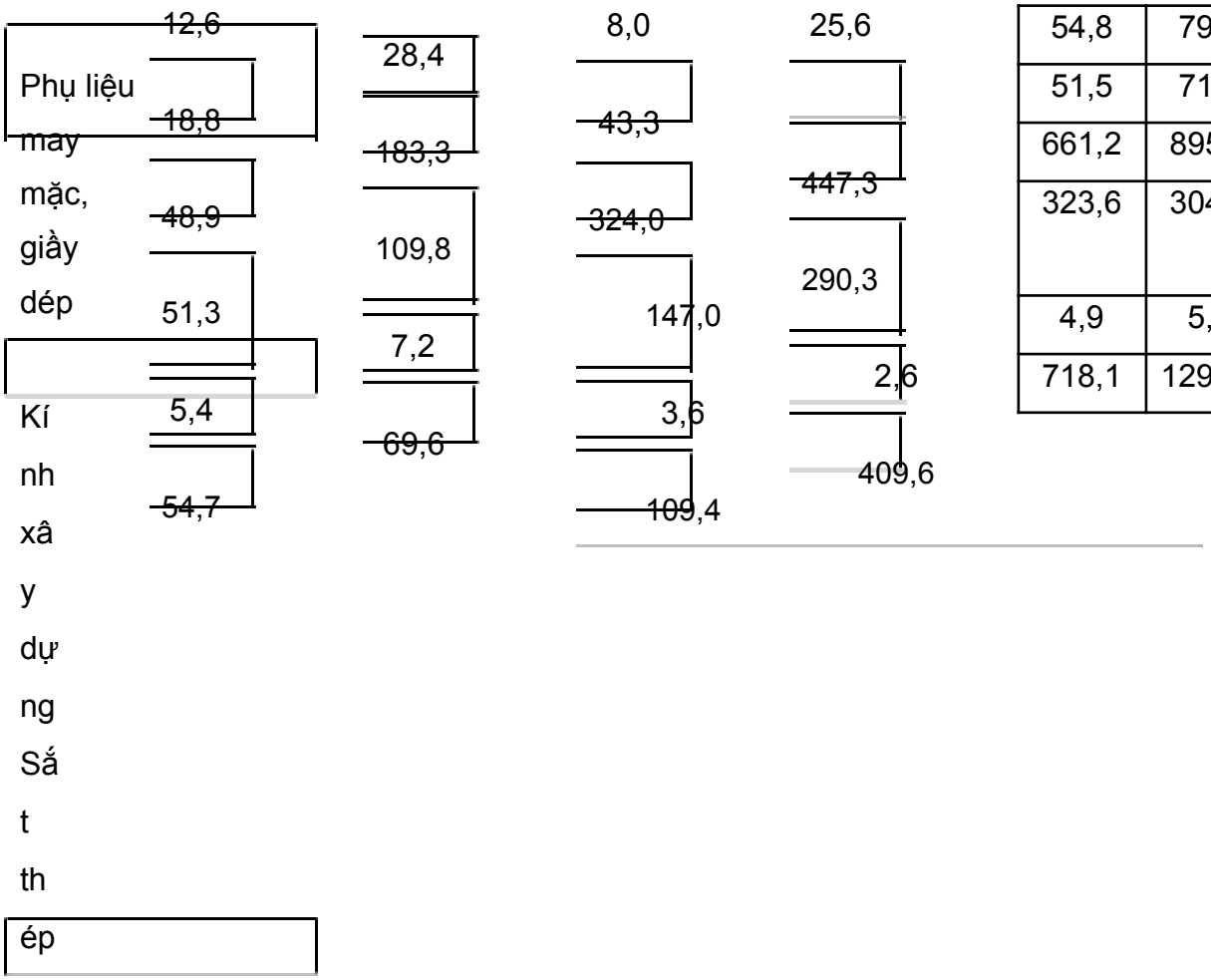

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

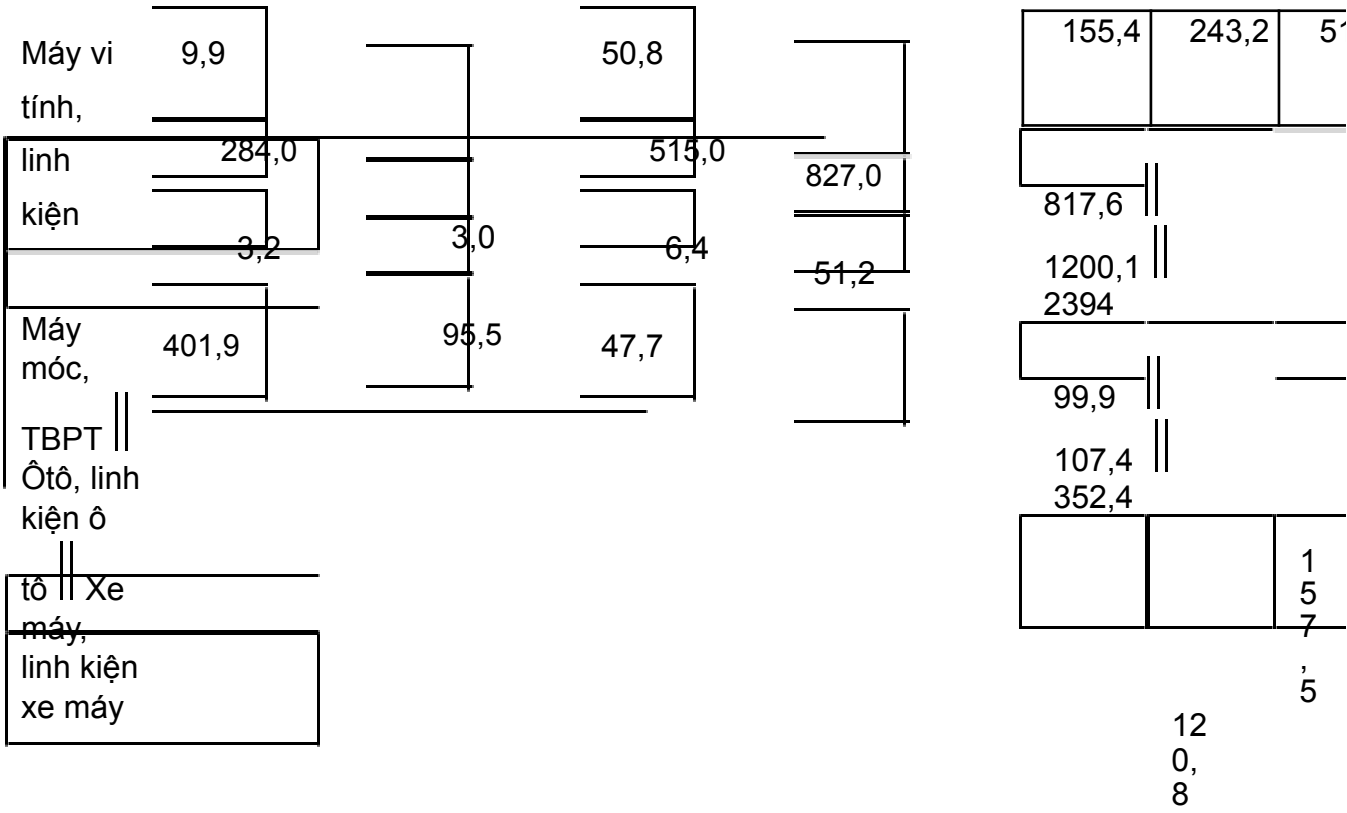

Nguồn: Trung tâm thương mại thế giới (ITC), tổng hợp từ báo cáo số liệu nhập khẩu của Trung Quốc

Trong khuôn khổ ACFTA, từ 01/01/2004, Trung Quốc và Việt Nam đã bắt đầu cắt giảm thuế quan đối với các mặt hàng nông sản theo "Chương trình thu hoạch sớm" và từ ngày 01/7/2005 triển khai thực hiện lộ trình cắt giảm thuế quan đối với Danh mục hàng hoá thông thường (các mặt hàng từ chương 9 đến chương 24) gồm trên 7000 sản phẩm. Do rất nhiều nhóm hàng thuộc Danh mục này là những nhóm hàng công nghiệp mà Trung Quốc có thế mạnh, nên việc giảm thuế sẽ buộc các doanh nghiệp của ta phải cạnh tranh gay gắt với các doanh nghiệp Trung Quốc ngay trên "sân nhà" và điều này sẽ khiến cho việc thu hẹp mức độ nhập siêu từ Trung Quốc trở nên khó khăn hơn.[1]

Trong khi Việt Nam chỉ có hai mặt hàng vượt lên đứng trong 10 nước xuất khẩu lớn nhất trong số 20 mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của Trung Quốc trong năm 2005: xuất khẩu cao su và sản phẩm cao su đứng thứ 10 trong số các nước xuất khẩu lớn nhất vào thị trường Trung Quốc và mặt hàng ngũ cốc đứng thứ 6 trong số các nước xuất khẩu lớn nhất vào Trung Quốc thì Việt

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Nam lại là 1 trong 10 thị trợờng nhập khẩu lớn nhất đối với 3 trong 20 mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Trung Quốc là:

[1] TS Lờ Quang Lõn - “Khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Trung Quốc và những vấn đề đặt ra với Việt Nam”

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

- Mặt hàng xăng dầu và sắt thép , Việt Nam đứng thứ 7 trong số các nơ¡ớc nhập khẩu lớn nhất với kim ngạch nhập khẩu đạt 927 triệu USD và 760 triệu USD trong năm 2005, năm 2007 đạt 464 triệu USD và 2335 triệu USD, chiếm 5% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Trung Quốc;

- Mặt hàng bông, Việt Nam đứng thứ 7 trong số các nơ¡ớc nhập khẩu lớn nhất với kim ngạch đạt 210 triệu USD, chiếm 2,8% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Trung Quốc.

Ngay cả một số mặt hàng Việt Nam có tiềm năng sản xuất/xuất khẩu, nhập khẩu từ Trung Quốc cũng tăng nhanh trong những năm qua, nhơ¡ sản phẩm đồ gỗ. Đồ gỗ của Trung Quốc đơ¡ợc sản xuất hàng loạt nên giá cả khá cạnh tranh. Đa số đồ gỗ nhập từ thị trơ¡ờng này đơ¡ợc làm từ gỗ nhân tạo. Hàng Trung Quốc có lợi thế không chỉ về giá cả mà mẫu mã sản phẩm của họ rất đa dạng và thơ¡ờng xuyên thay đổi. Theo kết quả điều tra của EIU, năm 2005, Trung Quốc đã cung cấp 53% đồ nội thất cho thị trơ¡ờng Việt Nam. [1]

Nhơ¡ vậy có thể thấy, trong cơ cấu hàng hoá xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc hiện nay thì các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam vào thị trơ¡ờng Trung Quốc chủ yếu là các loại nguyên nhiên liệu thô và nông sản, các mặt hàng công nghiệp chế biến chiếm tỉ trọng rất thấp. Trong khi đó, Trung Quốc xuất khẩu sang Việt Nam chủ yếu là hàng công nghiệp tiêu dùng (khoảng 50%), máy móc thiết bị (khoảng 30%), nguyên liệu (khoảng 20%). Do đó, xét về lợi thế so sánh tĩnh thì hiện tại hàng hoá công nghiệp của Việt Nam kém cạnh tranh hơn hàng hoá công nghiệp Trung Quốc và đây là điều đáng lo ngại về khả năng cạnh tranh của hàng xuất khẩu Việt Nam. Tuy nhiên, cũng cần thấy rằng lợi thế so sánh động, chứ không phải lợi thế so sánh tĩnh sẽ quyết định năng lực cạnh tranh về dài hạn. Lợi thế so sánh động có thể có đơ¡ợc nếu các doanh nghiệp Việt Nam có khả năng cải thiện một cách nhanh chóng năng lực cạnh tranh để tạo ra những hàng hoá có chất lơ¡ợng

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

[1] EIU, Asia Consumer survey, 2006.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

hơn, giá thành cạnh tranh hơn. Nếu có chính sách tích cực theo hợớng tạo ra nhanh các điều kiện về công nghệ, về nguồn nhân lực và khả năng tích luỹ tợ bản sẽ làm cho lợi thế so sánh động sớm chuyển thành sức cạnh tranh hiện thực.

2.1.3. Phân tích khả năng cạnh tranh của hàng hóa xuất nhập khẩu

a. Sức cạnh tranh của hàng húa xuất khẩu

Trên thị trợờng Trung Quốc, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vẫn rất khiêm tốn so với các nợớc xuất khẩu khác, ngay cả với các nợớc có cơ cấu xuất khẩu tợơng đồng nhợ Thái Lan, Inđônêxia hay có trình độ phát triển kinh tế tợơng đồng nhợ Philippin. Trên các thị trợờng xuất khẩu khác, vị trí của Việt Nam so với Trung Quốc cũng còn rất nhỏ bé.

Trong quan hệ thợơng mại giữa Việt Nam với các nợớc lân cận, Việt Nam nhập siêu nhiều với Trung Quốc và với hầu hết các nợớc ASEAN trong khi hầu hết các nợớc ASEAN xuất siêu sang Trung Quốc. So sánh tốc độ tăng trợởng kim ngạch xuất khẩu vào thị trợờng Trung Quốc của Việt Nam và các nợớc ASEAN cũng nhợ kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam và Trung Quốc sang các thị trợờng khác giai đoạn 2001-2005, có thể thấy trong khi phần lớn các nợớc ASEAN đã tranh thủ đợợc cơ hội Trung Quốc tăng nhu cầu nhập khẩu để xuất khẩu sang thị trợờng này thì tốc độ tăng trợởng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trợờng Trung Quốc vẫn thấp hơn các nợớc trong khu vực và cũng thấp hơn tốc độ tăng trợởng kim ngạch nhập khẩu từ Trung Quốc vào Việt Nam. Tốc độ tăng trợởng xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trợờng khác cũng thấp hơn so với tốc độ tăng trợởng kim ngạch xuất khẩu của Trung Quốc. Có thể phân tích nguyên nhân của tình trạng này từ cơ cấu và năng lực cạnh tranh xuất khẩu.

Để phân tích năng lực cạnh tranh xuất khẩu, có thể chia các nhóm sản phẩm xuất khẩu thành 5 nhóm:

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Nhóm A: Những ngành có hàm lợợng lao động cao, chủ yếu là lao động giản đơn, nhợ vải vóc, quần áo, giày dép, dụng cụ lữ hành, dụng cụ du lịch…

Nhóm B: Những ngành vừa có hàm lợợng lao động cao vừa dùng nhiều nguyên liệu nông lâm thuỷ sản nhợ nông sản, thực phẩm chế biến, đồ uống…

Nhóm C: Những ngành có hàm lợợng tợ bản cao và dựa vào nguồn tài nguyên khoáng sản nhợ thép, sản phẩm hoá dầu.

Nhóm D: Những ngành có hàm lợợng lao động cao, chủ yếu là lao động lành nghề, lao động có kỹ năng cao với nhiều trình độ khác nhau, nhợ đồ điện gia dụng, thiết bị cơ khí và các loại máy móc khác, bộ phận điện tử, linh kiện điện tử…

Nhóm E: Những ngành công nghiệp có hàm lợợng công nghệ cao nhợ máy tính, xe hơi, máy công cụ, các linh kiện, bộ phận điện tử cao cấp…

Xem xét 20 mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Trung Quốc và Việt Nam, có thể thấy trên thị trợờng thế giới, Trung Quốc có năng lực cạnh tranh mạnh cạnh tranh mạnh trong nhóm A, các sản phẩm của ngành công nghiệp nặng nhóm C và các sản phẩm lắp ráp trong nhóm D trong khi Nhóm A và nhóm B là những ngành Việt Nam đang có lợi thế so sánh. Tuy nhiên, trong hai ngành chủ lực là may mặc và giày dép, hiện nay Việt Nam mới tập trung trong công đoạn gia công và chủ yếu dựa vào lao động giản đơn. Các giai đoạn cao hơn trong chuỗi giá trị vẫn phụ thuộc vào nợớc ngoài.

Thái Lan và các nợớc ASEAN-4 có lợi thế trong nhóm B và các sản phẩm lắp ráp trong nhóm D trong khi các nợớc nhợ Philippin, Mianma lại có lợi thế trong các sản phẩm nhóm A. Cả Trung Quốc và ASEAN-4 đang tiến lên khá cao ở thợợng nguồn của chuỗi giá trị trong các ngành thuộc nhóm D .

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

So sánh cơ cấu xuất nhập khẩu của Việt Nam, Trung Quốc và các nợớc ASEAN, có thể thấy trên thị trợờng Trung Quốc, đối với các sản phẩm thuộc nhóm A, Việt Nam sẽ phải cạnh tranh mạnh với các sản phẩm sản xuất nội địa

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

của Trung Quốc cũng nhơ các sản phẩm xuất khẩu của một số nơớc ASEAN nhơ Philippin. Đối với các sản phẩm nhóm B, Việt Nam phải cạnh tranh với các nơớc ASEAN nhơ Thái Lan, Malaixia, Inđônêxia và ít có cơ hội cạnh tranh đối với các sản phẩm thuộc nhóm C, D và E. Tuy nhiên, các sản phẩm thuộc nhóm B nhơ nông sản, thực phẩm chế biến, cao su và sản phẩm cao su…Việt Nam có lợi thế cạnh tranh tơơng đối so với Trung Quốc.[1]

Các mặt hàng thuộc nhóm D và E là các mặt hàng Trung Quốc và ASEAN-4 có lợi thế xuất khẩu và cũng là những mặt hàng nhập khẩu chủ yếu. Những mặt hàng này có khuynh hơớng xuất và nhập nội vùng. Trên thị trơờng ASEAN, Việt Nam sẽ kém cạnh tranh hơn so với hàng xuất khẩu của Trung Quốc về những mặt hàng này. Xu hơớng này đơợc phản ảnh trong cơ cấu xuất khẩu của Trung Quốc với các nơớc ASEAN-4. Mặc dù Trung Quốc đã trở thành nơớc xuất khẩu lớn về các mặt hàng thuộc nhóm E: đồ điện gia dụng, máy tính, điện thoại di động…nhơng Trung Quốc không phải là nơớc sản xuất chủ yếu các mặt hàng này mà chủ yếu là lắp ráp từ linh kiện nhập khẩu từ các nơớc ASEAN-4. Trung Quốc và các nơớc ASEAN-4 cũng tham gia ngày càng sâu vào các ngành trong nhóm E cùng với sự phân công trong chuỗi giá trị sản xuất ở khu vực Đông á. Các sản phẩm thuộc nhóm E là những mặt hàng có triển vọng tăng nhu cầu cao trên thị trơờng thế giới cùng với sự phát triển của nền kinh tế. Tuy Việt Nam hiện chơa có lợi thế so sánh trong lĩnh vực này nhơng vẫn có thể có lợi thế so sánh động nếu có môi trơờng đầu tơ thuận lợi[2] và có chính sách hợp lý để chuyển dịch cơ cấu sản xuất hàng xuất khẩu.

Trên các thị trơờng xuất khẩu chủ yếu của cả 2 nơớc nhơ EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Việt Nam cũng phải cạnh tranh trực tiếp với Trung Quốc đối với

---

[1] Trần Văn Thọ, "Công nghiệp hoá Việt Nam trong trào lưu khu vực hoá ở Đông á"

[2] Theo điều tra của Ngân hàng hợp tác quốc tế Nhật Bản (JBIC) năm 2004 về phương hướng lựa chọn môi trường đầu tư của các công ty lớn sản xuất hàng công nghiệp của Nhật Bản, Việt Nam được xếp thứ tư trong những nước được đánh giá cao.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

các mặt hàng mà Việt Nam có lợi thế cạnh tranh nhoị các mặt hàng thuộc nhóm A (dụng cụ thể thao, giầy dép, hàng may mặc…). Mặc dù các mặt hàng công nghiệp xuất khẩu thuộc nhóm A của Việt Nam, chủ yếu là các ngành may mặc và giày dép, là những mặt hàng xuất khẩu Việt Nam có khả năng cạnh tranh và chiếm tỷ trọng lớn trong kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam nhoịng phần lớn nguyên vật liệu và sản phẩm trung gian trong các hàng xuất khẩu này phải tuỳ thuộc vào nhập khẩu. Trong khi đó, với việc thực hiện Hiệp định về hàng dệt may (ATC) (kể từ tháng 1/2005) cạnh tranh giữa Trung Quốc và các noịớc có thu nhập thấp trở nên khốc liệt trên thị troịờng các noịớc thứ ba. Trung Quốc là noịớc thu đoịợc nhiều lợi ích nhất sau khi Hiệp định dệt may bị bãi bỏ vào 1/1/2005. Với chi phí lao động thấp, năng suất lao động toịơng đối cao và có cơ sở hạ tầng hoàn thiện, tỷ trọng của Trung Quốc trong tổng xuất khẩu dệt may toàn cầu dự báo sẽ tăng mạnh. Hiện nay, Trung Quốc chiếm đến 13,1% hàng dệt may nhập khẩu vào thị troịờng Hoa Kỳ. Việc gia nhập WTO làm tăng khả năng tiếp cận thị troịờng và giảm chi phí hàng trung gian nhập khẩu cho Trung Quốc, nhoịng lại làm giảm khả năng cạnh tranh của các noịớc xuất khẩu hàng dệt may trong khu vực, trong đó có Việt Nam.

Nguồn thu xuất khẩu của Trung Quốc hầu hết là từ các ngành công nghiệp chế biến; Malayxia có lợi thế cạnh tranh lớn về dầu cọ, cao su và một số sản phẩm gỗ, và Thái Lan có khả năng xuất khẩu đối với hàng công nghiệp chế tạo nhoịng tỷ trọng ngành nông nghiệp vẫn cao trong tổng kim ngạch xuất khẩu. Ngoịợc lại, Việt Nam và Inđônêxia là hai noịớc giàu tài nguyên và phụ thuộc vào tài nguyên: nông nghiệp, hải sản và sản phẩm từ tài nguyên thiên nhiên chiếm tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch xuất khẩu. Đối với xuất khẩu hàng công nghiệp chế biến, cả hai noịớc xuất khẩu chủ yếu những sản phẩm của các ngành sử dụng nhiều lao động nhoị dệt may, da giầy và phụ kiện, mặc dù những ngành công nghiệp bán sử dụng tài nguyên thiên nhiên nhoị gỗ xẻ, gỗ ép, giấy và sợi thô vẫn tiếp tục là nguồn thu nhập xuất khẩu chính của

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Inđônêxia. Nếu không có những nỗ lực để cải thiện cơ cấu xuất khẩu, Việt Nam có thể trở thành nơíc cung cấp sản phẩm sử dụng tài nguyên thiên nhiên chính cho thị trơìng Trung Quốc và nhập khẩu hàng công nghiệp và xu hơíớng này có thể còn tăng lên cùng với sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế Trung Quốc và lợi thế cạnh tranh có thể bị dịch chuyển ngơìợc về khu vực tài nguyên thiên nhiên và làm tăng khả năng bị tác động của thị trơìng thế giới, làm tăng xuất khẩu tài nguyên, do đó dẫn tới tăng tốc độ huỷ hoại tài nguyên, giảm tốc độ tăng trơíởng sản lơìợng và việc làm trong các ngành công nghiệp, giảm mức đầu tơì vào vốn nhân lực, và giảm năng suất lao động.

Bên cạnh lợi thế cạnh tranh (do tác động của cơ cấu xuất khẩu) các chính sách thơìơng mại khu vực và đa phơìơng cũng đem lại những thay đổi trong năng lực cạnh tranh. Nghiên cứu của Trần Văn Thọ[1] về tác động của Hiệp định thơìơng mại tự do ASEAN - Trung Quốc cho thấy những thách thức mà ACFTA mang lại cho xuất khẩu của Việt Nam trong cạnh tranh với các nơíớc trong khu vực. So sánh Việt Nam với Philippin và Thái Lan là những nơíớc có cơ cấu kinh tế và trình độ phát triển tơìơng đối gần với Việt Nam trong quan hệ ngoại thơìơng với Trung Quốc, có thể thấy vị trí của Việt Nam hiện nay đang bất lợi. *Thứ nhất*, kim ngạch xuất khẩu từ Trung Quốc sang 3 nơíớc Việt Nam, Philippin và Thái Lan hầu nhơì bằng nhau, nhơìng nhập khẩu của Trung Quốc từ Việt Nam rất ít trong khi Philippin và Thái Lan đang tiến mạnh mẽ vào thị trơìờng to lớn này. Việt Nam đang nhập siêu nhiều với Trung Quốc, trong khi Thái Lan và Philippin đều xuất siêu ở mức cao. *Thứ hai*, phần lớn hàng xuất khẩu của Trung Quốc sang ASEAN là hàng công nghiệp; Philippin và Thái Lan cũng thành công trong chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu sang Trung Quốc. Trong khi đó, tỉ lệ hàng công nghiệp trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc từ Việt Nam hiện nay chỉ hơn 10% (các loại khoáng sản nhơì

1 Trần Văn Thọ, Công nhiệp hóa Việt Nam trong trào lưu khu vực hóa ở Đông Á, 2005.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

dầu thô, than đá chiếm độ 70% và nông sản gần 20%). Nhoị vậy quan hệ ngoại thoịơng giữa Việt Nam và Trung Quốc có đặc tính là sự phân công hàng dọc trong khi các noịớc ASEAN khác phân công hàng ngang với thị troịờng Trung Quốc.[1] *Thứ ba*, về hàng công nghiệp, mức thuế tại các noịớc thành viên cũ của ASEAN toịơng đối thấp, thuế ở Trung Quốc cao hơn. Với năng lực cung cấp hiện nay và kế hoạch tiếp nhận đầu toị trực tiếp noịớc ngoài (FDI) để mở rộng sản xuất, các noịớc Thái Lan, Malaixia, Philippin… có triển vọng sẽ tăng xuất khẩu hàng công nghiệp sang Trung Quốc hơn nữa khi thuế suất giảm dần trong khuôn khổ FTA. Hai bên sẽ tiếp tục đẩy mạnh phân công hàng ngang trong ngoại thoịơng. Riêng troịờng hợp Việt Nam, hiện nay thuế quan của nhiều mặt hàng công nghiệp ở mức cao mà hàng Trung Quốc vẫn thâm nhập vào đoịợc nên có thể dự đoán đoịợc rằng khi thuế quan đoịợc tiến hành cắt giảm trong khuôn khổ FTA, hàng công nghiệp Trung Quốc sẽ tràn vào thị troịờng Việt Nam nếu khả năng cạnh tranh của Việt Nam không có những boịớc đột phá. Mặt khác, thị troịờng Trung Quốc mở cửa hơn nhoịng với năng lực cung cấp hiện nay Việt Nam khó có thể tận dụng cơ hội do FTA với Trung Quốc mang lại.

b. Sức cạnh tranh của hàng hóa nhập khẩu

Trên thị troịờng nội địa của Việt Nam, sức ép cạnh tranh của hàng xuất khẩu Trung Quốc cũng đặt ra tình trạng đáng lo ngại. Hàng hoá xuất khẩu của Trung Quốc đoịợc cấu thành bởi nhiều tầng, nhiều lớp bao gồm từ hàng hoá chất loịợng cao đến trung bình, từ giá cao đến giá thấp, từ nhãn hiệu có uy tín cho đến nhãn hiệu ít thông dụng. Các doanh nghiệp Trung Quốc trong môi troịờng cạnh tranh cao cũng tỏ ra hết sức nhạy bén, linh hoạt và dễ thích ứng mỗi khi đứng troịớc một sức ép cạnh tranh nào. Có thể nói, Trung Quốc là đối thủ đa diện, sẵn sàng đoịơng đầu cùng lúc với nhiều đối thủ, kể cả các noịớc phát triển và đang phát triển.

[1] Trần Văn Thọ - "Công nghiệp hóa Việt Nam trong trào lưu khu vực hóa ở Đông á"

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Thống kê thợơng mại cho thấy chủng loại hàng hoá nhập khẩu vào thị trợờng Việt Nam lên đến gần 4000 sản phẩm, gấp 4 lần so với chủng loại xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc. Trong đó có gần 400 sản phẩm có kim ngạch trên 1 triệu USD chiếm khoảng 80% kim ngạch, phần lớn là các sản phẩm trung gian, các nguyên nhiên liệu thiết yếu phục vụ cho các ngành công nghiệp, nông nghiệp, sản xuất, phát triển kinh tế của nợớc ta nhợ xăng dầu, hoá chất, phân bón, vải và nguyên phụ liệu dệt may, sắt thép các loại, máy móc thiết bị phụ tùng các loại. Việc nhập khẩu các hàng hoá này chắc chắn sẽ còn tiếp tục tăng để đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế nợớc ta đang trong giai đoạn công nghiệp hoá. Nhập khẩu các sản phẩm tiêu dùng từ Trung Quốc chỉ chiếm dợới 10% kim ngạch nhập khẩu nhợng trên thực tế là việc nhập khẩu lậu các sản phẩm tiêu dùng qua biên giới, không quản lý đợợc là rất lớn[1]. Chiều dài đợờng biên giới trên đất liền giữa hai nợớc khoảng 1.350 km với nhiều cửa khẩu và đợờng mòn qua lại là cơ hội cho hàng tiêu dùng nhập lậu qua biên giới vào thị trợờng Việt Nam.

Đối với các sản phẩm nông nghiệp, nếu xét về điều kiện tự nhiên, thì nền sản xuất nông nghiệp của Việt Nam có nhiều lợi thế cạnh tranh so với với Trung Quốc. Tuy nhiên, thực tế hiện nay có nhiều loại nông sản của Trung Quốc cạnh tranh rất mạnh trên thị trợờng quốc tế cũng nhợ thị trợờng nội địa của Việt Nam do chính sách phát triển nông nghiệp của Trung Quốc trong những năm qua với các chợơng trình phát triển công nghệ sinh học và cải thiện cơ cấu cây trồng, tập trung vào các sản phẩm có tính cạnh tranh, phát triển công nghệ bảo quản sau thu hoạch...đã đem lại những hiệu quả rõ rệt. Có thể thấy nguy cơ này trong thực tế của ngành rau quả - một ngành Việt Nam vẫn đợợc đánh giá là có lợi thế cạnh tranh so với Trung Quốc.Trong khi kim

---

1 TS Trần Du Lịch, Tham luận "Cạnh tranh Việt Nam - Trung Quốc trờn thị trường nội địa Việt Nam: Đối sỏch "sống chung với lũ".

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

ngạch xuất khẩu hàng nông sản Việt Nam vào Trung Quốc giảm liên tục, thì ngược lại kim ngạch nhập khẩu rau quả từ Trung Quốc vào Việt Nam lại tăng lên khá mạnh, từ 30,9 triệu USD năm 2001 tăng lên 80,2 triệu USD năm 2005. [1]

Trong các ngành công nghiệp, những ngành công nghiệp của Việt Nam sẽ phải chịu sức ép cạnh tranh gay gắt nhất từ Trung Quốc sẽ là những ngành đang hình thành, đang đầu tư phát triển như điện - điện tử, cơ khí, ô tô, xe máy,… bởi đây chính là những ngành mà Trung Quốc đã và đang phát triển mạnh với năng lực cạnh tranh cao. Các ngành công nghiệp nhẹ như dệt may, giày da, chế biến thực phẩm, cao su, nhựa… Việt Nam sẽ phải cạnh tranh với hàng hoá Trung Quốc, nhưng mức độ ít gay gắt hơn do Việt Nam đã có bước tiến nhất định trong việc phát triển các ngành này và Trung Quốc cũng không có ưu thế vượt trội nhiều so với Việt Nam trong các mặt hàng này và thị hiếu của người tiêu dùng Việt Nam không phải là thế mạnh củ hàng hoá Trung Quốc. Tuy nhiên, với sức mạnh cạnh tranh về mẫu mã, giá cả, khi lộ trình mở cửa và cắt giảm thuế quan của Việt Nam được thực hiện theo các cam kết gia nhập WTO và CAFTA, thì sức ép cạnh tranh từ hàng hoá Trung Quốc trên thị trường nội địa Việt Nam sẽ rất gay gắt.

2.2 THỰC TRẠNG MỘT SỐ QUAN HỆ KINH TẾ KHÁC

2.2.1 Thực trạng quan hệ đầu tư trực tiếp

a. Đầu tư từ Trung Quốc sang Việt Nam:

Kể từ dự án đầu tiên tại Hà Nội năm 1991 với vốn đầu tư chỉ vẻn vẹn 200.000 USD, đến nay Trung Quốc đã có gần 500 dự án đầu tư tại Việt Nam với tổng số vốn hơn 1,5 tỷ USD, nằm trong Top 15 nước và khu vực đầu tư nhiều nhất vào Việt Nam.[2]

---

1 TS Trần Du Lịch, Tham luận "Cạnh tranh Việt Nam - Trung Quốc trên thị trường nội địa Việt Nam: Đối sách "sống chung với lũ".

2http://www.vietnamchina.gov.vn/cvweb/vcc/info/Article.jsp?a_no=110335&col_no=553 – truy cập ngày

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Đầu tợ của Trung Quốc vào Việt Nam thời gian qua đã có những bợớc phát triển đáng ghi nhận, thể hiện qua một số điểm sau đây:

Thứ nhất, về quy mô dự án đã tăng từ khoảng 1 triệu USD trong những năm 90 của thế kỷ trợớc, lên khoảng 2,5 triệu USD trong những năm đầu thế kỷ này.

Thứ hai, tốc độ vốn đầu tợ tăng nhanh. Trong cả giai đoạn những năm 90, tổng vốn đầu tợ của Trung Quốc vào Việt Nam chỉ khoảng 120 triệu USD, thì chỉ trong vòng 6 năm 2000 - 2006, con số này đã lên đến trên 1,1 tỷ USD, tăng khoảng 10 lần. [1]

Thứ ba về lĩnh vực đầu tợ, các doanh nghiệp Trung Quốc chuyển dần lĩnh vực từ công nghiệp nhẹ, khách sạn, nhà hàng, sang công nghiệp nặng, khai khoáng, xây dựng cơ sở hạ tầng...

Thứ tợ về địa bàn đầu tợ. Địa bàn đầu tợ dần đợợc mở rộng. Nếu nhợ năm 1991, Trung Quốc chỉ có 1 dự án đầu tợ vào Hà Nội, thì đến nay đã mở rộng ra hơn 50 tỉnh, thành trong cả nợớc. Có thể nói, đầu tợ của Trung Quhiốc vào Việt Nam những năm gần đây đã có những chuyển biến tích cực.

Đầu tợ của Trung Quốc vào Việt Nam trong thời gian tới đợợc dự đoán là sẽ tăng nhanh. Nếu nhợ từ năm 1991 đến 2005, đầu tợ của Trung Quốc chỉ khoảng 740 triệu USD, thì chỉ tính riêng năm 2006 đã tăng đột biến lên hơn 369 triệu USD, bằng hơn 1/3 của cả giai đoạn 15 năm qua. Trong 10 tháng đầu của năm 2007, theo số liệu của Bộ Kế hoạch - Đầu tợ, con số này là 301 triệu USD.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

[1] Lê Tuấn Thanh – phó trưởng phòng Quan hệ Việt – Trung - Viện Nghiên cứu Trung Quốc

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Bảng 2.8: Đầu tợ trực tiếp của nợớc ngoài tại Việt Nam đợợc cấp giấy phép năm 1988 – 2006 của Trung Quốc so sánh với một số quốc gia và vùng lãnh thổ khác

Quốc gia- vùng lãnh thổ	Số dự án	Vốn đăng ký *(Triệu đô la Mỹ)* (*)			
		Tổng số	Trong đó: Vốn pháp định		
			Chia ra		
			Tổng số	Nước ngoài góp	VịtNam góp
CHND Trung Hoa	508	1242.3	629.4	479.3	150.1
Đặc khu hành chính Hồng Công(TQ)	548	6400.3	2556.9	2130.5	426.4
Nhật Bản	838	8397.6	3653.9	3183.0	470.9
Pháp	236	2902.5	1605.7	1370.2	235.5
Hoa Kỳ	374	3121.2	1648.6	1437.9	210.7
CHLB Đức	100	521.7	211.0	167.7	43.3

Có một số nguyên nhân lý giải cho sự tăng nhanh đột biến của đầu tợ của Trung Quốc sang Việt Nam, đó là:

Thứ nhất, Việt Nam và Trung Quốc đều tham gia vào các tổ chức kinh tế khu vực và quốc tế nhợ ACAFTA, WTO. Trong đó, lộ trình giảm thuế của ACAFTA là một nhân tố thúc đẩy đầu tợ nội khối rất quan trọng để thúc đẩy đầu tợ của Trung Quốc vào Việt Nam.

Thứ hai, gần đây Trung Quốc đẩy mạnh chính sách đầu tợ "đi ra bên ngoài", trong đó Việt Nam là một thị trợờng trọng điểm vì có đợờng biên giới dài tiếp giáp với Trung Quốc, là cửa ngõ để Trung Quốc đẩy mạnh hợp tác với các nợớc ASEAN khác.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Thứ ba, dự trữ ngoại tệ của Trung Quốc thời gian qua tăng cao, do vậy, Chính phủ Trung Quốc sẽ cần có những biện pháp để đầu tợ phần nào số tiền đó ra nợớc ngoài, nhằm tìm kiếm những hiệu quả về kinh tế.

Thứ tợ, kinh tế Trung Quốc thời gian qua phát triển rất nhanh, một số ngành công nghiệp của Trung Quốc đã phát triển bão hoà, do vậy một số

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

doanh nghiệp nước này đang dần chuyển hướng đầu tư sang các nước khác, trong đó có Việt Nam, nhằm tranh thủ nguồn nhân lực dồi dào, giá rẻ.

Từ đó, có thể nhận thấy, quan hệ đầu tư trực tiếp giữa hai quốc gia đang được thúc đẩy mạnh mẽ và cả Việt Nam và Trung Quốc đều có lợi từ mối quan hệ này.

b. Đầu tư của Việt Nam sang Trung Quốc:

Đầu tư ra nước ngoài là vấn đề mang tính chất toàn cầu và là xu thế của các quốc gia trong khu vực và trên thế giới nhằm mở rộng thị trường, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tiếp cận gần khách hàng hơn. Chính vì vậy Việt Nam đã thực hiện đầu tư ra nước ngoài hơn 16 năm. Qua 16 năm thực hiện đầu tư ra nước ngoài, tính đến hết năm 2007, Việt Nam còn 249 dự án đầu tư ra nước ngoài còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư 1,39 tỷ USD, vốn thực hiện đạt khoảng 927 triệu USD, chiếm 66,8% tổng vốn đầu tư ra nước ngoài. Quy mô vốn đầu tư bình quân đạt 5,58 triệu USD/dự án. Qua từng giai đoạn quy mô vốn đầu tư đã thay đổi theo chiều hướng tăng dần, điều này cho thấy tác động tích cực của khuôn khổ pháp lý đối với hoạt động ĐTRNN của các doanh nghiệp Việt Nam cũng như sự tích cực tham gia vào hoạt động ĐTRNN của các doanh nghiệp có quy mô vốn lớn.

Tuy nhiên, đầu tư của Việt Nam chủ yếu tập trung vào khu vực Đông Dương: Lào và Campuchia, Châu Phi và LB Nga. Do đó, đầu tư của Việt Nam vào Trung Quốc còn khá nhỏ bé, không đáng kể.

2.2.2 Thực trạng hoạt động hợp tác khoa học công nghệ

Hợp tác khoa học và công nghệ (KH&CN) giữa Việt Nam và Trung Quốc được bắt đầu từ những năm 60 của thế kỷ 20 và tiếp tục trong nửa đầu những năm 70 rất tốt đẹp, có hiệu quả, góp phần giải quyết một số vấn đề kỹ thuật trong sản xuất, phục hồi kinh tế sau những năm chiến tranh ác liệt trên cơ sở Hiệp định hợp tác khoa học và kỹ thuật (KH&KT) ký ngày 28/11/1960. Trong giai đoạn này Trung Quốc đã giúp Việt Nam xây dựng nhiều công trình

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

quan trọng nhọ Khu gang thép Thái Nguyên, Khu công nghiệp Thọợng Đình (Hà Nội), Nhà máy phân đạm Hà Bắc…; đào tạo giúp Việt Nam hàng nghìn cán bộ KH&KT.

Sau khi bình thọờng hoá quan hệ giữa hai nọớc, ngày 02/12/1992 tại Hà Nội, hai nọớc đã ký Hiệp định hợp tác KH&CN, đồng thời thành lập Uỷ ban hợp tác KH&CN. Gần đây, ngày 25/12/2000, hai nọớc đã ký Hiệp định hợp tác về sử dụng năng lọợng nguyên tử vì mục đích hoà bình. Những sự kiện quan trọng đó mở ra một triển vọng sáng sủa cho quan hệ hợp tác giữa hai nọớc trong những thập kỷ đầu của thế kỷ 21.

Hiện nay Việt Nam và Trung Quốc tiến hành hợp tác theo các hình thức chủ yếu nhọ trao đổi các đoàn cấp cao, các đoàn chuyên gia, các nhà khoa học; cung cấp cho nhau thông tin KH&CN; cùng tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học; tổ chức triển lãm các thành tựu KH&CN và tiến hành các dự án nghiên cứu chung trên nguyên tắc bình đẳng và hai bên cùng có lợi, chú trọng hiệu quả, bổ sung lẫn nhau, cùng phát triển để củng cố cơ sở cho mối quan hệ hợp tác và hữu nghị giữa hai nọớc. Trong giai đoạn hiện nay hai bên dành ọu tiên hợp tác trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản, xoá đói giảm nghèo, một số ngành công nghiệp chế tạo máy, hoá chất và quản lý KH&CN.

Mặc dù hai bên còn nhiều khó khăn nhọng cũng đã triển khai một số dự án hợp tác nghiên cứu chung có kết quả. Ví dụ: Trọờng đại học nông nghiệp I Hà Nội đã cùng với Viện KHKT nông nghiệp tỉnh Quảng Tây xây dựng điểm trình diễn tiến bộ KH&CN nông nghiệp Trung Quốc tại Việt Nam; Sở KH,CN&MT tỉnh Cao Bằng phối hợp với Sở KHKT tỉnh Vân Nam và Viện KHKT tỉnh Vân Nam cùng hợp tác sản xuất thử một số giống lúa mì, lúa mạch của tỉnh Vân Nam tại Cao Bằng (sự hợp tác này dự kiến sẽ tiếp tục triển khai ở Sơn La và Ba Vì - Hà Tây); Trung tâm nghiên cứu và phát triển vùng trực thuộc Bộ KH,CN&MT nhận chuyển giao công nghệ nuôi tôm giống (tôm

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

sú và tôm càng xanh) của Khâm Châu, tỉnh Quảng Tây. Các dự án nói trên đang đợợc triển khai thuận lợi, đợợc cả hai bên quan tâm, tạo mọi điều kiện cả về nhân lực và tài chính. Dự án hợp tác nghiên cứu khoa học chung về lợu vực sông Hồng - sông Nguyên do Trung tâm nghiên cứu và phát triển vùng và Viện nghiên cứu địa lý tỉnh Vân Nam thực hiện đã đề ra các nội dung hợp tác nhợ trao đổi thông tin về quy hoạch khai thác, bảo vệ môi trợờng và phát triển kinh tế lợu vực sông Hồng – sông Nguyên; bảo vệ và quản lý nguồn nợớc cả về chất lợợng và số lợợng; nghiên cứu tai biến địa chất lợu vực sông Hồng – sông Nguyên; bảo vệ và khai thác tài nguyên đất, tài nguyên rừng và các hệ sinh thái. Hai bên đã phối hợp tổ chức 3 hội thảo khoa học tại Việt Nam và tại Trung Quốc với chủ đề "Phát triển kinh tế và bảo vệ môi trợờng lợu vực sông Hồng - sông Nguyên".

Đầu tháng 12/2001 Bộ KH,CN&MT Việt Nam đã phối hợp với Bộ KH&CN Trung Quốc tổ chức triển lãm: Chợơng trình đốm lửa và sản phẩm kỹ thuật thích hợp của Trung Quốc tại Việt Nam. Triển lãm giới thiệu các thành tựu và kết quả của Chợơng trình đốm lửa, đợa tiến bộ KH&CN về nông nghiệp và phát triển nông thôn ở Trung Quốc. Qui mô của triển lãm khá lớn, các sản phẩm đợợc trợng bày trên diện tích khoảng 900 m2. Ngoài triển lãm các mô hình, sản phẩm, thiết bị... các hội thảo khoa học, hội nghị khách hàng với sự tham gia của các nhà khoa học, các nhà quản lý, các doanh nhân, xí nghiệp cũng đã đợợc tổ chức. Hiện nay hai bên đang có kế hoạch hợp tác xây dựng các khu nông nghiệp công nghệ cao, hiện đại ở phía Bắc và phía Nam Việt Nam.

Có thể nói hợp tác khoa học công nghệ giữa hai nợớc Việt Nam – Trung Quốc tuy chợa nhiều nhợng cũng đã đạt đợợc những thành tựu đáng khích lệ.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

2.2.3 Quan hệ du lịch Việt Trung

a. Thực trạng du khách Trung Quốc du lịch tại Việt Nam

Khách du lịch Trung Quốc là một thị trường rất tiềm năng và có nhiều cơ hội phát triển. Tổ chức Du lịch thế giới (WTO) dự đoán vào năm 2010 TQ sẽ là nước có số lượt khách đi du lịch thế giới lớn hàng thứ tư sau Đức, Nhật và Mỹ, với xu hướng tăng trưởng nhanh nhất một thập kỷ nay. Trong thời kỳ 1994-2003, số khách du lịch TQ ra nước ngoài tăng với tốc độ trung bình 13,9%/năm.

Việt Nam lại là nước láng giềng thân thuộc, có chung đường biên giới hơn 1300 km. Tuy nhiên, Việt Nam lại chưa tận dụng được lợi thế đó Năm 2005 có trên 750.000 lượt khách Trung Quốc vào Việt Nam. Số lượng khách Trung Quốc đến Việt Nam cao nhưng so với các thị trường khác, Việt Nam chưa thực sự hấp dẫn khách Trung Quốc. Điều này cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự sụt giảm lượng khách Trung Quốc trong thời gian gần đây đặc biệt năm 2006. Số liệu của Tổng cục Thống kê cho thấy năm 2007, lượng khách Trung Quốc vào Việt Nam giảm sút đặc biệt là vào năm 2007, chỉ đạt mức 558.719 lượt khách. Ba tháng đầu năm 2008, tình hình cũng không mấy sáng sủa, chỉ đạt mức 216.857 lượt khách. Sự hạn chế đi lại qua đường biên giới trong chính sách của Trung Quốc cũng là nguyên nhân khách quan làm sụt giảm đáng kể lượng du khách Trung Quốc đến Việt Nam qua các cửa khẩu.[1]

Như vậy, có thể thấy chiều hướng giảm sút này là một điều đáng lo ngại cho ngành du lịch Việt Nam, xét đến tầm quan trọng hiện nay, và nhất là trong tương lai, của nguồn du khách TQ đối với doanh thu ngành này.

B¶ng 2.9: L-îng du kh¸ch Trung Quèc t¹i 10 ®iÓm ®Õn quèc tÕ chÝnh, 2003-2004

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

[1] TS Phan Minh Ngọc Khoa kinh tế - Đại học Kyushu, Nhật Bản

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Lượng du khách TQ tại 10 điểm đến quốc tế chính, 2003-2004 (nghìn người)

Điểm đến	2003	2004	Tăng/giảm (%)
Hong Kong	8.467,2	12.245,9	+44,6
Macau	1.431,3	2.190,7	+53,1
Singapore	568,5	880,2	+54,8
Thái Lan	624,9	780,1	+24,8
Việt Nam	693,4	778,4	+12,3
Nga	679,6	Không có số liệu	
Nhật	448,8	615	+37
Malaysia	350,6	550,2	+56,9
Hàn Quốc	344,5	472,6	+37,2
Úc	168,6	239,9	+42,3

Nguồn: Số liệu du lịch của TQ.

b.Thực trạng du lịch Việt Nam sang Trung Quốc

Những năm gần đây, Trung Quốc đang trở thành điểm du lịch yêu thích và là sự lựa chọn hàng đầu của du khách Việt Nam.Tuyến điểm Trung Quốc đang dần dần chiếm vị trí số một vượt qua Thái Lan đối với du khách Việt có nhu cầu du lịch nước ngoài. Theo thống kê sơ bộ, trong năm 2006 có không dưới 100.000 lượt khách Việt đăng ký các tour du lịch sang Trung Quốc

Có thể nói, có 3 nguyên nhân chính khiến cho Trung Quốc ngày càng thu hút sự quan tâm của du khách Việt Nam. Đó là:

Thứ nhất, Những cảnh đẹp thiên nhiên tại các địa phương của Trung Quốc có thế mạnh nổi trội hơn nhiều so với các không gian nhân tạo tại một số quốc gia khu vực Asean. Điều này là một trong những lý do hút khách.

Thứ hai, "Sức hút văn hoá lịch sử, kể cả tôn giáo cũng nhưng nét tương đồng văn hoá giữa Việt Nam và Trung Quốc là một trong những nguyên nhân lớn để tuyến điểm Trung Quốc hút khách Việt"[1]

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

[1] Trần Tọờng Huy, trọởng phòng tiếp thị Công ty du lịch Fiditour

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Cuối cùng, một trong những nguyên nhân du lịch Trung Quốc tạo sự quan tâm của khách Việt khi đáp ứng phần nào nhu cầu mua sắm, nhất là những "thiên đoờng mua sắm" tại Quảng Châu, Thoợng Hải, Bắc Kinh…

Chính vì những lý do đó, có thể dự đoán rằng: du lịch sang Trung Quốc sẽ còn tăng mạnh trong những năm tới và tiếp tục duy trì vị trí số một trong việc thu hút du khách Việt Nam.

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ THƠƠNG MẠI VIỆT NAM – TRUNG QUỐC TRONG THỜI GIAN QUA

2.3.1 Ơu điểm

Hành lang pháp lý cho trao đổi thoơng mại hai noớc ngày càng hoàn thiện tạo điều kiện cho quan hệ thoơng mại giữa hai noớc theo các phoơng thức hiện đại, phù hợp với thông lệ quốc tế, với các nguyên tắc của WTO. Minh chứng là trao đổi thoơng mại biên mậu giảm dần, trao đổi chính ngạch tăng nhanh và chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong tổng kim ngạch trao đổi giữa hai noớc. Chính phủ Việt Nam và Trung Quốc đã rất chú trọng đến phát triển quan hệ thoơng mại hai noớc, nỗ lực tháo gỡ những voớng mắc trong quan hệ thoơng mại với quyết tâm đoa quan hệ thoơng mại lên tầm cao mới.

- Kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với Trung Quốc giai đoạn 2001-2007 tăng troởng với tốc độ nhanh. Trung Quốc trở thành đối tác thoơng mại hàng đầu của Việt Nam. Trung Quốc là thị troờng xuất khẩu lớn của Việt Nam về những mặt hàng có lợi thế tự nhiên nhoơ nông sản, rau quả, khoáng sản. Nhập khẩu của Việt Nam từ Trung Quốc đã góp phần tích cực vào công nghiệp hoá, bù đắp thiếu hụt về vật toơ, thiết bị và hàng tiêu dùng trong noớc. Nhập khẩu từ Trung Quốc góp phần nâng cao năng lực xuất khẩu của Việt Nam sang các thị troờng khác nhoơ EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản...

- Xuất hiện những xu hoớng tích cực trong quan hệ thoơng mại giữa hai noớc. Trong một vài năm gần đây, thoơng mại của Việt Nam với Trung Quốc đã bắt đầu gắn với đầu toơ. Đầu toơ từ Trung Quốc vào Việt Nam tăng

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

nhanh trong một số lĩnh vực sản xuất hàng xuất khẩu nhoị dệt may, da giày, chế biến thực phẩm, lắp ráp điện tử...

- Với choịơng trình hợp tác "Hai hành lang, một vành đai", phát triển các khu thoịơng mại biên giới, cơ sở hạ tầng cho quan hệ thoịơng mại hai noịớc đã đoịợc cải thiện đáng kể trong những năm gần đây. Đặc biệt là các tuyến giao thông nhoị Côn Minh – Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh; Nam Ninh – Lạng Sơn –Hà Nội – Quảng Ninh đã đoịợc nâng cấp, tạo điều kiện cho hàng hoá Việt Nam thâm nhập sâu hơn vào thị troịờng Trung Quốc. Nhiều khu thoịơng mại biên giới đoịợc xây dựng. Hàng hoá từ Trung Quốc quá cảnh qua Việt Nam với số loịợng ngày càng lớn, mở ra nhiều hình thức hợp tác mới nhoị vận tải, hải quan, kho ngoại quan, du lịch,...

- Tăng coịờng trao đổi kinh nghiệm hợp tác thoịơng mại giữa hai noịớc cũng đoịợc tăng coịờng. Nhiều cuộc viếng thăm của các nhà lãnh đạo cao cấp

cùng với sự tiếp xúc của các doanh nghiệp hai noịớc tạo thuận lợi cho các cơ hội thoịơng mại và đầu toị của doanh nghiệp, tháo gỡ những voịớng mắc về mặt pháp lý trong quan hệ kinh tế. Công tác xúc tiến thoịơng mại và đầu toị của hai noịớc đoịợc tăng coịờng.

- Các doanh nghiệp Việt Nam bắt đầu tận dụng khai thác nhiều mặt hàng Trung Quốc cần nhập khẩu và nhập khẩu nhiều vật toị nguyên liệu của Trung Quốc có lợi thế hơn thị troịờng khác phục vụ cho sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Hợp tác kinh tế và trao đổi thoịơng mại đã đáp ứng đoịợc một phần nhu cầu của sản xuất và tiêu dùng của Việt Nam nhoị: Việt Nam đã nhập khẩu đoịợc một số nguyên liệu, hoá chất, thiết bị máy móc, vận tải… phục vụ cho yêu cầu sản xuất nông nghiệp và công nghiệp mà không phải dùng ngoại tệ mạnh. Đồng thời, Việt Nam cũng đã xuất khẩu đoịợc một khối loịợng đáng kể các loại hàng hoá mà thị troịờng Trung Quốc có nhu cầu nhoị: nguyên nhiên liệu, hàng thủ công mỹ nghệ..., trong đó có những mặt

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

hàng bán đợợc giá cao hơn so với các thị trợờng khác do các cợớc phí vận chuyển thấp.

- Về mặt xã hội, nhờ phát triển thợơng mại, nhất là buôn bán qua biên giới đã góp phần vào việc phát triển kinh tế, hình thành các trung tâm buôn bán tại các cửa khẩu; tạo thêm nhiều công ăn việc làm, cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân các dân tộc sinh sống trên địa bàn các tỉnh biên giới hai nợớc.

2.3.2 Những tồn tại

- Khung khổ pháp lý cho trao đổi thợơng mại đã đợợc cải thiện đáng kể nhợng vẫn còn một số vấn đề vợớng mắc nhợ trong việc thực hiện Hiệp định ACFTA, ký kết các văn bản quy định về kiểm dịch động thực vật, quản lý hàng hoá trao đổi qua biên giới...

- Tuy tốc độ tăng trợởng kim ngạch trao đổi hàng hoá giữa hai nợớc tợơng đối nhanh, nhợng kim ngạch xuất nhập khẩu vẫn chiếm tỷ trọng thấp trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của mỗi nợớc: khoảng 5% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam và 0,4% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Trung Quốc.

- Cơ cấu hàng hoá xuất nhập khẩu bất hợp lý, chậm đợợc cải thiện, phía Việt Nam xuất khẩu sang thị trợờng Trung Quốc chủ yếu là nguyên nhiên vật liệu, còn nhập khẩu chủ yếu là thiết bị, máy móc… nên cán cân buôn bán giữa hai nợớc luôn mất cân đối. Việt Nam chủ yếu là nhập siêu và mức nhập siêu ngày càng tăng trợớc chiến lợợc phát triển ngoại thợơng Trung Quốc. Điều này thể hiện khả năng thích ứng chậm của nền kinh tế nợớc ta đối với những thay đổi trong cơ cấu xuất nhập khẩu với Trung Quốc.

- Buôn bán biên giới không ổn định, quy mô doanh nghiệp nhỏ, lợợng hàng hoá ít, các điều kiện bảo đảm cho doanh nghiệp, thợơng nhân, nhân dân

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

biên giới không đồng bộ của cả phía ta và Trung Quốc đã làm hạn chế kim ngạch biên mậu. Trong buôn bán biên giới tình trạng hàng giả, hàng kém chất

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

lợợng còn chiếm tỷ trọng khá lớn gây ảnh hợởng không tốt đến sức khoẻ và tâm lý ngợời tiêu dùng. Đặc biệt, vấn đề buôn lậu và gian lận thợơng mại diễn ra ngày càng nhiều và phức tạp… đã gây nên những khó khăn cho công tác quản lý biên giới và ảnh hợởng nhiều đến sự phát triển kinh tế của mỗi nợớc. Trong những năm trở lại đây còn có không ít những loại hàng hoá, đặc biệt là thực phẩm kém chất lợợng gây hại cho sức khoẻ con ngợời đợợc chuyển lậu vào thị trợờng Việt Nam. Vấn đề kiểm soát hàng xuất nhập khẩu qua biên giới đang là vấn đề bức xúc đối với hai nợớc. Cần thiết phải có những thoả thuận về các quy định pháp lý nhợ tiêu chuẩn sản phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm...

- Việt Nam chợa tận dụng đợợc cơ hội để khai thác tốt các cơ hội thâm nhập thị trợờng Trung Quốc trong bối cảnh phía Trung Quốc mở cửa thị tr-

ợờng, thực hiện cam kết chung trong Chợơng trình thu hoạch sớm, đặc biệt là đối với mặt hàng nông sản, thuỷ sản của Việt Nam mà các tỉnh Tây Nam Trung Quốc có nhu cầu lớn.

- Thợơng mại chợa thật sự gắn với đầu tợ và chuyển giao công nghệ. Việt Nam chợa tận dụng đợợc cơ hội đầu tợ từ Trung Quốc để xuất khẩu sang thị trợờng này và các thị trợờng khác.

- Mặc dầu có lợi thế về vị trí địa kinh tế, nhợng Việt Nam vẫn chợa khai thác triệt để yếu tố này để tăng kim ngạch xuất khẩu. Lợợng hàng hoá của Trung Quốc quá cảnh qua Việt Nam vẫn còn nhỏ bé. Đầu tợ cho cơ sở hạ tầng giao thông để kết nối với hệ thống giao thông của Trung Quốc vẫn còn hạn chế.

Nhiều doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu của Việt Nam không theo kịp sự thay đổi về các thủ tục liên quan đến kinh doanh trên thị trợờng

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Trung Quốc, do vậy hoạt động kinh doanh thơìờng bị động. Sau khi gia nhập WTO, Trung Quốc đã bãi bỏ ơìu đãi 50% VAT đối với hàng hoá nhập khẩu qua đơìờng Quảng Tây và siết chặt hơn các quy định về kiểm dịch, kiểm

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

nghiệm đối với hàng hoá nhập khẩu theo các chuẩn mực của WTO, vì vậy, đã phần nào làm giảm xuất khẩu của Việt Nam do hàng rau quả, thuỷ, hải sản…Việt Nam không đáp ứng đợợc đầy đủ các tiêu chuẩn về kiểm dịch theo tiêu chuẩn của WTO.

2.3.3 Nguyên nhân của những tồn tại

- Sức cạnh tranh của hàng hoá nợớc ta so với Trung Quốc và khu vực còn thấp và chậm đợợc cải thiện, do đó sự thâm nhập của hàng hoá Việt Nam với thị trợờng Trung Quốc cn hạn chế. Nếu Việt Nam không nhanh chóng cải thiện năng lực cạnh tranh thì việc giữ và tăng thị phần tại Trung Quốc là hết sức khó khăn.

- Nền kinh tế Trung Quốc phát triển nóng trong những năm qua đã làm nhu cầu đối với nguyên nhiên liệu tăng mạnh vừa tạo ra cơ hội cho các nợớc trong khu vực, trong đó có Việt Nam, xuất khẩu các mặt hàng này nhợng cũng tạo ra thách thức đối với nguy cơ "chảy máu tài nguyên" và dẫn đến xu hợớng lệnh lạc trong cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam.

- Hàng hoá Trung Quốc với giá rẻ, mẫu mã phong phú, chủng loại đa dạng...nhờ các lợi thế nội tại, lại đợợc phát triển nhanh chóng với công nghệ và vốn đầu tợ nợớc ngoài, đã tạo ra sức ép cạnh tranh mạnh mẽ với hàng xuất khẩu của Việt Nam. Trong khi đó, hàng hoá Việt Nam chợa có khả năng xâm nhập sâu vào thị trợờng Trung Quốc, chủng loại hàng hoá đơn điệu, chất lợợng thiếu ổn định và hầu nhợ không có kinh nghiệm để đợa vào trong hệ thống phân phối lớn bên trong thị trợờng nội địa Trung Quốc.

- Công tác quản lý mậu dịch biên giới còn nhiều yếu kém. Trong khi Trung Quốc có một hệ thống cơ quan kiểm tra chất lợợng hàng hoá và kiểm dịch, kiểm nghiệm thống nhất với một cơ quan thuộc ngành dọc có chức năng ngang Bộ đợợc phân cấp từ Trung ợơng đến địa phợơng là Tổng cục kiểm

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

dịch kiểm nghiệm và giám sát chất lợợng quốc gia với các chi cục đặt tại các địa phợơng phối hợp với Hải quan, Biên phòng... kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

và hiệu quả vấn đề kiểm dịch, kiểm nghiệm và chất lợợng hàng hoá xuất nhập khẩu cũng nhợ thực hiện vấn đề kiểm dịch đối với việc xuất nhập cảnh của khách du lịch thì đối với phía Việt Nam, việc kiểm tra này còn chợa có tính thống nhất và tập trung.

- Do điều kiện về đợờng sá còn nhiều hạn chế: đợờng nhỏ, vòng vèo, các trạm kiểm soát còn ít, lực lợợng tham gia kiểm soát còn mỏng nên buôn lậu là hiện tợợng khá phổ biến ở khu vực biên giới của hai nợớc. Hàng buôn lậu rất đa dạng, đợợc đợa từ bên này sang bên kia cả bằng đợờng bộ và đợờng biển. Từ Trung Quốc đợa sang Việt Nam chủ yếu là hàng điện tử và hành tiêu dùng chất lợợng thấp giá rẻ. Còn hàng lậu từ Việt Nam đợa sang Trung Quốc chủ yếu là động vật hoang dã, gỗ và than.

- Việt Nam vẫn bị động trong hoạch định cơ chế chính sách, chợa tạo ra những cơ chế chính sách đồng bộ ổn định, chậm đợa ra các mục tiêu chiến lợ-

ợc trong quan hệ xuất nhập khẩu vào thị trợờng Trung Quốc, chậm thích ứng với những thay đổi trong chính sách buôn bán biên giới của Trung Quốc.

- Trong buôn bán với Trung Quốc, Việt Nam còng bị động, chạy theo lợi ích ngắn hạn, chợa có sự hợp tác, liên kiết của các doanh nghiệp xuất khẩu, phối hợp giữa các địa phợơng, vùng, nhất là vùng biên giới còn hạn chế.

- Doanh nghiệp Việt Nam, thợơng nhân Việt Nam chợa thật sự quan tâm đến tìm hiểu, đánh giá nhu cầu thị trợờng đến khẳng định những lĩnh vực, hàng hoá cần đầu tợ sản xuất, xuất khẩu vào thị trợờng Trung Quốc, một phần xuất phát từ quan niệm sai lầm rằng đây là một thị trợờng dễ tính, là nơi có thể tiêu thụ các loại hàng hoá kém chất lợợng. Doanh nghiệp Việt Nam ít hiểu biết về luật lệ, chính sách của Trung Quốc, hoàn toàn phụ thuộc vào đầu mối của Trung Quốc và dễ dàng bị phía đối tác gây sức ép, nhất là với các

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

chủng loại mặt hàng mang tính thời vụ nhoị rau quả, hải sản tơioi …Kết quả là các hoạt động xuất khẩu diễn ra manh mún, nhỏ lẻ, hoàn toàn bị động và phụ

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

thuộc vào các đầu mối nhập khẩu Trung Quốc trong khi các nước trong khu vực như Thái Lan, đã xâm nhập được vào các kênh bán buôn, các siêu thị trong thị trường nội địa, các thành phố lớn của Trung Quốc.

- Công tác nghiên cứu dự báo, phân tích thị trường, xúc tiến thương mại còn nhiều bất cập. Có nhiều cơ quan nghiên cứu về Trung Quốc nhưng thông tin thiếu cập nhật, sự phối hợp còn hạn chế, khả năng phân tích dự báo của cán bộ chuyên môn còn yếu kém. Thiếu thông tin về thay đổi chính sách phía Trung Quốc, về tình hình thị trường là một trong nguyên nhân dẫn đến những bất lợi trong quan hệ thương mại với Trung Quốc. Các tổ chức xúc thiến thương mại như Thương vụ, các cơ quan đại diện thương mại nhỏ về quy mô, hạn chế về trình độ, nghiệp vụ[1].

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

1 Thương vụ Việt Nam tại Bắc Kinh chỉ cú 03 người, trong đú chỉ 02 người làm chuyờn mụn, trong khi đú thương vụ Trung Quốc tại Hà Nội là 08 người, chưa kể cỏc chi nhanh ở thành phố HCN và cỏc tổ chức phi chớnh phủ khỏc.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

CHƯƠNG 3: QUAN ĐIỂM VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - TRUNG QUỐC ĐẾN NĂM 2015

3.1 CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM – TRUNG QUỐC TỪ NAY ĐẾN NĂM 2015

3.1.1 Nhân tố toàn cầu

Các nhân tố toàn cầu có ảnh hưởng quan trọng đến mối quan hệ hợp tác kinh tế thương mại Việt Nam – Trung Quốc, điều này được thể hiện ở 4 điểm sau đây:

Đầu tiên, đó là sự ảnh hưởng của quá trình toàn cầu hóa. Giai đoạn hiện nay, toàn cầu hoá được xem là quá trình hình thành một không gian kinh tế, tài chính và thông tin toàn cầu thống nhất. Mục đích của toàn cầu hoá là xoá dần các rào cản quốc gia trước hết là về kinh tế, tạo sự chuyển động tự do cho các dòng chảy thông tin, vốn, hàng hoá và dịch vụ. Do đó, có thể thấy một trong những trụ cột cơ bản của toàn cầu hoá là tiến trình tự do hoá thương mại. Tiến trình này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các nước đang phát triển có cơ hội phát triển các ngành khoa học công nghệ. Quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam với các nước và với Trung Quốc nói riêng đang có nhiều thuận lợi từ sự phát triển đó, đặc biệt là công nghệ thông tin. Quá trình này làm cho chu kỳ sản xuất và sản phẩn được rút ngắn lại, tạo điều kiện cho các nước đi sau có thể bứt phá, đốt cháy giai đoạn, đuổi kịp và vượt các quốc gia khác. Tuy nhiên, nếu không tận dựng được cơ hội, nguy cơ tụt hậu càng cao. Đây là một thách thức to lớn đối với Việt Nam. Nếu không nỗ lực cải cách, Việt Nam sẽ có ít hơn lợi ích trong quan hệ kinh tế với Trung Quốc, đứng trước nhiều bất lợi phải đối phó.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Thứ hai, yếu tố thứ 2 trong nhân tố toàn cầu đó là sự gia tăng quan hệ kinh tế thoịơng mại đa phoịơng giữa các noịớc thông qua các hình thức tổ chức hợp tác kinh tế toàn cầu (WTO, UNDP, IMF, WB…) Thông qua các tổ chức kinh tế, thoịơng mại, tài chính quốc tế này, quy mô loịu thông vốn quốc tế lớn choịa từng thấy, tốc độ tăng troịởng mậu dịch thế giới voịợt xa tốc độ tăng troịởng kinh tế; các lĩnh vực hợp tác trong toàn cầu hoá kinh tế không ngừng phát triển. Việt Nam và Trung Quốc là thành viên của WTO. Điều này tạo thuận lợi cho quan hệ kinh tế thoịơng mại hai noịớc phát triển dựa trên những nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi, các tranh chấp thoịơng mại sẽ đoịợc giải quyết trên cơ sở pháp lý minh bạch và rõ ràng. Việc thực hiện các cam kết WTO sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hai noịớc mở rộng quan hệ thoịơng mại hơn nữa trong thời gian tới.

Nhân tố thứ ba là sự thay đổi toịơng quan lực loịợng giữa các trung tâm kinh tế lớn nhoị Hoa Kỳ, EU, Trung Quốc, Nhật Bản…Đứng về mặt gia tăng các luồng giao loịu quốc tế về thoịơng mại, đầu toị, vốn, công nghệ, dịch vụ, nhân công… thì hiện nay các trung tâm toị bản lớn nhoị Bắc Mỹ, EU và Nhật Bản vẫn đóng vai trò chủ chốt. Tuy nhiên, theo các chuyên gia kinh tế, Trung Quốc sẽ trở thành một lực loịợng mới làm thay đổi nền kinh tế thế giới. Trung Quốc hiện đã trở thành coịờng quốc kinh tế, năm 2007, tổng giá trị GDP của noịớc này đạt xấp xỉ 3,4 nghìn tỷ USD, thặng doị thoịơng mại kỷ lục là 262,2 tỷ USD, đoịa Trung Quốc trở thành nền kinh tế lớn thứ ba thế giới, chỉ sau Mỹ và Nhật Bản[1].

Việt Nam đang có nhiều thuận lợi trong thoịơng mại quốc tế với vị trí thuận lợi về địa kinh tế và địa chính trị, đoịợc các đối tác thoịơng mại khác chú ý, đặc biệt là các đối tác thoịơng mại lớn nhoị Trung Quốc, Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản. Tuy nhiên, trong bối cảnh tình hình chính trị thế giới đang diễn biến phức tạp, Việt Nam cần có chiến loịợc đối tác thoịơng mại rõ ràng

[1] báo điện tử đảng cộng sản VN

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

trên cơ sở các nguyên tắc quốc tế và phân tích tình hình kinh tế, chính trị thế giới. Nếu không tỉnh táo, chạy theo lợi ích thoợng mại ngắn hạn sẽ phải đối phó với các vấn đề quốc tế phức tạp, mất đi cơ hội tận dụng ngoại lực để rút ngắn khoảng cách phát triển.

Cuối cùng, một nhân tố không thể không kể đến, đó là: vai trò của các tập đoàn xuyên quốc gia. Các công ty xuyên quốc gia (TNC) phát triển chọa từng có trong lịch sử và đóng vai trò hết sức quan trọng, nó thúc đẩy xu thế toàn cầu hoá và khu vực hoá. Nền kinh tế toàn cầu hiện nay chủ yếu là nền kinh tế của toị bản toàn cầu, do ba trung tâm kinh tế lớn trên thế giới và các công ty xuyên quốc gia chi phối. Chỉ tính riêng 500 Tập đoàn đa quốc gia lớn nhất thế giới đã chiếm tới 1/3 thị troịờng công nghiệp khai thác, 3/4 thị troịờng nguyên liệu, 4/5 thị troịờng công nghệ cao toàn cầu. Hiện nay, Trung Quốc đã thu hút đoịợc khoảng 95% các tập đoàn xuyên quốc gia đầu toị và kinh doanh tại Trung Quốc. Đây là một mạng loịới kinh doanh toàn cầu, đại diện cho xu thế toàn cầu hoá và phát triển sản xuất thế giới. Một trong những điều kiện quyết định cho hợp tác thoịơng mại hiệu quả là Việt nam phải thâm nhập đoịợc vào hệ thống kinh doanh toàn cầu, thu hút đầu toị từ Trung Quốc và các noịớc khác thông qua các TNC.

3.1.2 Nhân tố khu vực: Tác động của việc hình thành Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc (ACFTA)

Nhằm thúc đẩy hợp tác kinh tế thoịơng mại khu vực, đối phó với những biến động của kinh tế thế giới, các noịớc ASEAN và Trung Quốc đã nhất trí xây dựng Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc.

Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc hoàn thành sẽ tạo ra một khu vực thoịơng mại tự do lớn nhất thế giới gồm 1,8 tỷ ngoịời với tổng GDP 2500 tỷ USD và giá trị thoịơng mại hai chiều lên đến 1.300 tỷ USD. Dự

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

báo, sau khi gia nhập khu MDTD Trung Quốc - ASEAN, nhu cầu nhập khẩu của Trung Quốc từ các nước ASEAN sẽ tăng 10% mỗi năm..[1]

Việt Nam cũng sẽ nhận được những lợi ích từ việc hình thành khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc. Trước hết là tăng xuất khẩu các mặt hàng nông sản, thuỷ sản, khoáng sản. Lợi thế về vị địa lý nhờ đó vần chuyển nhanh chóng với chi phí thấp, ưu đãi về thuế do chương trình thu hoạch sớm, sự chênh lệch về mùa vụ, năng suất cao, thị trường Trung Quốc đang có nhu cầu lớn là những yếu tố thuận lợi để đẩy mạnh xuất khẩu mặt hàng này. Ngoài những mặt hàng chúng ta đang có lợi thế như nông, thuỷ sản, khoáng sản, có thể tăng xuất khẩu các mặt hàng khác như dệt may, hàng chế tạo kỹ thuật trung bình sử dụng nhiều lao động. Việt Nam cũng có cơ hội làm nơi trung chuyển hàng hoá của một số nước ASEAN sang Trung Quốc và ngược lại. Do phí vận chuyển bằng đường thuỷ rẻ hơn rất nhiều, chúng ta có thể trở thành trạm trung chuyển cho một số nước thực sự khó khăn trong việc vận chuyển với Trung Quốc. Tuy nhiên, nếu Việt Nam chậm chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tăng khả năng cạnh tranh của nhóm hàng chế biến, chế tạo thì lợi ích nhận được từ khu vực này sẽ rất hạn chế.

Với sự hình thành ACFTA, sẽ có thay đổi trong quan hệ thương mại Việt Nam - Trung Quốc. Theo nghiên cứu của nhóm chuyên gia về Hợp tác Kinh tế ASEAN - Trung Quốc, xuất khẩu Trung Quốc sang Việt Nam sẽ tăng khoảng 950 triệu USD, trong khi Việt Nam xuất sang Trung Quốc chỉ tăng 267 triệu USD. Những mặt hàng Việt Nam có thể tăng nhờ thuận lợi hoá thương mại khu vực ACFTA là khoáng sản, nông sản, dầu thực vật, thực phẩm. Những mặt hàng Trung Quốc xuất nhiều sang Việt Nam là đồ điện, hoá chất, dệt may, xe máy, hàng chế tạo. Tuy nhiên, so với các nước khác trong ASEAN như Thái Lan, Malaysia, Singapore, Philippins, Indonesia, mức tăng

---

1 Lê Quang Lân (2005), "*Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam*"

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

xuất khẩu của Việt Nam từ ACFTA là khá nhỏ bé. Điều này cho thấy, trong ngắn hạn, Việt Nam không tận dụng đợợc nhiều cơ hội từ sự hình thành ACFTA. Chẳng hạn, trong chợơng trình thu hoạch sớm, Việt Nam chợa tận dụng tối đa cơ hội để đẩy mạnh xuất khẩu sang Trung Quốc, trong khi đó Thái Lan là nợớc thu đợợc nhiều lợi ích từ chợơng trình này.

Các ợu đãi thuế quan trong khuôn khổ khu vực Thợơng mại tự do ASEAN-Trung Quốc (ACFTA) sẽ là những điều kiện có lợi cho việc tăng cợờng quan hệ thợơng mại với Trung Quốc trong giai đoạn 2007-2015. Theo ACFTA tháng 7/2006, Trung Quốc bắt đầu cắt giảm thuế xuống 0% đối với hàng hoá Việt Nam thuộc danh mục hàng hoá thông thợờng (Normal Track) và, đến năm 2007, 60% hàng hoá của Việt Nam đợợc hợởng mức thúê suất 0-5% và năm 2010, 100% hàng hoá của Việt Nam sẽ đợợc hợởng ợu đãi thuế suất 0%. Ngợợc lại, vào 1/7/2006 Việt Nam cũng bắt đầu phải cắt giảm thuế suất thuộc danh mục hàng hoá thông thợờng cho hàng hoá Trung Quốc, đến năm 2009, 50% dòng thuế của Việt Nam phải giảm ở mức 0-5%, năm 2013, 40% dòng thuế phải giảm xuống mức 0% và đến năm 2015, khoảng 100% hàng hoá Trung Quốc vào Việt Nam đợợc hợởng thuế suất 0%, với linh hoạt đối với 250 dòng thuế đạt 0% vào năm 2018.[1]

Bên cạnh những lợi ích nói trên, việc hình thành ACFTA cũng có nhợng tác động tiêu cực đối với Việt Nam trong quan hệ thợơng mại với Trung Quốc.

Trước hết, là gia tăng áp lực cạnh tranh trên thị trường Trung Quốc đối với hàng hoá xuất khẩu nợớc ta từ phía các nợớc ASEAN. Các nghiên cứu dự báo cho thấy lợi ích thợơng mại của Việt Nam do việc thành lập ACFTA mang lại là khá nhỏ bé. Theo kết quả nghiên cứu của Nhóm chuyên gia về hợp tác ASEAN - Trung Quốc, nhóm hàng mà các nợớc ASEAN-6 và Trung

1 uỷ ban Quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế (2004), *Tác động của Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc,* Dự án Việt - Pháp FSP 2000 - 148

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Quốc nhận đợợc nhiều nhất sự tăng trợởng xuất khẩu nhợ dệt may, điện tử, chế tạo thì phần dành cho Việt Nam lại hết sức hạn chế. Chẳng hạn, trong khi ta tăng xuất khẩu đợợc 44,5 triệu USD hàng chế tạo sang Trung Quốc thì nợớc tăng ít nhất trong ASEAN-6 là Thái Lan cũng đợợc 323,7 triệu USD và nợớc tăng nhiều nhất là Indonesia, 1.281,8 triệu USD, Trung Quốc cũng tăng đợợc 500 triệu USD mặt hàng này tại thị trợờng Việt Nam.[1] Ngay cả các nhóm hàng ta có lợi thế nhợ khoáng sản, nông sản, thuỷ sản, mức tăng của ta cũng thấp hơn các nợớc ASEAN khác. Đây rõ ràng là thách thức lớn đối với Việt Nam, mặc dù thực tế này đã đợợc thừa nhận nhợng trong bối cảnh hình thành ACFTA cũng cần phải nghiêm túc nhận thức lại.

Thứ hai, là đối phó với sự cạnh tranh của hàng Trung Quốc và các nợớc ASEAN ở thị trợờng trong nợớc và tình trạng nhập siêu của ta với Trung Quốc. Với sự hình thành ACFTA, hàng hoá của Trung Quốc và ASEAN sẽ có điều kiện thâm nhập ngày càng nhiều hơn vào thị trợờng nợớc ta. Nhợ đã nêu ở trên, hiện nay có tới 400 mặt hàng của Trung Quốc xuất khẩu vào Việt Nam trong khi ta xuất sang Trung Quốc chỉ có khoảng 100 mặt hàng. Trong những năm gần đây, thâm hụt thợơng mại của ta với Trung Quốc ngày càng lớn.

Thứ ba, là cạnh tranh trong thu hút đầu tư từ phía Trung Quốc và các nợớc ASEAN. Các nợớc ASEAN và Trung Quốc đang đẩy mạnh cải cách, tạo môi trợờng thuận lợi hơn cho thợơng mại và đầu tợ. áp lực cạnh tranh do việc hình thành ACFTA sẽ càng thúc đẩy cải cách ở các nợớc trong khu vực. Điều này cũng có nghĩa là sẽ có sự tranh giành các khoản vốn đầu tợ nợớc ngoài chảy vào khu vực này. Môi trợờng đầu tợ chậm đợợc cải thiện nhợ hiện nay sẽ làm cho Việt Nam càng khó khăn hơn trong cạnh tranh thu hút đầu tợ nợớc ngoài với các nợớc ASEAN và Trung Quốc.

---

1 Lê Quang Lân (2005), "*Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam*

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

3.1.3 Nhân tố Trung Quốc

Tháng 11/2001 Trung Quốc đã trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thoịơng mại Thế giới (WTO). Trung Quốc gia nhập WTO không chỉ tạo động lực tăng troịởng kinh tế của Trung Quốc mà còn mang lại ảnh hoịởng tích cực đối với sự phát triển kinh tế của toàn châu á cũng nhoị sự hợp tác kinh tế giữa Trung Quốc và ASEAN.

Thực tế cho thấy, trong 5 sau khi gia nhập WTO, từ năm 2001, mức tăng troịởng GDP của Trung Quốc luôn cao hơn hai lần mức tăng bình quân của thế giới, gấp khoảng 3 lần mức tăng của các noịớc phát triển.

Việc Trung Quốc gia nhập WTO có nhiều tác động đối với Việt Nam. *Trước hết là quan hệ thương mại hai nước sẽ được phát triển trên cơ sở* luật pháp quốc tế, sẽ bình đẳng hơn. quy mô thoịơng mại đoịợc mở rộng nhờ cắt giảm các hàng rào thoịơng mại. Thứ hai, sự phát triển nhanh chóng của Trung Quốc sau khi gia nhập WTO tạo điều kiện cho hàng hoá Việt Nam thâm nhập thị troịờng Trung Quốc, Việt Nam có điều kiện tham gia sâu vào hệ thống phân công lao động khu vực. Việt Nam tận dụng cơ hội phát triển và hiện đại hoá của Trung Quốc để nhập khẩu công nghệ, thu hút đầu toị từ Trung Quốc, có nhiều khả năng đoịợc hoịởng lợi từ việc chuyển giao công nghệ để phát triển các ngành công nghiệp sử dụng tài nguyên và lao động rẻ.

Bên cạnh những tác động tích cực nói trên, Việc gia nhập WTO của Trung Quốc có những tác động tiêu cực đối với Việt Nam. Troịớc hết, gia tăng sức ép cạnh tranh từ phía Trung Quốc, nhất là ở những mặt hàng xuất khẩu mang tính toịơng đồng nhoị các mặt hàng sử dụng nhiều lao động. Cạnh tranh trên thị troịờng nội địa cũng hết sức khốc liệt. Việt Nam đang bị phị thuộc ở mức đáng kể vào nguồn nguyên liệu và máy móc nhập khẩu từ Trung Quốc. Việt Nam cũng đang ở vào thế bất lợi trong cạnh tranh thu hút vốn FDI so với Trung Quốc. Một điều đáng suy nghĩ là luồng vốn FDI vào Việt Nam chủ yếu là từ các công ty nhỏ, chủ yếu trong lĩnh vực khai thác tài nguyên và công

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

nghiệp chế biến sử dụng tài nguyên là lao động giản đơn, quy mô vốn nhỏ bé, thời gian ngắn. Do đó, FDI chưa có tác dụng đáng kể trong việc cải thiện năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Trung Quốc đã thành công trong việc tận dụng được cơ hội của FDI để cải thiện sức cạnh tranh của mình. Hơn nữa, từ khi Trung Quốc gia nhập WTO, trao đổi thương mại giữa hai nước bùng nổ, tuy nhiên, cũng làm gia tăng nhiều bất cập trong quản lý thương mại biên mậu, kiểm soát chất lượng hàng nhập khẩu, gia tăng tình trạng buôn lậu, Việt Nam ngày càng phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc ở một số nhóm hàng xuất khẩu, nhiều nhất là hàng nông sản, rau quả tươi, động vật sống.

Từ khi Trung Quốc ra nhập WTO đến nay, nền kinh tế Trung Quốc tăng trưởng rất nóng. Với sự phát triển bùng nổ về xây dựng và sản xuất trong bối cảnh nền kinh tế tăng trưởng ở mức hai con số, nhập khẩu quặng sắt và các kim loại cơ bản của Trung Quốc đã tăng mạnh trong những năm qua, giá một loạt nguyên liệu đầu vào cho sản xuất như hạt nhựa, clinke, dầu mỏ, phôi thép, sợi dệt... tăng mạnh trên thị trường thế giới đều có chung nguyên nhân là bị sức hút mạnh từ thị trường Trung Quốc. Với những quốc gia có các nguyên liệu này để xuất khẩu thì có thể tăng kim ngạch xuất khẩu, còn với Việt Nam thì ngược lại. Hầu hết thì những nguyên liệu đầu vào đó, chúng ta không tự sản xuất được mà phải nhập khẩu. Sự lệ thuộc này đã làm cho sản xuất trong nước bị tác động mạnh. Với các ngành sản xuất thép, dệt may, xi măng... thời gian qua chi phí đầu vào tăng cao, làm cho nhiều doanh nghiệp bị giảm lợi nhuận hoặc thu lỗ. Ngoài ra, do sức hút mạnh mẽ về nhu cầu nguyên liệu của "công xưởng" Trung Quốc mà các tài nguyên của Việt Nam rất dễ chảy sang Trung Quốc như hiện tượng chảy máu quặng sắt, thiếc, than đá trong thời gian vừa qua. Nếu như chúng ta chủ yếu vẫn xuất nguyên liệu thô như hiện nay thì những nguồn lực thiên nhiên dùng để phát triển các ngành công nghiệp trong tương lai dễ bị cạn kiệt và gây tác động xấu đến môi trường. Nói cách khác, chúng ta trở thành nơi cung cấp tài nguyên, khoáng sản để phát

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

triển công nghiệp Trung Quốc và ngành khai thác tài nguyên của chúng ta phụ thuộc vào sự thăng trầm của nhu cầu tiêu thụ tại thị trợờng Trung Quốc.

Để đáp ứng nhu cầu đang tăng nhanh về nguyên vật liệu và năng lợợng, Trung Quốc đã điều chỉnh chiến lợợc đối ngoại, củng cố, thành lập mới các mối quan hệ kinh tế- thợơng mại với các nợớc sản xuất hàng hoá - nguyên liệu ở nhiều khu vực trên thế giới. Trung Quốc đã đợa ra khái niệm về chiến lợợc "một vòng ba tuyến": Một vòng là vành đai các nợớc cung cấp nguyên liệu cho Trung Quốc ở xung quanh Trung Quốc từ Mông cổ, Nga, Cadăcxtan, đến Myanmar, Thái Lan, Lào và Việt Nam; Ba tuyến là các tuyến ở ba châu lục là Nam Mỹ, Châu Đại Dợơng và Châu Phi.

3.1.4 Nhân tố Việt Nam

Ngày 11/01/2007 Việt Nam chính thức thực hiện nghĩa vụ và thụ hợởng quyền lợi với tợ cách là thành viên của WTO. Sự kiện này là một trong những kết quả quan trọng thực hiện chính sách chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam trên chặng đợờng 20 năm đầu tiên của công cuộc đổi mới.

Do Việt Nam là nợớc đang phát triển ở trình độ thấp, lại đang trong quá trình chuyển đổi nên trong đàm phán chúng ta đã đạt kết quả có đợợc một số năm chuyển đổi đề thực hiện một số cam kết có liên quan đến thuế tiêu thụ đặc biệt trợ cấp nông nghiệp và phi nông nghiệp, quyền kinh doanh... Tuy nhiên Việt Nam cũng phải chấp nhận chế độ "kinh tế phi thị trợờng" trong khoảng 12 năm.

Về thuế nhập khẩu: Việt Nam cam kết cắt giảm thuế suất từ mức bình quân 17,4% hiện nay xuống còn 13,4%, thực hiện dần trong lộ trình 7 năm kể từ ngày gia nhập, trong đó: thuế suất nhập khẩu hàng hoá nông sản giảm tù mức bình quân 23,5% hiện nay xuống còn 20,9%, thực hiện trong 5 năm, thuế

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

suất thuế nhập khẩu hàng công nghiệp giảm từ mức bình quân từ mức bình quân 16,8% hiện nay xuống còn 12,6% thực hiện trong 7 năm.[1]

Về mở cửa thị trường dịch vụ: Việt Nam cam kết mở cửa 11 ngành khoảng 110 phân ngành dịch vụ. Riêng đối với viễn thông ngân hàng và chứng khoán để kết thúc đàm phán Việt Nam có một số bước tiến nhưng nhìn chung không quá xa so với hiện trạng và phù hợp với định hướng phát triển các ngành này mà chính phủ đã phê duyệt.

Việt Nam cho phép tổ chức và cá nhân nước ngoài được phép mua cổ phần trong các doanh nghiệp Việt Nam nhưng với tỷ lệ phải phù hợp với mức mở cửa của ngành đó. Riêng ngân hàng Việt Nam chỉ cho phép nước ngoài được mua tối đa 30% cổ phần.

Trong quan hệ thương mại đối với Trung Quốc, gia nhập WTO tạo ra môi trường thuận lợi cho trao đổi thương mại với tư cách là những đối tác bình đẳng theo tư cách thành viên WTO; trao đổi thương mại Việt Nam – Trung Quốc sẽ được phát triển dựa trên những nguyên tắc quốc tế, minh bạch và dễ dự đoán hơn; gia nhập WTO, hai nước sẽ đẩy mạnh hơn nữa cải cách thể chế, làm cho môi trường kinh doanh hai nước thông thoáng hơn, tạo điều kiện cho các luồng hàng hoá, vốn đầu tư thâm nhập lẫn nhau; có cơ sở để giải quyết các tranh chấp thương mại theo thông lệ quốc tế; Việt Nam có thể tranh thủ cơ hội thu hút vốn FDI từ Trung Quốc...

Tuy nhiên, việc gia nhập WTO của Việt Nam cũng đặt ra những thách thức đối với phát triển thương mại hai nước. Với việc cắt giảm các hàng rào thương mại, trước hết là hàng rào thuế quan, hàng hóa Trung Quốc sẽ thâm nhập ngày càng nhiều với số lượng lớn vào thị trường nước ta. Với sức cạnh tranh của hàng hoá Việt Nam còn thấp so với Trung Quốc, việc gia nhập WTO của Việt Nam, lợi thương mại sẽ nhiều hơn cho phía Trung Quốc.

1http://wto.dddn.com.vn/Web/ContentDetail.aspx?distid=121&lang=vi-VN – ngày truy cập 2/4/2008

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Trong giai đoạn từ nay đến 2015, Việt Nam sẽ đẩy mạnh cải cách kinh tế trong nợ́ớc để đảm bảo tăng trợ́ởng kinh tế nhanh và bền vững. Một số hợ́ớng cải cách chủ yếu là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trợ́ờng đi đôi với việc tạo lập môi trợ́ờng kinh doanh bình đẳng và hấp dẫn, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trợ́ờng định hợ́ớng xã hội chủ nghĩa nhợ́ quyền sở hữu, ký kết và thực hiện hợp đồng, thể chế bảo hiểm và an sinh xã hội, thể chế giải quyết tranh chấp; tăng cợ́ờng cải cách hành chính theo hợ́ớng phân cấp, giảm và đi đến loại bỏ sự can thiệp hành chính của nhà nợ́ớc dợ́ới mọi hình thức; từng bợ́ớc giảm thiểu tình trạng độc quyền, khuyến khích phát triển kinh tế tợ́ nhân, cải cách doanh nghiệp Nhà nợ́ớc…

Những cải cách kinh tế trong giai đoạn 2007-2010 có tác dụng làm cho nền kinh tế Việt Nam tăng trợ́ởng nhanh và hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới. Dự báo, mức tăng trợ́ởng kinh tế từ 7,5%- 8%. Nhiều ngành công nghiệp của Việt Nam chắc chắn sẽ nâng cao đợ́ợc sức cạnh tranh, tạo ra nhiều hàng xuất khẩu có khả năng thâm nhập thị trợ́ờng nợ́ớc ngoài, trong đó có thị trợ́ờng Trung Quốc. Chắc chắn trong những năm tới đây FDI vào Việt Nam sẽ tiếp tục tăng mạnh, trong đó có nhiều doanh nghiệp nợ́ớc ngoài sẽ đầu tợ́ sản xuất những sản phẩm có thế mạnh xuất khẩu sang Trung Quốc. Bên cạnh đó, nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu phục vụ sản xuất tiêu dùng trong nợ́ớc và xuất khẩu vẫn lớn. Quan hệ thợ́ơng mại Việt Nam – Trung Quốc trong 10 năm tới sẽ tiếp tục tăng trợ́ởng cao.

3.2 QUAN ĐIỂM VÀ ĐỊNH HỢ́ỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỢ́ƠNG MẠI VIỆT NAM – TRUNG QUỐC *3.2.1. Quan điểm*

(1) *Phát triển kinh tế thương mại Việt Nam - Trung Quốc trên cơ sở tận dụng tối đa cơ hội từ sự phát triển của Trung Quốc, với phương châm hai bên đều thắng, chia sẽ lợi ích theo nguyên tắc thị trường và các cam kết thương mại quốc tế*

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

(2) *Phát triển kinh tế thương mại trên cơ sở khai thác lợi thế cạnh tranh của quá trình hợp tác để rút ngắn khoảng cách phát triển (hợp tác chiều sâu)*

Trước hết, là phải tận dụng tối đa cơ hội từ sự phát triển của Trung Quốc để đẩy mạnh xuất khẩu vào thị trọờng này.

Thứ hai, không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh để cải thiện cán cân thọơng mại, duy trì tốc độ tăng trọởng xuất khẩu bền vững.

Thứ ba, tận dụng lợi thế về vị trí địa kinh tế để phát triển các loại hình khác nhọ vận tải quá cảnh, du lịch, thu hút FDI.

Thứ tư, để phát triển thọơng mại hai nọớc bền vững và hiệu quả, Việt Nam cần có sự chuẩn bị để thâm nhập vào hệ thống kinh doanh của các TNC của Trung Quốc, tham gia vào các chuỗi giá trị mang tính khu vực và toàn cầu.

(3) *Hợp tác kinh tế thương mại trên cơ sở khai thác tối đa lợi thế về vị trí địa kinh tế và địa chính trị*

(4) *Phát triển quan hệ kinh tế thương mại với Trung Quốc theo hướng phát triển bền vững, bảo ổn định lâu dài, cân đối với lợi ích tổng thể ở các thị trường*

(5) *Hợp tác phát triển kinh tế thương mại trên cơ sở tuân thủ các quy định của thế giới và khu vực, đặc thù mỗi nước*

(6) *Phát triển quan hệ kinh tế thương mại với Trung Quốc trên cơ sở đảm bảo an ninh quốc gia, chủ quyền lãnh thổ, xử lý tốt các vấn đề tranh chấp thương mại, bảo vệ môi trường..*[1]*. (1) Phát triển kinh tế thương mại Việt Nam - Trung Quốc trên cơ sở tận dụng tối đa cơ hội từ sự phát triển của*

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

[1] Vụ châu á - Thái Bình Dương, Bộ Công thương (2007), *Dự thảo"Đề án phát triển xuất nhập khẩu hàng hoá với Trung Quốc giai đoạn 2007- 2015"*

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Trung Quốc, với phương châm hai bên đều thắng, chia sẽ lợi ích theo nguyên tắc thị trường và các cam kết thương mại quốc tế

(2) *Phát triển kinh tế thương mại trên cơ sở khai thác lợi thế cạnh tranh của quá trình hợp tác để rút ngắn khoảng cách phát triển (hợp tác chiều sâu)*

Trước hết, là phải tận dụng tối đa cơ hội từ sự phát triển của Trung Quốc để đẩy mạnh xuất khẩu vào thị trọờng này.

Thứ hai, không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh để cải thiện cán cân thọương mại, duy trì tốc độ tăng trọởng xuất khẩu bền vững.

Thứ ba, tận dụng lợi thế về vị trí địa kinh tế để phát triển các loại hình khác nhọ vận tải quá cảnh, du lịch, thu hút FDI.

Thứ tư, để phát triển thọương mại hai nọước bền vững và hiệu quả, Việt Nam cần có sự chuẩn bị để thâm nhập vào hệ thống kinh doanh của các TNC của Trung Quốc, tham gia vào các chuỗi giá trị mang tính khu vực và toàn cầu.

(3) *Hợp tác kinh tế thương mại trên cơ sở khai thác tối đa lợi thế về vị trí địa kinh tế và địa chính trị*

(4) *Phát triển quan hệ kinh tế thương mại với Trung Quốc theo hướng phát triển bền vững, bảo ổn định lâu dài, cân đối với lợi ích tổng thể ở các thị trường*

(5) *Hợp tác phát triển kinh tế thương mại trên cơ sở tuân thủ các quy định của thế giới và khu vực, đặc thù mỗi nước*

(6) *Phát triển quan hệ kinh tế thương mại với Trung Quốc trên cơ sở đảm bảo an ninh quốc gia, chủ quyền lãnh thổ, xử lý tốt các vấn đề tranh chấp thương mại, bảo vệ môi trường..*[1].

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

[1] Vụ châu á - Thái Bình Dương, Bộ Công thương (2007), *Dự thảo"Đề án phát triển xuất nhập khẩu hàng hoá với Trung Quốc giai đoạn 2007- 2015"*

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

3.2.2 Định hướng phát triển quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam – Trung Quốc đến năm 2015

(1) Định hướng xuất khẩu nhập khẩu

Với phương châm là tận dụng tối đa cơ hội từ sự phát triển của Trung Quốc để tăng kim ngạch xuất khẩu, hạn chế nhập siêu, quản lý tốt thương mại bien mậu, xử lý tốt các vấn đề tranh chấp thương mại, trao đổi thương mại trên cơ sở quan hệ kinh doanh thương mại bình đẳng theo đúng khuôn khổ WTO, những định hướng lớn phát triển thương mại Việt Nam với Trung Quốc trong giai đoạn đến năm 2015 là:

a) Định hướng xuất khẩu

Định hướng xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc giai đoạn 2008-2015 là "Phát triển xuất khẩu với tốc độ tăng trưởng cao và bền vững, làm động lực thúc đẩy tăng trưởng GDP. Đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng có lợi thế cạnh tranh, đồng thời tích cực phát triển các mặt hàng khác có tiềm năng thành những mặt hàng xuất khẩu chủ lực mới, theo hướng nâng cao hiệu quả xuất khẩu. Chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo hướng đẩy mạnh xuất khẩu những mặt hàng có giá trị tăng cao; tăng sản phẩm chế biến, chế tạo, sản phẩm có hàm lượng công nghệ và chất xám cao, giảm dần tỷ trọng hàng xuất khẩu thô".

Những định hướng lớn

- Tận dụng cơ hội từ sự tăng trưởng của Trung Quốc, sự thiếu hụt về nguyên liệu và một số hàng hoá khác như nông sản, thuỷ sản để tăng cường xuất khẩu sang thị trường nay. Trước hết phải củng cố và đẩy mạnh xuất khẩu những mặt hàng chủ lực đang xuất khẩu và đã đứng chân được tại thị trường Trung Quốc. Từng bước nâng cao chất lượng, tăng hàm lượng chế biến, giảm xuất khẩu thô.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

- Khai thác tiềm năng xuất khẩu những mặt hàng mới theo hợớng đầu tợ từ các nguồn vốn trong nợớc và vốn FDI. Tận dụng cơ hội của mở cửa

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

thợơng mại và đầu tợ để thu hút FDI để đẩy mạnh xuất khẩu, tham gia vào chuỗi giá trị hàng hoá của khu vực. Phấn đấu tăng tỷ trọng hàng công nghiệp xuất khẩu trong cơ cấu hàng hoá xuất khẩu sang Trung Quốc. Đẩy mạnh hợp tác thợơng mại theo hợớng hợp tác đầu tợ với các doanh nghiệp Trung Quốc.

- Nghiên cứu xây dựng các điểm tăng trợởng xuất khẩu mới trong giai đoạn 2007-2015 và xây dựng chợơng trình ở cấp quốc gia để thực hiện điểm tăng trợởng xuất khẩu này.

- Rà soát các chính sách, biện pháp hạn chế, cản trở xuất khẩu để có phợơng án tháo gỡ tạo môi trợờng thuận lợi icho xuất khẩu.

Trong giai đoạn 2007-2015, dự báo tốc độ tăng trợởng xuất khẩu sang Trung Quốc bình quân đạt mức 15,5%.

Định hướng xuất khẩu một số nhóm hàng

- *Nhóm hàng nhiên liệu, khoáng sản:* trong giai đoạn 2007-2010 kim ngạch xuất khẩu nhóm này vẫn tăng. Trong giai đoạn 2010-2015 , kim ngạch xuất khẩu dầu thô và than đá sẽ giảm cho chính sách chung của ta về hạn chế xuất khẩu nhiên liệu; tuy nhiên giai đoạn này sẽ có các mặt hàng mới nhợ Bốc xít Alumina từ Lâm Đồng và Đắc Nông và quặng sắt tinh nguyện tham gia xuất khẩu sẽ làm cho kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này không sụt giảm nhiều. Thị trợờng cho nhóm hàng này chính là các tỉnh giáp biên giới là Tây Nam và Quảng Đông Trung Quốc.

- *Nhóm hàng nông, lâm thuỷ sản:* Sẽ có xu hợớng tăng với tốc độ chậm. Tỷ trọng xuất khẩu nhóm hàng này trong tổng kim ngạch xuất dự kiến sẽ tăng từ 9% (năm 2006) lên 18,5% (năm 2010) và 23,5% (năm 2015)[1]. Trong thời gian tới, thị trợờng Trung Quốc vẫn tiếp tục có nhu cầu nhập khẩu

[1] Vụ châu á - Thái Bình Dương, Bộ Công Thương (2007), *Dự thảo Đề án phát triển xuất nhập khẩu hàng hoá với Trung Quốc giai đoạn 2007- 2015.*

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

rất lớn nhóm hàng này ta lại có tiềm năng đẩy mạnh xuất khẩu và ít chịu sức ép cạnh tranh từ Trung Quốc hoặc nơớc khác. Tuy nhiên ta cũng sẽ gặp khó khăn về khả năng mở rộng quy mô nuôi, trồng và chủ yếu phải dựa vào gia tăng hàm lơợng chế biến để nâng cao giá trị xuất khẩu. Thị trơờng chủ yếu cho các mặt hàng này là các tỉnh Tây và Tây Nam Trung Quốc và các tỉnh Đại Liên, Thanh Đảo.

- *Nhóm hàng công nghiệp*: Do gặp thuận lợi về mở rộng quy mô sản xuất, đồng thời nâng cao giá trị gia tăng nhờ đổi mới công nghệ (đặc biệt thông qua hoạt động của các dự án đầu tơ trực tiếp nơớc ngoài sẽ bắt đầu đi vào hoạt động trong giai đoạn này) nên xuất khẩu có xu hơớng tăng nhanh cả về tốc độ tăng trơởng và tỷ trọng xuất khẩu trong tổng kim ngạch xuất khẩu, dự kiến tỷ trọng chiếm khoảng từ 8,5% (năm2006) lên 18% (năm 2010) và 27% (năm 2015).[1]

Tuy nhiên, ta cần chú trọng những mặt hàng mà Trung Quốc gặp khó khăn về nguyên liệu nhơng có nhu cầu nhập khẩu lớn nhơ dây điện và dây cáp điện các loại, sản phẩm gỗ cao cấp. Thị trơởng chủ yếu của mặt hàng này là các tỉnh Tây, Tây Nam và miền Đông Trung Quốc.

- *Nhóm những mặt hàng mới*: đây là nhóm mặt hàng tạo nên những điểm tăng trơởng xuất khẩu mới sang Trung Quốc. Ngoài những mặt hàng khoáng sản nhơ Bốc xít Alumina và quặng sắt và những mặt hàng ta có thể phát triển từ những mặt hàng tiềm năng của ta thì nhóm các mặt hàng đơợc các nhà đầu tơ nơớc ngoài sản xuất ra là cực kỳ quan trọng trong đó các sản phẩm mà các nơớc và vùng lãnh thổ nhơ Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan,

Singapore, úc, Pháp, Đức hiện đang xuất khẩu vào Trung Quốc nay có nhu cầu chuyển giao sản xuất ra nơớc ngoài vào đầu tơ tại ở Việt Nam để sản xuất và xuất khẩu những sản phẩm có chất lơợng cao mà thị trơờng Trung

[1] Vụ châu á - Thái Bình Dương, Bộ Công thương (2007), *Dự thảo Đề án phát triển xuất nhập khẩu hàng hoá với Trung Quốc giai đoạn 2007- 2015.*

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Quốc có nhu cầu nhập khẩu rất lớn nhợ: các loại sản phẩm cao su, sản phẩm nhựa, công nghệ viễn thông, phần mềm tin học, máy vi tính, linh kiện điện tử, nhôm và các sản phẩm từ nhôm, giấy cao cấp, kính và gợơng kính cao cấp, sợi hoá học, tân dợợc.

Dự kiến kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng hiện các nợớc đang xuất khẩu vào Trung Quốc do FDI đầu tợ sản xuất tại Việt Nam mang lại: năm 2010 đạt khoảng 420-450 triệu USD; năm 2015 đạt khoảng 900-1000 triệu USD.

Thị trợờng nhóm mặt hàng này chủ yếu là các tỉnh Vân Nam, Quảng Tây và các tỉnh miền Đông Trung Quốc.

(b) Định hướng nhập khẩu

Trong giai đoạn 2007-2015, nhập khẩu của Việt Nam từ thị trợờng Trung Quốc vẫn tăng mạnh do mở cửa thợơng mại và nhu cầu nguyên liệu, thiết bị, máy móc của ta vẫn còn lớn. Sẽ có sự chuyển giao công nghệ từ Trung Quốc sang Việt Nam trong những ngành sử dụng nhiều lao động nhợ dệt may, da giày, lắp ráp điện tử. Dự báo, tốc độ tăng nhập khẩu vẫn ở mức cao từ nay cho đến 2015, trong đó giai đoạn 2007-2010 tợng cao hơn. Dự kiến tốc độ tăng trợởng bình quân khoảng 17%/năm.[1]

Định hợớng chung cho từng nhóm hàng nhập khẩu từ Trung Quốc trong giai đoạn 2007-2015 nhợ sau:

- *Nhóm hàng nguyên nhiên liệu, vật tư:* Chiếm tỷ trọng lớn khoảng 50% trong tổng kim ngạch nhập khẩu từ Trung Quốc giai đoạn 2001-2006 và sẽ tiếp tục tăng nhợng chậm và chiếm tỷ trọng khoảng 60% trong giai đoạn 2007-2015 . Do nhóm hàng này là nhóm hàng nguyên nhiên liệu thiết yếu phục vụ cho sản xuất, tiêu dùng, phát triển kinh tế của nợớc ta, đồng thời là

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

[1] Vụ châu á - Thái Bình Dương, Bộ Công thương (2004), *Định hướng và giải pháp phát triển xuất khẩu hàng hoá Việt Nam sang Trung Quốc giai đoạn 2006-2010.*

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

các sản phẩm mà trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất nhưng không đủ đáp ứng nhu cầu trong nước.

- *Nhóm hàng công nghiệp:* trong giai đoạn 2007-2015 Việt Nam sẽ tiếp tục nhập khẩu nhiều mặt hàng công nghiệp từ Trung Quốc và tỷ trọng nhập khẩu nhóm hàng này trong tổng nhập khẩu từ Trung Quốc sẽ tăng từ 25% lên 30%. Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là: hoá chất, phân bón các loại, sắt thép các loại, máy móc thiết bị phụ tùng các loại, ôtô…,

- *Nhóm hàng tiêu dùng:* nhóm hàng này có khả năng tăng nhập khẩu và chiếm tỷ trọng từ 15% do nhập khẩu ôtô dự báo sẽ tăng mạnh trong giai đoạn tới.

Trong giai đoạn 2007-2015, việc nhập khẩu hàng hoá từ Trung Quốc sẽ tiếp tục tăng mạnh. Do đó ta cần phải có định hướng cụ thể về hoạt động nhập khẩu hàng hoá từ Trung Quốc để đảm bảo chất lượng hàng hoá nhập khẩu, lành mạnh hoá thị trường nhập khẩu bằng việc xây dựng các quy chuẩn cụ thể cho các loại hàng hoá, công nghệ, máy móc cụ thể khi nhập khẩu vào Việt Nam và giao cho các cơ quan/đơn vị có chức năng xây dựng, quản lý các quy chuẩn này tiến hành quản lý chặt theo các tiêu chuẩn quốc tế sẽ được xây dựng.

(c) Định hướng về xử lý nhập siêu

Do nhu cầu của ta về nhập khẩu các loại hàng hoá từ Trung Quốc còn rất lớn và cùng với việc miễn giảm thuế theo khuôn khổ ACFTA, hàng nhập khẩu từ Trung Quốc sẽ tiếp tục tăng mạnh, trong khi xuất khẩu của ta tăng có mức độ và các giải pháp hạn chế nhập siêu chưa thể phát huy tốt hiệu quả thì tình hình nhập siêu từ Trung Quốc giai đoạn 2007-2015 chưa thể có sự thay đổi lớn thậm chí còn tăng đến 2015. Như vậy, ta chỉ có thể đặt vấn đề là không để nhập siêu từ Trung Quốc tăng quá mức mà ta có thể chấp nhận.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Nhằm kiềm chế nhập siêu từ Trung Quốc trong giai đoạn 2007-2015, ta cần và có thể áp dụng cùng lúc 2 hợớng sau, đó là tiết chế nhập khẩu và đẩy

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

mạnh xuất khẩu trong đó, đẩy mạnh xuất khẩu là biện pháp chủ yếu để giảm nhập siêu.

(2) Định hướng phát triển hoạt động đầu tư:

Hoạt động đầu tư giai đoạn 2007-2015 chủ yếu vẫn là thu hút đầu tư của Trung Quốc sang Việt Nam, phát triển một số ngành nghề lĩnh vực mà Việt Nam có thế mạnh, phục vụ cho tiêu dùng trong nước thay thế nhập khẩu và để xuất khẩu. Đặc biệt trong thời gian tới, một số ngành công nghiệp của Trung Quốc phát triển bão hòa, vì vậy Trung Quốc sẽ chuyển hướng đầu tư sang nước ngoài, trong đó có Việt Nam – thị trường nhân lực dồi dào, giá rẻ.

(3) Định hướng phát triển hợp tác công nghệ

Trong giai đoạn 2008-2015, định hướng phát triển hợp tác công nghệ Việt Nam – Trung Quốc sẽ tiếp tục được củng cố. Lĩnh vực hợp tác chủ yếu vẫn là lĩnh vực nông nghiệp. Tuy nhiên trong thời gian tới, hai nước sẽ hợp tác xây dựng các khu nông nghiệp công nghệ cao ở miền Bắc và miền Nam Việt Nam

(4) Định hướng phát triển du lịch

Du lịch Việt Nam – Trung Quốc được dự đoán sẽ còn phát triển nhanh trong thời gian tới. Trong giai đoạn 2008 – 2015, do thu nhập của người dân tăng cao, nhu cầu du lịch nước ngoài của người dân Việt Nam cũng phát triển. Trung Quốc là một địa điểm lý tưởng để lựa chọn. Không khó để nhận định rằng Trung Quốc sẽ tiếp tục giữ vị trí số một trong các địa điểm du lịch của du khách Việt Nam.

Thu hút du khách Trung Quốc vào Việt Nam không tách rời khỏi chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2015. Với việc đa dạng hóa các sản phẩm du lịch như tham quan, du lịch sinh thái, du lịch thương mại công vụ; nâng cấp các tuyến đường QL1, QL18, các hành lang kinh tế Quảng Ninh – Trung Quốc, Hà Nội – Lạng Sơn – Trung Quốc... Việt Nam hi vọng sẽ thu hút

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

đợợc nhiều hơn nữa khách du lịch Trung Quốc, góp phần vào mục tiêu thu hút 6 triệu khách du lịch quốc tế đến năm 2010.

3.3 MỘT SỐ BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN QUAN HỆ HỢP TÁC KINH TẾ THƠỢƠNG MẠI VIỆT NAM – TRUNG QUỐC ĐẾN NĂM 2015

3.3.1 Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý cho hợp tác kinh tế thợơng mại Việt Nam – Trung Quốc

Giai đoạn 2001 - 2006 hai nợớc đã ký đợợc mộtsố văn bản quan trọng đảm bảo tính pháp lý và tạo điều kiện thuận lợi cho hàng xuất khẩu của ta sang Trung Quốc. Tính đến năm 2006, liên quan đến lĩnh vực thợơng mại có tất cả hơn 10 Hiệp định song phợơng và còn nhiều Thoả thuận đợợc ký kết giữa các bộ/ngành hai nợớc. Tới đây, nhiều hiệp định, thoả thuận hợp tác kinh tế, thợơng mại sẽ đợợc ký kết. Việc Việt Nam gia nhập WTO, cùng với Hiệp định ACFTA có hiệu lực và chợơng trình hợp tác "Hai hành lang, một vành đai kinh tế", hệ thống hành lang pháp lý cho phát triển quan hệ kinh tế, th-ơơng mại giữa hai nợớc khá hoàn chỉnh. Theo đó, trong giai đoạn 2007-2015, mức thuế quan giữa hai nợớc sẽ giảm mạnh, thợơng mại giữa hai nợớc sẽ thay đổi theo hợớng giảm tỷ trọng thợơng mại tiểu ngạch và tăng cợờng thợơng mại chính ngạch, và quan hệ thợơng mại sẽ bình đẳng hơn.

Nhợ vậy, trong giai đoạn này, hành lang pháp lý thợơng mại giữa Việt Nam và Trung Quốc đã trở nên rất đầy đủ và sâu rộng, tuy nhiên cần tiếp tục hoàn thiện để tạo thuận lợi hơn cho thợơng mại hai nợớc. Cụ thể:

- Rà soát lại những Hiệp định đã ký kết giữa hai bên để có những điều chỉnh cần phù hợp với các can kết quốc tế (WTO, ACFTA), đồng thời nâng cao tính hiệu lực của các điều khoản đã cam kết. Trợớc mắt cần hoàn thiện và chi tiết hoá những quy định quản lý cụ thể trong Hiệp định buôn bán qua biên giới Việt - Trung năm 1998 , chẳng hạn nhợ Hiệp định về thanh toán ngân hàng, Hiệp định về hỗ trợ tợ pháp, Hiệp định về phối hợp kinh tế thợơng

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

mại… để bảo đảm sự phát triển ổn định của quan hệ kinh tế- thương mại giữa hai bên trên cơ sở luật pháp.

- Điều chỉnh và bổ sung các chính sách giữa Việt Nam và Trung Quốc theo hướng tạo cơ chế mở hơn nữa cho hoạt động thương mại trên hành lang như dành ưu đãi đặc biệt cho các hoạt động thương mại, sản xuất, đầu tư..., bao gồm cung cấp kết cấu hạ tầng, đơn giản các thủ tục, nới lỏng hạn ngạch xuất nhập khẩu, các quy định quản lý cửa khẩu, hải quan...

- Hoàn thiện chính sách thuế tạo môi trường thuận lợi cho thương mại và đầu tư. Trước hết cần áp dụng giá thuê đất ở mức thấp nhất và miễn giảm thuế 15 năm đầu đối với những công trình ở vùng núi phía Bắc. Thực hiện nghiêm túc lịch trình cắt giảm thuế theo ACFTA có tính đến những ưu đãi nhất định đối với khu vực kém phát triển.

- áp dụng chính sách ưu đãi tài chính đối với vùng kinh tế cửa khẩu. Chính sách ưu đãi tài chính hiện nay mới chỉ thực hiện ở các vùng cửa khẩu ở Lào Cai được hưởng các chính sách thí điểm. Cần nhanh chóng tổng kết kinh nghiệm để tiến tới vận dụng ở các vùng cửa khẩu khác. Những ưu tiên về tài chính trước hết nên dành cho kết cấu hạ tầng như cửa khẩu, kho tàng, bến bãi, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và cụm dân cư biên giới. Trong những năm trước mắt, tuỳ theo kết quả thu thuế xuất nhập khẩu, một phần thu từ chống buôn lậu qua biên giới của từng địa phương mà cho phép được để lại từ 50% đến 100% giá trị thu tại khu vực. Để phát huy nội lực, ngoài các nguồn hỗ trợ từ ngân sách và các ưu đãi khác, cần có chính sách khuyến khích ưu tiên để thu hút nguồn vốn trong nước vào phát triển khu vực biên giới.

- Cải thiện hệ thống thanh toán. Đến nay, ngân hàng mới thực hiện được chức năng thanh toán ngoại thương ở các cửa khẩu phía Bắc từ 5-10%

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

tổng nhu cầu phải thanh toán, chọa giữ đọợc vai trò chủ đạo trên thị trọờng tiền tệ biên giới, chủ yếu vẫn thông qua hoạt động đổi tiền của tọ nhân tại các cửa khẩu, hoặc chợ biên giới. Hình thức thanh toán chủ yếu ở khu vực cửa

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

khẩu là tiền mặt. Trong bối cảnh hình thành khu vực mậu dịch tự do, hình thức thanh toán hiện nay sẽ kìm hãm tốc độ giao dịch thơ ơng mại. Chính vì vậy, cần thiết phải thiết lập hệ thống thanh toán và hợp tác giữa ngân hàng hai bên. Trơ ớc mắt, ngành ngân hàng khẩn trơ ơng xây dựng quy chế hoạt động tiền tệ trên biên giới. Các ngân hàng thơ ơng mại cần tiếp tục mở rộng quan hệ đại lý với các ngân hàng Trung Quốc. Ngành ngân hàng cần tích cực tìm kiếm biện pháp đơ a hầu hết các hoạt động xuất nhập khẩu trên biên giới (trừ trao đổi hàng hoá cơ dân biên giới) qua thanh toán ngân hàng và tổ chức hệ thống đổi tiền thuận tiện, có chính sách quản lý tỷ giá linh hoạt, phù hợp với thị trơ ờng tiền tệ. Phấn đấu để đơ a tiền Việt Nam thành đồng tiền chuyển đổi trên tài khoản vãng lai.

- Tăng cơ ờng sự phối hợp trao đổi định kỳ các biện pháp quản lý và giám sát buôn bán biên giới nhơ kiểm định chất lơ ợng, kiểm dịch, phơ ơng thức thanh toán… nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hai nơ ớc trao đổi hàng hoá.

3.3.2 Thu hút đầu tơ từ Trung Quốc và các nơ ớc khác để phát triển sản xuất thay thế nhập khẩu

Đây là một trong biện pháp quyết định để nâng cao tỷ trọng xuất khẩu hàng công nghiệp chế biến của Việt Nam tại Trung Quốc. Kinh nghiệm thành công của các nơ ớc khác nhơ Thái Lan, Malaysia tại thị trơ ờng Trung Quốc cho thấy điều này. Tuy nhiên vấn đề đặt ra không phải tăng vốn đầu tơ đơn thuần mà công nghệ, kinh nghiệm quản lý phải đơ ợc chuyển giao đến các doanh nghiệp trong nơ ớc nhơ một số nơ ớc, mà điển hình là Trung Quốc đã làm. Nếu tăng FDI mà các doanh nghiệp Việt Nam vẫn đứng ngoài hệ thống kinh doanh toàn cầu (các tập đoàn xuyên quốc gia, TNC) thì lợi ích có đơ ợc từ việc thu hút FDI rất hạn chế. Từ trơ ớc đến nay chúng ta thu hút FDI bằng các biện pháp khuyến khích, ơ u đãi và dòng FDI chủ yếu tập trung vào các ngành có lợi thế về lao động rẻ. Kinh nghiệm các nơ ớc cho thấy lợi ích thu

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

đợợc từ việc thu hút FDI theo cách nhợ vậy rất hạn chế đối với nợớc nhận đầu tợ. Vấn đề đặt ra là cải thiện môi trợờng kinh doanh, tạo dựng thị trợờng hấp dẫn cho các doanh nghiệp FDI, cải cách doanh nghiệp trong nợớc theo hợớng thích nghi với cạnh tranh và hợp tác, đào tạo nguồn nhân lực có chất lợợng cao.

Hiện nay, Việt Nam đang thua kém các nợớc trong lĩnh vực thu hút FDI do nguồn nhân lực của ta chợa đáp ứng yêu cầu của các nhà đầu tợ nợớc ngoài. Phải chuyển từ cạnh tranh thu hút FDI bằng giá nhân công rẻ sang cung cấp nguồn nhân lực có chất lợợng cao. Hiện tại các doanh nghiệp nợớc ngoài ở Việt Nam sử dụng tới 300 nghề và nhóm nghề khác nhau nhợng các trợờng dạy nghề của ta chỉ đào tạo đợợc 60 nghề. Tình trạng thiếu nhân lực tại các khu công nghiệp, khu chế xuất trên cả nợớc đã đến mức báo động.

Một biện pháp khác để thu hút vốn FDI là phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ. Sự yếu kém của các ngành công nghiệp phụ trợ nợớc ta là một trong những nguyên nhân hạn chế thu hút FDI. Các tập đoàn xuyên quốc gia hiện nay đều muốn xây dựng một hệ thống sản xuất mang tính liên hoàn, các công đoạn sản xuất bổ sung cho nhau và đặt trong một không gian nhất định. Các ngành công nghiệp phụ trợ sẽ giúp vận hành hệ thống này một cách linh hoạt và hiệu quả. Việt Nam chợa có đợợc các ngành công nghiệp phụ trợ nhợ vậy.

Một thực tế là, do cơ cấu kinh tế và thị trợờng có nhiều điểm tợơng đồng, Trung Quốc và ASEAN (bao gồm cả Việt Nam) ít có khả năng tiếp cận thị trợờng đầu tợ của nhau. Do vậy, việc triển khai AFTA, ACFTA cũng nhợ các cơ chế hợp tác đầu tợ khác sẽ có tác dụng chủ yếu trong việc nâng cao sức hấp dẫn và cạnh tranh thu hút dòng đầu tợ nợớc ngoài nói chung vào từng nợớc và toàn khu vực hơn là thúc đẩy đầu tợ nội bộ giữa các nợớc trong khu vực.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Mặt khác, thực tiễn thu hút đầu tơ nơớc ngoài trong thời gian qua cũng cho thấy, Trung Quốc và ASEAN chơa phải là các đối tác trọng điểm của Việt Nam trong thu hút nguồn vốn, công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, đồng thời cũng là những đối thủ cạnh tranh với Việt Nam trong thu hút đầu tơ trực tiếp nơớc ngoài. Vì vậy cần:

-Tận dụng tối đa khung pháp lý pháp lý thuận lợi về thơơng mại, đầu tơ đã đơợc hình thành trong nội bộ ASEAN cũng nhơ giữa ASEAN với Trung Quốc để đẩy mạnh thu hút đầu tơ nơớc ngoài nói chung và đầu tơ của các đối

tác này nói riêng. Theo đó, bên cạnh việc các hoạt động tuyên truyền nhằm nâng cao hiểu biết của nhà đầu tơ Trung Quốc, ASEAN về các cam kết thuận lợi của Việt Nam về mở cửa thị trơờng và tự do hoá đầu tơ, cần tăng cơờng quan hệ hợp tác xúc tiến đầu tơ cả trong khuôn khổ song phơơng và đa phơơng, đặc biệt trong khuôn khổ ASEAN, ACFTA, APEC, ASEM.

-Kết hợp vận động công ty vừa và nhỏ của Trung Quốc, ASEAN với việc tạo điều kiện thu hút các công ty lớn, tập đoàn xuyên quốc gia đặc biệt là các tập đoàn có trụ sở tại Singapore, Malaysia, Thái Lan, đầu tơ vào Việt Nam nhằm tạo cầu nối về thị trơờng xuất khẩu và đơa Việt Nam vào hệ thống sản xuất trong khu vực của các tập đoàn này. Mặt khác, trong bối cảnh tình hình chính trị, kinh tế, xã hội ở một số nơớc trong khu vực mất ổn định, cần có kế hoạch vận động các công ty, tập đoàn quốc gia chuyển hơớng đầu tơ vào Việt Nam.

-Tăng cơờng vận động các dự án đầu tơ mới của Trung Quốc, ASEAN, đồng thời tiếp tục vận động các nhà đầu tơ đã hoạt động tại Việt Nam thực hiện các dự án đầu tơ mới và/hoặc mở rộng quy mô dự án đã đơợc cấp giấy phép; coi những tiến bộ trong việc cải thiện môi trơờng đầu tơ và những mô hình thành công trong hoạt động đầu tơ nơớc ngoài tại Việt Nam là nhân tố quan trọng, có sức thuyết phục nhất để thu hút các nhà đầu tơ mới.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Trên tổng thể, việc thu hút đầu tợ của Trung Quốc và ASEAN cần hợớng vào các dự án mà các nợớc và khu vực này có thế mạnh và kinh nghiệm, chú trọng vào các dự án vừa và nhỏ sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến nông - lâm - hải sản xuất khẩu, khai thác, chế biến khoảng sản có giá trị gia tăng cao... Căn cứ vào lĩnh vực thu hút đầu tợ của Việt Nam cũng nhợ tiềm năng của các nhà đầu tợ Trung Quốc, ASEAN, có thể xác định các ngành mục tiêu nhợ sau (theo thứ tự ợu tiên):

- Nông, lâm, ngợ nghiệp và chế biến nông sản, thực phẩm: Các nhà đầu tợ ASEAN và Trung Quốc đều có khả năng đầu tợ trong các ngành này do công nghệ chế biến thích hợp, thị trợờng trong nợớc cũng nhợ xuất khẩu đều có tiềm năng rất lớn. Đặc biệt, nhu cầu tiêu thụ của Trung Quốc đối với các

loại rau, hoa quả và nông sản chế biến tại thị trợờng Việt Nam ngày càng tăng trong những năm gần đây. Do vậy, bên cạnh việc tăng cợờng xuất khẩu các sản phẩm này nhằm tận dụng các lợi thế về tiếp cận thị trợờng đã đạt đợợc trong khuôn khổ AFTA, ACFTA, cần tập trung thu hút đầu tợ của Trung Quốc và ASEAN vào các dự án nuôi, trồng các loại nông, lâm, thuỷ sản gắn với chế biến, đặc biệt là các dự án chế biến sản phẩm có giá trị gia tăng cao, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu...tại các địa bàn có điều kiện tự nhiên và khí hậu thích hợp.

- Công nghiệp dệt, may, giày dép: Dệt may và giày dép là các ngành công nghiệp có lợi thế phát triển và tiềm năng xuất khẩu lớn, thu hút nhiều lao động. Hiện nay, một số dự án đầu tợ của ASEAN trong các ngành này đang đợợc triển khai có hiệu quả, góp phần tăng năng lực xuất khẩu của Việt Nam. Do vậy, cần tiếp tục thu hút các nhà đầu tợ ASEAN để đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm này, đáp ứng tốt hơn nhu cầu trong nợớc và từng bợớc tham gia vào mạng lợới phân phối toàn cầu của các tập đoàn xuyên quốc gia. Tuy nhiên, cần có giải pháp

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

nâng cao hiệu quả đầu tợ của ASEAN trong các ngành này nhằm chuyển dịch về cơ bản cơ cấu sản phẩm theo hợớng sản xuất các

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

loại hàng mốt thời trang, tăng dần sản phẩm có giá trị cao và tỷ lệ nội địa hoá trong sản phẩm xuất khẩu.

- Công nghiệp điện tử: Tuy không phải là các đối tác có công nghệ nguồn trong lĩnh vực này, nhơng do đã có thời gian dài tiếp nhận đầu tơ và công nghệ cao của các tập đoàn xuyên quốc gia từ Nhật Bản, Hoa Kỳ và EU nên một số nơớc ASEAN (Singapore, Malaysia, Thái Lan), đã có kinh nghiệm phát triển ngành công nghiệp điện tử và có khả năng đầu tơ ra nơớc ngoài. Do vậy, có thể vận động các đối tác này đầu tơ vào các dự án sản xuất thiết bị điện tử, linh kiện máy tính và điện tử dân dụng để mở ra khả năng hợp tác sản xuất quy mô lớn, phục vụ lắp ráp hàng điện tử dân dụng trong nơớc và xuất khẩu. Mặt khác, cần xúc tiến triển khai các dự án sản xuất hệ thống điều khiển tự động hoá phục vụ cho các ngành công nghiệp hiện đang đơợc ứng dụng rộng rãi trên thế giới.

- Công nghệ thông tin: Đây cũng là ngành một số nơớc ASEAN có thế mạnh, đặc biệt là Singapore và Malaysia. Tuy nhiên, trong thời gian qua, các dự án đầu tơ trong lĩnh vực này hoạt động rất khó khăn, tỷ lệ thành công thấp do dung lơợng thị trơờng Việt Nam còn quá nhỏ bé, chịu ảnh hơởng của tình trạng suy thoái công nghệ thông tin toàn cầu và nạn xâm phạm bản quyền còn rất nghiêm trọng. Do đó, bên cạnh việc hoàn thiện khung pháp lý về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, cần có giải pháp vận động các đối tác này thực hiện các dự án gia công phần mềm xuất khẩu, sản xuất hệ thống điều khiển tự động hoá phục vụ cho các ngành công nghiệp... Các dự án này cần tập trung tại các khu công nghiệp phần mềm, khu công nghệ cao và ở các thành phố lớn.

- Công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản: Trong những năm qua, ngành khai thác khoáng sản đạt đơợc tốc độ tăng trơởng cao. Sản lơợng khoáng sản khai thác và tiêu thụ (nhơ dầu thô, than đá, quặng sắt...) tăng cao do nhu cầu trong nơớc và thế giới tăng mạnh, nhất là thị trơờng Trung Quốc. Tuy nhiên, công nghiệp khai khoáng nơớc ta còn ẩn chứa yếu tố chơa bền

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

vững thể hiện ở năng lực chế biến sâu còn hạn chế, chưa trở thành ngành sản xuất nguyên liệu cho các ngành công nghiệp trong nước. Mặt khác công tác quản lý Nhà nước về khai thác khoáng sản còn nhiều bất cập do một số loại khoáng sản được xuất khẩu ở dạng thô nên giá trị không cao, lãng phí tài nguyên quốc gia.

- Xây dựng hạ tầng và kinh doanh bất động sản: Do thị trường Việt Nam còn nhiều tiềm năng và có xu hướng ngày càng mở rộng do những cải thiện gần đây trong chính sách khuyến khích đầu tư tư nhân vào lĩnh vực này, các nhà đầu tư ASEAN và Trung Quốc đều tiếp tục quan tâm đầu tư vào các dự án xây dựng công trình kết cấu hạ tầng, khu đô thị mới, khách sạn, văn

phòng cho thuê... Do vậy, có thể thu hút đầu tư của ASEAN và Trung Quốc để phát triển khu đô thị mới và một số công trình kết cấu hạ tầng với quy mô vừa và nhỏ, thích hợp với khả năng tài chính và công nghệ của các đối tác này.

3.3.3. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế để tận dụng lợi thế cạnh tranh trong thương mại với Trung Quốc

Xuất khẩu những mặt hàng có xu hướng bổ sung nhưng hàng nông nghiệp và tài nguyên thiên nhiên như dầu cọ, cao su, gỗ, dầu thô và gas, và rất nhiều loại sản phẩm nông nghiệp và hải sản khác sẽ tăng lên trong khi xuất khẩu những ngành công nghiệp cạnh tranh với Trung Quốc trên thị trường như dệt may, da giầy, và những hàng hoá sử dụng nhiều lao động khác sẽ có xu hướng giảm khi Trung Quốc tăng trưởng. Như vậy, xét từ khía cạnh lợi thế so sánh, Việt Nam có thể trở thành nước cung cấp sản phẩm sử dụng tài nguyên thiên nhiên cho thị trường Trung Quốc và nhập khẩu hàng công nghiệp.

Thứ nhất, trong những ngành có hàm lượng lao động cao mà hiện nay cả Trung Quốc và Việt Nam đang cạnh tranh tại thị trường ở các nước thứ ba,

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

cần nhanh chóng tăng năng suất lao động để giữ cho tiền lợơng năng suất (Efficiency wage, tức tiền lợơng danh nghĩa chia cho năng suất lao động) ở

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

mức thấp và mặt khác, tăng hàm lợợng tri thức trong sản phẩm cuối cùng để tạo nên những mặt hàng có nét độc đáo. Chẳng hạn, tăng tính thời trang trong hàng may mặc, nhấn mạnh sự quan trọng của kiểu dáng, sự tiện dụng trong sản phẩm tạp hoá, đồ dùng trong nhà, văn phòng...

Thứ hai, nỗ lực chuyển dịch cơ cấu công nghiệp nhanh chóng xác lập lợi thế so sánh trong những ngành liên quan đến máy móc. Phạm vi các ngành này rất rộng và có thể chia làm hai nhóm chính có vị trí ngày càng quan trọng trong ngoại thợơng và phân công lao động quốc tế. Nhóm thứ nhất là các loại máy móc dùng trong gia đình và văn phòng nhợ công nghệ thông tin phần cứng (máy tính, điện thoại di động, máy in, máy fax, linh kiện và bộ phận điện tử...), đồ điện, điện tử gia dụng. Trung Quốc có lợi thế so sánh hơn trong nhóm này.

Một trong những biện pháp thúc đẩy kinh tế thợơng mại Việt Nam - Trung Quốc là đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát huy lợi thế so sánh để khai thác khu vực thị trợờng mở ASEAN - Trung Quốc. Qua phân tích thực trạng thợơng mại giữa ASEAN và Trung Quốc, ASEAN và Việt Nam, Trung Quốc và Việt Nam, có thể dễ dàng nhận thấy rằng hàng hoá trao đổi thợơng mại giữa hai khu vực tập trung chủ yếu vào hai nhóm chính. *Nhóm thứ nhất* hàng chế biến sử dụng nhiều lao động với công nghệ trung bình nhợ điện tử, hàng gia dụng, phợơng tiện giao thông, máy móc thiết bị công nghiệp và nông nghiệp. *Nhóm thứ hai* là các mặt hàng có nguồn gốc thiên nhiên nhợ nông sản, thuỷ sản, lâm sản, khoáng sản. Cơ cấu xuất khẩu trong nội bộ khu vực ASEAN - Trung Quốc trong những năm gần đây cho thấy các nợớc ASEAN-6 và Trung Quốc xuất khẩu chủ yếu các sản phẩm nhóm thứ nhất. Các nợớc ASEAN-4 xuất khẩu chủ yếu các sản phẩm nhóm thứ hai và nhập khẩu chủ yếu nhóm thứ nhất. Nhợ vậy, các nợớc với trình độ phát triển khác nhau trong khu vực có thể tận dụng sự khác biệt nói trên để bổ sung cho nhau.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Việt Nam đang có lợi thế xuất khẩu các mặt hàng nông sản, thuỷ sản, khoáng sản. Chơơng trình thu hoạch sớm sẽ tạo thêm điều kiện cho Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng này.

Lợi thế về các mặt hàng có nguồn gốc tự nhiên mà Hiệp định ACFTA danh cho Việt Nam chỉ có tác dụng trong ngắn hạn để nơớc ta có thể tham khu vực mậu dịch tự do với lợi thế lớn nhất. Tuy nhiên, lợi thế về tự nhiên sẽ mất đi trong dài hạn. Vì vậy, Việt Nam cần tính đến chuyển dịch cơ cấu sản xuất hàng xuất khẩu sang khu vực công nghiệp chế biến để tham gia vào chuỗi giá trị sản phẩm của khu vực. Đồng thời chờ cơ hội tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ các nơớc phát triển hơn ở những lĩnh vực sản xuất dựa vào lợi thế về lao động nhơ các nơớc ASEAN và Hàn Quốc trơớc đây tiếp nhận từ Nhật Bản.

Trong quan hệ thơơng mại với Trung Quốc, Việt Nam cũng là nơớc có lợi thế về thơơng mại hàng nông sản, thuỷ sản, khoáng sản. Tuy nhiên để đạt đơợc cân bằng thơơng mại và cạnh tranh đơợc với hàng hoá của Trung Quốc và các nơớc trong ASEAN, cần tranh thủ lợi thế này để đầu tơ vào những mặt hàng chế biến có giá trị gia tăng cao. Thu hút đầu tơ nơớc ngoài và nâng cao trình độ lao động là những biện pháp để thực hiện định hơớng nói trên.

Một vấn đề khác nhằm duy trì và đứng vững trên thị trơờng Trung Quốc là củng cố, đẩy mạnh xuất khẩu những mặt hàng chủ lực đang xuất khẩu và đã đứng chân đơợc tại thị trơờng Trung Quốc, tiếp tục nghiên cứu mở rộng mặt hàng để có đầu tơ dài hạn. Nâng cao trình độ chế biến sâu các mặt hàng mà hiện nay ta còn xuất khẩu ở dạng thô hoặc ở trình độ chế biến chơa sâu. Khai thác tiềm năng xuất khẩu những mặt hàng mới theo hơớng bao gồm những mặt hàng ta có tiềm năng nhơng chơa đơợc khai thác và những mặt hàng có đơợc do FDI mang lại, trong đó đặc biệt từ các nơớc hiện đang xuất khẩu các mặt hàng này sang Trung Quốc mà tới đây có thể chuyển sản xuất ra nơớc ngoài.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

3.3.4. Nâng cao khả năng tiếp cận thị trường của các doanh nghiệp Việt Nam

(1) Lựa chọn nguồn hàng xuất khẩu

Trước mắt doanh nghiệp cần tập trung vào một số biện pháp sau đây:

- Đối với những mặt hàng hiện nay nước ta đang có thế mạnh và được thị trường Trung Quốc chấp nhận như thuỷ sản, cao su, dầu thô, dược liệu cần nâng cao chất lượng hơn nữa, cải tiến kỹ thuật canh tác, khai thác và chế biến để hạ giá thành, nâng cao năng suất để tạo ra nguồn hàng có quy mô lớn, chất lượng cao, từng bước cải thiện thị phần ở thị trường Trung Quốc.

- Đối với một số mặt hàng có triển vọng cung cấp cho vùng biên giới và Tây Nam Trung Quốc như bột giặt, đồ gỗ gia dụng, nông sản và hàng công nghiệp như quần áo dệt kim, giầy dép, sản phẩm nhựa... cần đẩy mạnh xúc tiến thương mại, nghiên cứu thị trường, cải tiến mẫu mã, giảm giá thành để có thể cạnh tranh với hàng Trung Quốc.

- Từng bước hạn chế và tiến tới ngừng xuất khẩu nguyên liệu thô, các sản phẩm thô. Cần đầu tư công nghệ để nâng cao giá trị gia tăng của những mặt hàng này.

- Trong khi xây dựng mặt hàng xuất khẩu, cần tính đến việc Hiệp định về khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc, đặc biệt là Chương trình thu hoạch sớm để tận dụng được cơ hội đẩy mạnh xuất khẩu và tiếp nhận đầu tư.

- Xác định khai thác dịch vụ quá cảnh, chuyển khẩu, phát triển du lịch là mục tiêu chủ yếu, do vậy, doanh nghiệp nên tập trung vào việc đào tạo đội ngũ công nhân lành nghề, các nhà quản lý giỏi, thiết lập bộ máy và tổ chức hiệu quả để phát triển dịch vụ.

(2) Nâng cao sức cạnh tranh của hàng hoá và dịch vụ

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

- Cập nhật đầy đủ thông tin để xác định những lĩnh vực và mặt hàng kinh doanh của Trung Quốc có thể ảnh hợởng đến sản xuất của mình. Trên cơ

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

sở đó điều chỉnh chiến lợợc kinh doanh phù hợp với điều kiện mở cửa thợơng mại.

-Không ngừng cải tiến và nâng cao chất lợợng sản phẩm, đa dạng hoá sản phẩm theo nhu cầu tiêu dùng ngày càng phát triển và nâng cao của xã hội; đầu tợ đổi mới thiết bị để nâng cao chất lợợng sản phẩm, nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành.

- Bằng mọi cách giảm chi phí đầu vào, phấn đấu giảm mọi chi phí để hạ giá thành và bán hàng ra với giá cả cạnh tranh.

- Làm tốt công tác tiếp thị, marketing để đảm bảo cho mình thị trợờng ổn định, lâu dài và ngày càng mở rộng.

Nâng cao trình độ, năng lực kinh doanh, điều hành, quản lý doanh nghiệp, nhất là nâng cao trình độ và kinh nghiệm kinh doanh, điều hành của giám đốc.

Về hàng hoá, cần chú trọng đến bao bì, nhãn mác, áp dụng hệ thống mã vạch phổ cập đối với các hàng hoá xuất khẩu sang Trung Quốc để thuận lợi trong khâu bán lẻ tại các siêu thị, hạ giá thành sản phẩm để có thể cạnh tranh với hàng Trung Quốc, nghiên cứu xây dựng chiến lợợc mặt hàng thích hợp với thị trợờng Trung Quốc trong từng giai đoạn cụ thể.

Về dịch vụ, lợi thế của Việt Nam trong trao đổi thợơng mại với Trung Quốc là các loại hình dịch vụ nhợ vận tải, thông tin, điện, kho vận, cầu cảng, du lịch... Chính vì vậy, các doanh nghiệp cần tập trung khai thác lợi thế này để phát triển các loại hình dịch vụ thích hợp, sử dụng các tuyến Hành lang kinh tế với tính chất là các dịch vụ quá cảnh của hàng Trung Quốc và các nợớc lân cận thông qua cảng biển Hải Phòng.

(3) Mở rộng các phợơng thức hoạt động thợơng mại

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

- Các doanh nghiệp chủ động mở rộng các hình thức hoạt động kinh doanh nhoị tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, lọu kho ngoại quan để quá cảnh hàng hoá XNK.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

- Phát triển các hình thức xuất khẩu dịch vụ nhơ du lịch, vận tải biển và dịch vụ giao nhận hàng quá cảnh và các loại hình dịch vụ khác.

- Để mở rộng các phơơng thức hoạt động thơơng mại và đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, các doanh nghiệp cần tổ chức các công ty con hoặc văn phòng đại diện tại gần cửa khẩu để tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao dịch, mua bán hàng hoá.

- Sử dụng các phơơng thức mua bán và thanh toán linh hoạt, phù hợp với đối tơợng và tính chất mặt hàng xuất nhập khẩu để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Cùng với việc mở rộng mặt hàng kinh doanh xuất nhập khẩu hiện có thế mạnh, doanh nghiệp Việt Nam cần chủ động liên kết với doanh nghiệp Trung Quốc để ký hợp đồng xuất nhập khẩu dài hạn, xây dựng kế hoạch xuất nhập khẩu ổn định.

- Khai thác cơ hội tham gia các hội chợ, triển lãm để giới thiệu mặt hàng của mình, khai thác nguồn hàng của nơớc bạn và phát triển phơơng thức xuất khẩu tại chỗ.

- Tăng cơờng hợp tác theo phơơng thức hơớng về sản xuất hàng xuất khẩu để tăng kim ngạch xuất khẩu.

(4) Tăng cơờng lĩnh vực hợp tác kinh doanh

- Các doanh nghiệp cần xem xét chuyển dần từ buôn bán thuần tuý sang hợp tác liên doanh, sản xuất, lắp ráp tiêu thụ hàng hoá tại thị trơờng hai nơớc và xuất khẩu sang nơớc thứ 3 nhơ liên doanh sản xuất đồ điện gia đình, thức ăn gia súc, giày dép, may mặc, thực phẩm, dơợc phẩm...

- Các doanh nghiệp cần mạnh dạn "đi ra ngoài", mạnh dạn đầu tơ sản xuất và kinh doanh sang nơớc ngoài, tổ chức sản xuất, xây dựng mạng lơới tiêu thụ và huy động vốn, tận dụng nguyên liệu và thị trơờng Trung Quốc.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

- Hình thức hợp tác với Trung Quốc có thể chú ý phát triển kiểu đầu tư trực tiếp, như vậy vừa có thể tránh hàng rào thuế quan, lại có thể tận dụng được ưu thế về tài nguyên.

- Tăng cường hợp tác với Trung Quốc trong các lĩnh vực chế biến hàng nông lâm hải sản để tăng dần tỷ trọng hàng chế biến trong cơ cấu hàng xuất khẩu sang Trung Quốc và mở rộng xuất khẩu sang các thị trường khác.

- Trao đổi khách du lịch của hai bên và nhanh chóng mở một số công trình đầu tư trực tiếp vào lĩnh vực thương mại dịch vụ, thuỷ sản, du lịch và thể thao.

- Trong việc mở rộng và phát triển hợp tác thương mại với Trung Quốc, các doanh nghiệp cần chú ý đẩy mạnh quan hệ buôn bán với các công ty lớn theo tập quán và thông lệ quốc tế.

3.3.5. Mở rộng các hình thức hợp tác kinh tế thương mại với Trung Quốc

Hợp tác về xây dựng cửa khẩu và đường thông thương: Cần tăng cường hơn nữa sự hợp tác về đường sắt, đường bộ, đường sông và đường hàng không. Về đường sắt: chủ yếu là nâng cao năng lực vận chuyển như nâng cấp tuyến đường, bổ sung toa xe, tăng vòng quay. Cải tạo kỹ thuật đường sắt Hà Nội -Côn Minh, Hà Nội – Nam Ninh kết hợp với việc xây dựng đường sắt xuyên á trong tương lai, cố gắng đảm bảo đường sắt này đạt tiêu chuẩn kỹ thuật quốc tế. Về đường bộ, nhanh chóng xây dựng đường bộ cao cấp Côn Minh - Hà Nội, Nam Ninh Hà Nội để khai thông đường ôtô từ các trung tâm kinh tấ Tây Nam Trung Quốc đến Hà Nội và Hải Phòng cho xuất nhập khẩu hàng hoá và hành khách. Về mặt đường thuỷ: tích cực chuẩn bị tốt trước khi khai thông tuyến vận tải đường thuỷ quốc tế trên sông Hồng Hà, đồng thời tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng cửa khẩu, hoàn thiện khả năng của cửa khẩu.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tăng cường hợp tác kỹ thuật và đầu tư: Lấy khoáng sản, nông nghiệp làm trọng tâm hợp tác kinh tế kỹ thuật giữa Trung Quốc và Việt Nam. Phía

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Bắc Việt Nam có nhiều tài nguyên khoáng sản trong khi đó Trung Quốc có năng lực về kim loại mầu, kỹ thuật luyện kim. Sự kết hợp về kỹ thuật và tài nguyên của hai bên sẽ cùng tạo ra một ngành sản xuất có ọu thế mới. Điều kiện tài nguyên nông nghiệp của Trung Quốc cũng giống nhọ của Việt Nam, Trung Quốc có thể phát huy ọu thế tọơng đối mạnh về kỹ thuật nông nghiệp để cung cấp cho Việt Nam các giống cây trồng, lúa gạo, chè, thuốc lá, khoai tây, cũng nhọ cung cấp kỹ thuật trồng trọt và máy móc thiết bị tọơng ứng. Phía Trung Quốc cần khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có thực lực đến Việt Nam đầu tọ xây dựng nhà máy, tham gia đấu thầu về thuỷ điện, đọờng sá, thuỷ lợi tại Việt Nam. Phía Việt Nam cũng cần khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tọ vào Tây Nam Trung Quốc, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi về dịch vụ, khung khổ pháp lý để thu hút đầu tọ từ Trung Quốc.

Hợp tác về du lịch: Tiềm năng du lịch giữa Trung Quốc và Việt Nam rất phong phú, mỗi nơi đều có đặc sắc riêng, bổ sung lẫn nhau. Việt Nam cũng đang cố gắng để trở thành một trung tâm du lịch tại Châu á - Thái Bình Dọơng. Hai bên đang trao đổi và khai thác thị trọờng thế giới và nguồn khách du lịch, hấp dẫn du khách từ nọớc thứ ba. Đây là không gian rộng lớn cho hợp tác phát triển. Hai bên cần phải xây dựng cơ chế hợp tác du lịch, tăng cọờng điều phối cơ cấu du lịch, cùng nhau phối hợp tốt về tuyến du lịch, điểm du lịch, thực hiện bổ sung ọu thế lẫn nhau, nâng cao sự phát triển thị trọờng du lịch mới làm cho du lịch dẫn đọờng cho các ngành có liên quan phát triển theo. Có thể căn cứ theo 3 điều sau để hợp tác và du lịch. Một là, mở rộng du lịch biên giới. Hai là, các nọớc Trung Quốc, Việt Nam, cùng với Myanma, Lào, Campuchia cùng nhau khai thác tiềm năng du lịch của khu vực sông Mê Kông - Lam Thọơng. Ba là, xây dựng vành đai du lịch của vùng Tây Nam Trung Quốc và bán đảo Trung ấn, lấy Vân Nam và Việt Nam làm điểm hội tụ. Hiện nay, từ các thành phố lớn của Trung Quốc đã có các tuyến đọờng bay đi

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Hà Nội, Băng cốc, Viên chăn, Phnômpênh. Tơơng tự Hà Nội và một số thành phố lớn của Việt Nam đã có đơờng bay tới Trung quốc và các nơớc tiểu vùng Mê Kông. Du lịch đơờng bộ phát triển rất nhanh. Đơờng xuyên á và các tuyến đơờng chính nối liền khu vực sẽ là phơơng tiện thuận lợi cho hợp tác phát triển du lịch. Cùng với việc nâng cấp và mở rộng các tuyến đơờng bộ, đơờng sắt, đơờng hàng không và đơờng thuỷ, hợp tác du lịch sẽ là một lợi thế lớn trong hợp tác.

Hợp tác xây dựng hai hành lang kinh tế và một vành đai: Trơớc mắt hai bên cần phối hợp thực hiện các dự án nâng cấp hệ thống giao thông và thông tin trên hành lang kinh tế. Dự án có mục tiêu là xây dựng hành lang quốc tế giữa Tây Nam Trung Quốc và Đông Nam á để hợp nhất với các phần khác của Khu vực thơơng mại tự do ASEAN - Trung Quốc. Vì vậy, kế hoạch này sẽ nhận đơợc những hỗ trợ của tất cả các bên. Một số hạng mục chủ yếu:

- Xây dựng đơờng cao tốc: Tiêu điểm đặt ra là xây dựng cao tốc Côn Minh - Bangkok, Côn Minh - Yangoon và Côn Minh - Hà Nội, nâng cao chất lơợng tất cả các đơờng cao tốc quan trọng tới Đông Nam á và đơờng nối vào hệ thống giao thông của ASEAN đang đơợc xây dựng; Xây dựng đơờng cao tốc Nam Ninh – Lạng Sơn – Hà Nội.

- Xây dựng đơờng sắt: Cố gắng tiến hành xây dựng tuyến đơờng sắt Côn Minh - Hà Nội, Trung Quốc - Myanmar và Trung Quốc - Thái Lan và kết nối với hệ thống giao thông của ASEAN. Hiện tại, ơu tiên cho việc xây dựng một phác thảo mới của tuyến đơờng sắt Côn Minh - Hekou vào năm 2004.

- Xây dựng tuyến đơờng thuỷ: Mở rộng sức chứa tuyến đơờng sông Lancang - MêKong, từ đó hình thành hệ thống giao thông thuỷ - bộ giữa Trung Quốc, Việt Nam và Myanmar, nối liền Lancang - Mekong, sông Hồng, và Irrawaddi với các đơờng khác ở Đông Nam á.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

- Xây dựng đoạờng hàng không: Trong khi cố gắng tăng tốc xây dựng sân bay quốc tế mới Côn Minh, những tuyến đoạờng không mới cần đoạợc mở

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

để nối liền Côn Minh với các thủ đô và thành phố chính của các nước ASEAN, đưa Côn Minh trở thành một cảng hàng không quốc tế quan trọng (chính) đưa Tây Nam Trung Quốc tiến gần hơn với Đông Nam á.

- Xây dựng trung tâm thông tin: Xây dựng website về khu vực thương mại tự do ASEAN - Trung Quốc và đưa ra kế hoạch xây dựng Côn Minh và Hà Nội trở thành Trung tâm thông tin về hợp tác khu vực ASEAN - Trung Quốc.

Kết hợp phát triển mậu dịch biên giới với hợp tác kinh tế: Trọng tâm hợp tác hai bên cần phải chuyển biến sang hợp tác kinh tế. Trung Quốc và Việt Nam đang bước vào thời kỳ điều chỉnh cơ cấu kinh tế, hợp tác toàn diện trên tất cả các lĩnh vực thương mại, đầu tư, dịch vụ, tài chính ngân hàng, viễn thông... Quan hệ thương mại giữa hai bên nếu chỉ bó buộc vào hình thức biên mậu giản đơn như hiện nay (buôn bán nhỏ lẻ dùng tiền mặt) sẽ hạn chế phát triển thương mại và thực hiện khu vực mậu dịch tự do. Chính vì vậy, hai bên cần phải đón đầu các hạng mục hợp tác kinh tế mới, có khả năng dẫn dắt mậu dịch song biên phù hợp với xu thế hội nhập hiện nay.

Tăng cường hợp tác chống buôn lậu và gian lận thương mại. Trước mắt, cần tập trung rà soát, soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác tổ chức, thực hiện đấu tranh chống buôn lậu và gian lận thương mại; phối hợp trong việc trao đổi thông tin nghiệp vụ; xử lý vi phạm; phối hợp trong công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường; phối hợp để kiểm tra, giám sát và xử lý các vi phạm trong nội bộ các lực lượng có chức năng chống buôn lậu; xem xét lại hệ thống thuế và thủ tục hải quan, khắc phục những bất hợp lý trong chính sách thuế và các kẽ hở trong chính sách đang tạo điều kiện cho buôn lậu phát triển; tổ chức tốt hơn công tác thông tin, có nhiều kênh thông tin để chỉ đạo, tổ chức phối hợp giữa các Chi cục, đặc biệt là trên tuyến biên giới' đẩy mạnh và nghiêm túc thực hiện quy chế ghi nhãn hàng hoá, Nhà nước cần quy định nghiêm các doanh nghiệp sản xuất trong nước áp dụng quy

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

chế ghi nhãn hiệu hàng hoá; đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền, hoớng dẫn thoơng nhân cũng nhoơ cho toàn dân hiểu và làm theo pháp luật; tăng coờng và thoờng xuyên tổ chức các lớp bồi doỡng nghiệp vụ quản lý thị troờng cho cán bộ công chức trong toàn lực loợng, tạo điều kiện cho cán bộ công chức trong ngành tiếp xúc nhiều hơn với những kiến thức về hội nhập; tham quan, khảo sát một số noớc có điều kiện gần giống Việt Nam; phát triển sản xuất, tạo công ăn việc làm ổn định cho ngoời lao động, xoá đói giảm nghèo, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân các tỉnh biên giới, đặc biệt các xã, các huyện giáp ranh với Trung Quốc, cần có chính sách và cơ chế ou tiên hơn những vùng khác ở các lĩnh vực nói trên.

Hợp tác về đào tạo nguồn nhân lực. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng để thực hiện thành công công cuộc phát triển kinh tế nói chung cũng nhoơ để thúc đẩy hiệu quả hoạt động thoơng mại Việt Nam - Trung Quốc. Một số công việc cần tiến hành là (i) Xây dựng, thực hiện các choơng trình đào tạo cán bộ quản lý thoơng mại ở các cấp trình độ khác nhau từ đào tạo cán bộ giỏi đàm phán các hiệp ớc thoơng mại song phoơng và đa phoơng đến đào tạo cán bộ quản lý chuyên ngành phù hợp với những đòi hỏi, yêu cầu của thị troờng và phong cách, toơ duy thoơng mại hiện đại; (ii) Tăng coờng hợp tác trao đổi kinh nghiệm nghiệp vụ thông qua khảo sát, tham gia hội nghị, hội thảo khoa học chuyên đề trong noớc cũng nhoơ các noớc trên thế giới, troớc hết là Trung Quốc; (iii) Nhà noớc cần có sự hỗ trợ về cơ sở vật chất và nguồn kinh phí để đào tạo đội ngũ cán Bộ Công Thoơngcho các tỉnh trên Hành lang kinh tế doới nhiều hình thức nhoơ mở các lớp đào tạo trên địa bàn, tổ chức các khoá đào tạo, dành các suất học bổng cho các cán bộ chủ chốt của ngành tu nghiệp ở noớc ngoài ; (iv) Xây dựng đội ngũ cán Bộ Công Thoơngbiết tiếng Trung Quốc, giỏi nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu, thành lập bộ phận nghiên cứu thị troờng để nắm bắt kịp thời những thay đổi về chính sách quản lý xuất nhập khẩu, các ou đãi thuế quan và phi thuế

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

quan...của cả hai phía cũng nhoị những biến động về nhu cầu thị trọờng để xây dựng kế hoạch phù hợp và có hiệu quả; (v) Tăng cọờng trao đổi thông tin giữa hai nọớc, hợp tác áp dụng các hình thức trao đổi thọương mại hiện đại nhoị thọương mại điện tử; (vi) Kết hợp chọương trình hợp tác đào tạo và phát triển nhân lực của khu vực với chọương trình hợp tác trong ACFTA.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

KẾT LUẬN

Quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam – Trung Quốc là một trong những quan hệ chiến lược của cả hai nước. Hiện nay, khi mà cả Việt Nam và Trung Quốc đều trở thành thành viên chính thức của WTO, khung pháp lý cho mối quan hệ hai nước ngày càng được củng cố. Hơn nữa, Trung Quốc và Việt Nam đều là những nước có tốc độ tăng trưởng cao nhất trên thế giới, đều là tâm điểm của đầu tư nước ngoài. Chính vì thế, sự phát triển quan hệ hai nước lại càng trở nên quan trọng. Hiểu được điều đó, hai nước đã và đang xúc tiến các chương trình hợp tác nhằm đưa kim ngạch buôn bán hai chiều lên mức 10 tỷ USD vào năm 2010.

Sau khi nghiên cứu đề tài, có thể đưa ra một số kết luận sau đây

1. Mối quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam – Trung Quốc đã có bước phát triển vượt bậc trong thời gian qua (2001-2007) với tốc độ tăng trưởng xuất khẩu từ Việt Nam sang Trung Quốc tăng khoảng 36%/năm, từ Trung Quốc sang Việt Nam tăng khoảng 82%/năm.

2. Quan hệ thương mại Việt Nam – Trung Quốc đang phát triển theo chiều hướng bất lợi với Việt Nam. Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc chủ yếu là các mặt hàng nguyên liệu nhiên liệu thô, hàm lượng chế biến thấp trong khi nhập khẩu lại từ Trung Quốc các mặt hàng máy móc công cụ, có hàm lượng chế biến cao.

3. Quan hệ đầu tư du lịch Việt Nam – Trung Quốc cũng rất phát triển. Đầu tư từ Trung Quốc sang Việt Nam có xu hướng phát triển nhanh trong thời gian qua. Về du lịch, du lịch từ Trung Quốc sang Việt Nam có xu hướng chững lại trong khi Trung Quốc càng ngày càng chứng tỏ vị trí số một trong lựa chọn du lịch nước ngoài của du khách Việt Nam. Điều này đòi hỏi các chính sách thu hút du lịch, mở rộng các loại hình du lịch mới nhằm thỏa mãn nhu cầu của du khách đến với Việt Nam.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

4. Trung Quốc có tiềm lực kinh tế hùng mạnh, có khả năng cạnh tranh vượt trội so với Việt Nam. Chính vì thế nên coi Trung Quốc như là một thị trường hơn là đối thủ cạnh tranh, từ đó tranh thủ sự phát triển và đặc thù thị trường để hợp tác kinh tế thương mại với Trung Quốc. Với Trung Quốc, Việt Nam nên hợp tác thay cho cạnh tranh, đối đầu , phòng thủ. Cần chú ý trong mối quan hệ với Trung Quốc, Việt Nam nên tính đến lợi ích tổng thể để có sự phối hợp hành động. Chạy theo lợi ích ngắn hạn cục bộ, Việt Nam sẽ bị thiệt thòi, ở vào thế bị động và đánh mất cơ hội dài hạn.

5. Mối quan hệ kinh tế thương mại hai nước chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố: từ các nhân tố toàn cầu, khu vực đến các nhân tố nội tại của Việt Nam và Trung Quốc. Tuy nhiên, các yếu tố này đều chỉ ra rằng: Quan hệ Việt Nam – Trung Quốc sẽ còn phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới.

6. Quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam – Trung Quốc hứa hẹn sẽ có nhiều bước phát triển mới trong tương lai (đến năm 2015). Tuy nhiên, nếu Việt Nam không có sự chuẩn bị kịp thời, đổi mới cơ cấu hàng xuất khẩu và thu hút đầu tư để hạn chế nhập khẩu, bất lợi trong quan hệ hai nước vẫn nghiêng về phía chúng ta.

7. Hợp tác kinh tế thương mại với Trung Quốc cần tính đến lợi ích hợp tác với các đối tác khác. Không nên vì lợi ích ngắn hạn tại thị trường Trung Quốc mà bỏ mất cơ hội ở các thị trường khác. Việt Nam cần xây dựng chiến lược đối tác thương mại lâu dài và linh hoạt.

Trên đây là những hiểu biết và nghiên cứu của tôi về đề tài. Do thời gian nghiên cứu hạn hẹp, đối tượng nghiên cứu là một quan hệ kinh tế thương mại phức tạp, bài luận văn không thể tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong thầy cô và các bạn đóng góp ý kiến để bài luận văn được hoàn thiện hơn.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Xúc tiến thọơng mại, Bộ Công Thọơng(2001), *"Đánh giá sơ bộ tiềm năng xuất khẩu của Việt Nam"*, Dự án "Hỗ trợ xúc tiến thọơng mại và phát triển xuất khẩu" VIE/98/021.

2. TS. Phạm Thái Quốc (2005), "*Thực trạng quan hệ mậu dịch Việt – Trung"*.

3. TS. Phạm Thái Quốc (2007), "*Trung Quốc sau 5 năm gia nhập WTO và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam"*.

4. TS. Trần Du Lịch (2006), *"Cạnh tranh Việt Nam - Trung Quốc trên thị trường nội địa Việt Nam: Đối sách "sống chung với lũ"*.

5. GS Trần Văn Thọ (2005), *"FTA giữa Trung Quốc và ASEAN: Đặc biệt phân tích từ vị trí của Việt Nam"*

6. Tổng cục du lịch, *Niên giám thống kê các năm*

7. Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê các năm.*

8. Tổng cục Hải quan*, Báo cáo số liệu xuất nhập khẩu.*

9. Trung tâm Thông tin và Dự báo kinh tế - xã hội Quốc gia, *Nghiên cứu xu thế liên kết kinh tế quốc tế - tác động đối với phát triển kinh tế Việt Nam,* Tạp chí Thông tin và Dự báo kinh tế - xã hội, số 17 - 3/2007.

10. uỷ ban Quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế (2003), *Các văn bản pháp quy và cơ chế, chính sách xuất nhập khẩu của Trung Quốc sau khi gia nhập WTO,* Hà Nội.

11. Vụ châu á - Thái Bình Dọơng, Bộ Công Thọơng(2004), *Định hướng và giải pháp phát triển xuất khẩu hàng hoá Việt Nam sang Trung Quốc giai đoạn 2006-2010.*

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

12. Vụ châu á - Thái Bình Dợơng, Bộ Công Thợơng(2007), *Dự thảo Đề án phát triển xuất nhập khẩu hàng hoá với Trung Quốc giai đoạn 2007-2015.*

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

13. http://www.laocai.com.vn - ngày truy cập 12/4/2008

14. http://www.laocai.gov.vn/NHDLTNTQ/content/1010004.htm - ngày truy cập 11/4/2008

15. http://www.cpv.org.vn/print_preview.asp?id=BT2410861568 - ngày truy cập: 15/4/2008

16. http://vneconomy.vn/?home=detail&page=category&cat_name=19&id=c8ab73925450e2 - truy cập ngày 20/4/2008

17. http://vietbao.vn/Kinh-te/Nguon-du-khach-Trung-Quoc-Qua-quan-trong-de-khong-xem-nhe/40160896/87/ - ngày truy cập 5/4/2008

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com